



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2012 - 2013

TẠO ĐÀ VƯỜN *Xa*



Nội dung

- 04 Văn hóa 10 chữ T
- 05 Tâm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- 06 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

- 08 GIỚI THIỆU TẬP ĐOÀN HOA SEN**
- 10 Các con số nổi bật NĐTC 2012 - 2013
- 12 Lịch sử 12 năm hình thành và phát triển
- 15 Mô hình Tập đoàn Hoa Sen
- 16 Sơ đồ tổ chức Tập đoàn Hoa Sen đến năm 2017
- 18 Năng lực sản xuất
- 20 Danh mục sản phẩm
- 22 5 lợi thế cạnh tranh cốt lõi

- 36 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 38 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 46 Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc
- 48 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 56 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 57 Báo cáo của Ban Kiểm soát

- 58 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**
- 60 Hoạt động của Hội đồng Quản trị
- 62 Hoạt động của Ban Kiểm soát
- 63 Quan hệ cổ đông và nhà đầu tư
- 63 Quan hệ cộng đồng
- 64 Quản trị rủi ro
- 66 Chính sách nguồn nhân lực
- 70 Thông tin cổ phần
- 74 Giới thiệu nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ
- 76 Giới thiệu các công ty con
- 82 Hệ thống chi nhánh

84 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 94 Phụ lục ảnh: Nick Vujicic đến Việt Nam

98 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2013

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2013



SEN
CHẤT LƯỢNG Vàng



VĂN HÓA

10 T
CHỮ

Trung Thực
Trung Thành
Tận Tụy
Trí Tuệ
Thân Thiện

Tầm nhìn

Trở thành một tập đoàn kinh tế hàng đầu Việt Nam và khu vực ASEAN trong lĩnh vực vật liệu xây dựng bằng chiến lược phát triển bền vững, trong đó tập trung vào các sản phẩm truyền thống: tôn, thép, nhựa trên cơ sở xây dựng và phát triển chuỗi lợi thế cạnh tranh cốt lõi: quy trình sản xuất kinh doanh khép kín, hệ thống phân phối - bán lẻ đến tận tay người tiêu dùng, chuỗi thương hiệu mạnh, thân thiện và hướng đến cộng đồng, hệ thống quản trị và văn hoá doanh nghiệp đặc thù, tiên phong đầu tư đổi mới công nghệ để mang lại giá trị gia tăng cao nhất cho cổ đông, người lao động và xã hội.

Sứ mệnh

Cung cấp những sản phẩm mang thương hiệu Hoa Sen với chất lượng quốc tế và giá hợp lý nhằm thoả mãn nhu cầu của người tiêu dùng, góp phần thay đổi diện mạo kiến trúc đất nước và phát triển cộng đồng.

Giá trị cốt lõi

Trung thực - Cộng đồng - Phát triển

Triết lý kinh doanh

- ⊗ Chất lượng sản phẩm là trọng tâm.
- ⊗ Lợi ích khách hàng là then chốt.
- ⊗ Thu nhập nhân viên là trách nhiệm.
- ⊗ Chia sẻ cộng đồng là nghĩa vụ.



“ Kết quả kinh doanh khả quan trong niên độ vừa qua đã tạo đà cho những bước tiến xa hơn của Tập đoàn Hoa Sen trên chặng đường chinh phục mục tiêu sản lượng tiêu thụ 1 triệu tấn và doanh thu 1 tỷ USD ”

Kính thưa Quý vị cổ đông,

Niên độ tài chính 2012 - 2013 đánh dấu bước tiến quan trọng của Tập đoàn Hoa Sen trên chặng đường chinh phục mục tiêu: sản lượng tiêu thụ 1 triệu tấn và doanh thu 1 tỷ USD. Trong bối cảnh kinh tế trong nước chưa có dấu hiệu khởi sắc, nhu cầu tiêu thụ thép còn yếu, chưa có lối ra cho hàng tồn kho, chi phí sản xuất tăng khiến nhiều doanh nghiệp trong nước gặp khó khăn thì việc đặt ra và thực hiện mục tiêu trên được xem là quyết định mang tính đột phá của Tập đoàn.

Trước những khó khăn thách thức từ tình hình chung, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng tập thể hơn 3.700 cán bộ nhân viên Tập đoàn Hoa Sen đã nỗ lực hết mình để hoàn thành mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Trái ngược với bức tranh chung ảm đạm của nền kinh tế, niên độ tài chính 2012 - 2013 vừa qua một lần nữa chứng kiến bước phát triển mạnh mẽ của Tập đoàn Hoa Sen cả về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận. Cụ thể trong niên độ tài chính 2012 - 2013, sản lượng tiêu thụ thành phẩm của Tập đoàn Hoa Sen đạt 601.671 tấn, doanh thu 11.760 tỷ đồng, hoàn thành lần lượt 111% và 107% kế hoạch đề ra. Đặc biệt, lợi nhuận sau thuế tiếp tục tăng trưởng ấn tượng với kết quả 581 tỷ đồng, vượt 45% so với kế hoạch đề ra và tăng 58% so với niên độ tài chính trước.

Bên cạnh việc phát triển thị trường tiêu thụ trong nước, công tác xuất khẩu những năm gần đây luôn được Tập đoàn chú trọng đẩy mạnh và đã mang lại hiệu quả với việc sản lượng và doanh thu xuất khẩu liên tục tăng trưởng qua các năm. Riêng trong niên độ tài chính 2012 - 2013, Tập đoàn Hoa Sen đã xuất khẩu ra thị trường nước ngoài gần 280.000 tấn sản phẩm, đạt doanh thu xuất khẩu xấp xỉ 252 triệu USD, tương ứng với 45% tổng doanh thu, giúp Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục khẳng định vị thế là doanh nghiệp xuất khẩu tôn hàng đầu khu vực Đông Nam Á. Hiện nay, các sản phẩm mang thương hiệu Hoa Sen đã có mặt tại 40 quốc gia và khu vực trên thế giới. Bằng chất lượng quốc tế, giá cả hợp lý và thời gian giao hàng nhanh, Tập đoàn Hoa Sen đang ngày càng vươn xa hơn và khẳng định chỗ đứng vững chắc của mình trên thị trường quốc tế.

Với bước phát triển mạnh mẽ trong hoạt động kinh doanh và những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước, Tập đoàn Hoa Sen đã vinh dự nhận nhiều giải thưởng cao quý trong năm 2013: Huân chương Lao động hạng Ba, Bằng khen Doanh nghiệp tiêu biểu tỉnh Bình Dương năm 2013, Top 10 Doanh nghiệp Sao Vàng đất Việt 2013, Top 10 Doanh nghiệp tiêu biểu về trách nhiệm xã hội 2013 cùng nhiều giải thưởng khác. Những thành quả trên là niềm tự hào to lớn của đội ngũ cán bộ nhân viên Tập đoàn Hoa Sen và là minh chứng khẳng định cam kết của một thương hiệu luôn hướng tới mục tiêu tạo ra những giá trị cao nhất cho người tiêu dùng và xã hội.

Bước sang năm 2014, tăng trưởng kinh tế trong nước dự báo sẽ có dấu hiệu phục hồi. Tuy nhiên, những vấn đề mấu chốt của nền kinh tế hiện nay như sức mua trong nước yếu, tăng trưởng tín dụng thấp, v.v... nhìn chung khó có sự cải thiện rõ

rệt trong năm tới. Riêng với ngành tôn thép, bên cạnh tình trạng đóng băng kéo dài của thị trường bất động sản trong nước thời gian qua, mối quan ngại của các doanh nghiệp còn xuất phát từ khả năng phải đối mặt với các rào cản thương mại tại các thị trường xuất khẩu. Cùng với đó là làn sóng nhập khẩu ồ ạt các sản phẩm tôn thép giá rẻ từ Trung Quốc vào thị trường Việt Nam càng tạo ra thách thức không nhỏ cho các doanh nghiệp tôn thép trong nước.

Trước những dự báo về diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế năm 2014, công tác quản trị, điều hành cần phải hết sức thận trọng. Với mục tiêu phát triển bền vững, các chủ trương, chính sách của Hội đồng Quản trị sẽ hướng đến việc kiện toàn bộ máy hoạt động của Tập đoàn theo chiều sâu, làm cơ sở nâng cao lợi thế cạnh tranh cũng như tạo bệ phóng vững chắc cho doanh nghiệp bứt phá trong các giai đoạn phát triển mới. Theo đó, những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2014 của Tập đoàn Hoa Sen sẽ là: không ngừng cải tiến

Tháng 5/2013, Tập đoàn Hoa Sen đã tổ chức và tài trợ cho sự kiện “Nick Vujicic đến Việt Nam”. Sự kiện này đã truyền cảm hứng và nghị lực sống đến hàng triệu người Việt Nam đặc biệt là những người đang trong hoàn cảnh khó khăn, giúp họ vượt lên chính mình và đạt được ước mơ cũng như thành công trong cuộc sống.

kỹ thuật, nâng cao hơn nữa năng suất và chất lượng sản phẩm; kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất, hoàn thiện hệ thống định mức sản xuất nhằm tiết giảm tối đa chi phí, tạo cơ sở hạ giá thành sản phẩm; nâng cao hiệu quả các kênh bán hàng thông qua việc mở rộng và chuyên nghiệp hóa hoạt động của hệ thống chi nhánh bán lẻ, tìm kiếm các thị trường xuất khẩu mới, giảm thiểu sự phụ thuộc vào các thị trường truyền thống; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo hướng giỏi hơn, chuyên nghiệp hơn và thu nhập cao hơn; tiếp tục duy trì các hoạt động truyền thông đa dạng, sáng tạo nhằm tăng cường mặt độ hiện diện của thương hiệu Hoa Sen trong tâm thức cộng đồng và người tiêu dùng.

Với tiền đề là chuỗi lợi thế cạnh tranh cốt lõi, bộ máy lãnh đạo điều hành dày dặn kinh nghiệm và am hiểu thị trường, đội ngũ nhân sự trẻ ngày càng hoàn thiện về trình độ chuyên môn cũng như thấm nhuần văn hóa doanh nghiệp, và đặc biệt là với sự tin nhiệm, ủng hộ của quý cổ đông, quý đối tác, khách hàng, tôi tin tưởng rằng bước sang niên độ tài chính mới 2013 - 2014 chúng ta sẽ cùng nhau đạt được những thành quả to lớn hơn để khẳng định thương hiệu và vị thế của Tập đoàn Hoa Sen.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể cán bộ nhân viên Tập đoàn Hoa Sen, tôi trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ của Quý vị cổ đông trong suốt thời gian qua. Nhân dịp xuân mới, tôi cũng kính chúc Quý vị cổ đông một mùa xuân tươi vui, hạnh phúc và hy vọng Quý vị sẽ luôn đồng hành cùng Tập đoàn Hoa Sen trên con đường vươn xa hơn đến những thành công mới.

Trân trọng cảm ơn./.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

LÊ PHƯỚC VŨ





...dựng xây
nền tảng

GIỚI THIỆU TẬP ĐOÀN HOA SEN

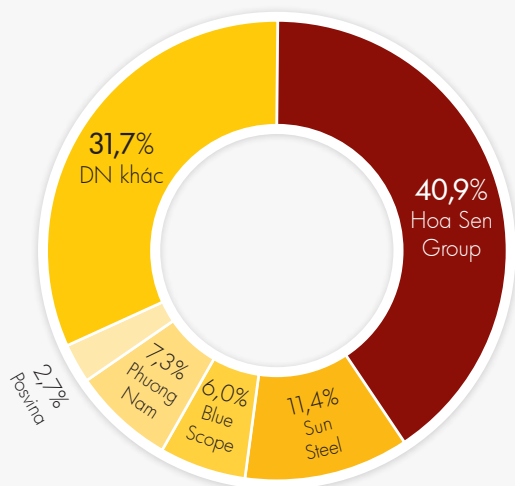
Các con số nổi bật NĐTC 2012 - 2013	10
Lịch sử 12 năm hình thành và phát triển	12
Mô hình Tập đoàn Hoa Sen	15
So đề tổ chức Tập đoàn Hoa Sen đến năm 2017	16
Năng lực sản xuất	18
Danh mục sản phẩm	20
5 lợi thế cạnh tranh cốt lõi	22

CÁC CON SỐ NỔI BẬT

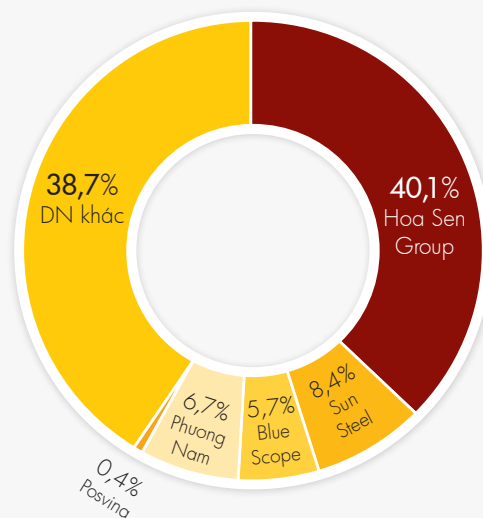
NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2012 - 2013

THỊ PHẦN TÔN

NĂM 2012

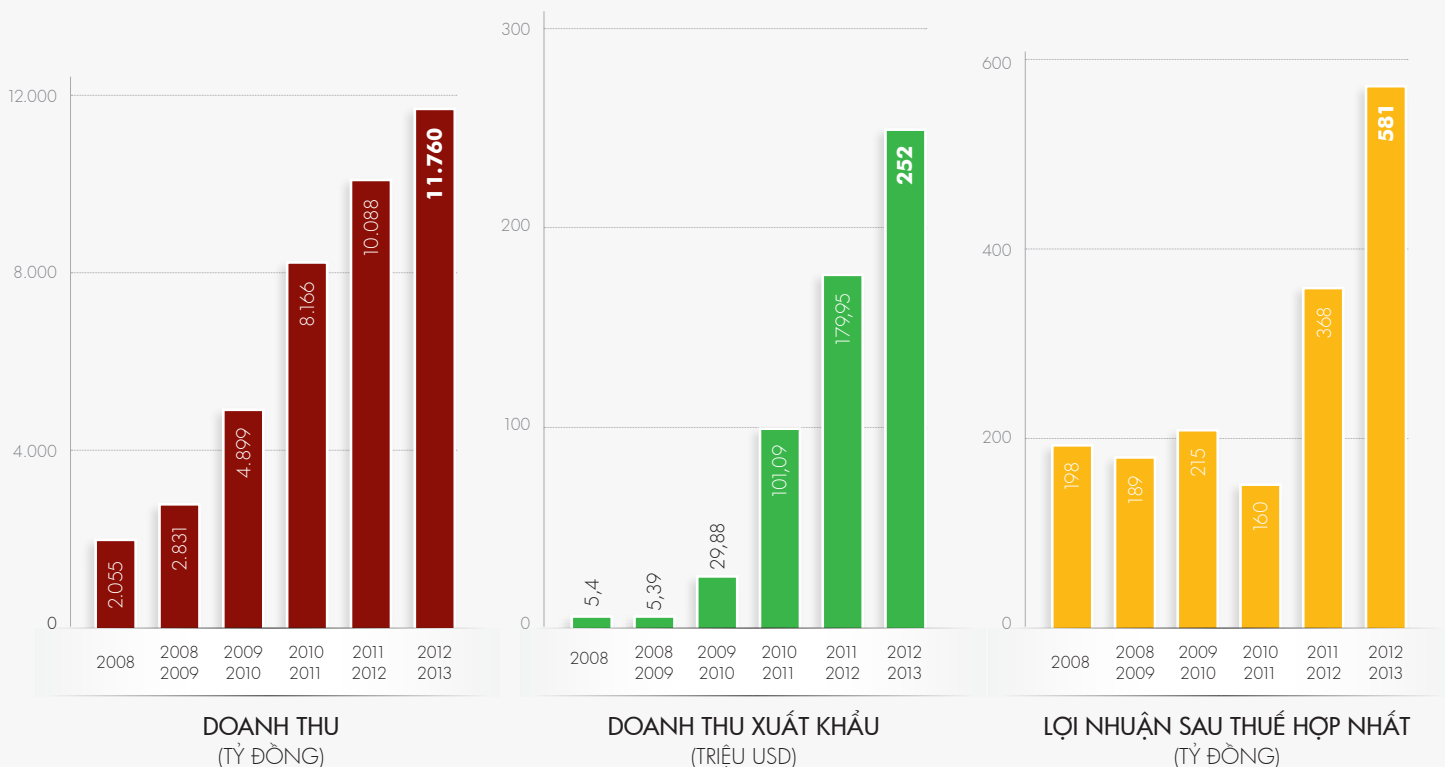


11 THÁNG ĐẦU NĂM 2013



Nguồn: Bản tin nội bộ Hiệp hội Thép Việt Nam năm 2012 và tháng 12/2013

Ghi chú: Số liệu thống kê trên chỉ bao gồm sản lượng bán của những thành viên Hiệp hội Thép Việt Nam và đã loại trừ sản lượng bán của Công ty Perstima Việt Nam vì tôn mạ thiếc không phục vụ công nghiệp xây dựng và của Công ty Posco VST vì inox không phải là tôn mạ.





HẠNG **3**



TOP **10**

Vị thế số **1**
trên thị trường tôn Việt Nam
và xuất khẩu tôn hàng đầu
Đông Nam Á.

Huân chương
Lao động hạng **3**

Top **10**
Doanh nghiệp Sao Vàng đất Việt
và Top 10 Doanh nghiệp tiêu biểu
về trách nhiệm xã hội năm 2013.

Khai trương
chi nhánh thứ **115**

252 triệu
USD
Doanh thu xuất khẩu - tăng 40%
so với niên độ trước.

Trong niên độ tài chính năm 2012 - 2013, Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục khẳng định vị thế doanh nghiệp sản xuất kinh doanh tôn số 1 Việt Nam và là doanh nghiệp xuất khẩu tôn hàng đầu Đông Nam Á.

Ngày 09/9/2013, Tập đoàn Hoa Sen vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba theo Quyết định số 1602 QĐ/CTN ngày 05/9/2013 do Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan ký. Huân chương này có ý nghĩa quan trọng, là ghi nhận của Nhà nước và xã hội đối với những đóng góp của Tập đoàn cho sự phát triển của đất nước cũng như xã hội trong giai đoạn 12 năm phát triển theo các tiêu chí bền vững của Tập đoàn.

Ngày 02/9/2013, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen vinh dự nhận được hai giải thưởng: Top 10 Doanh nghiệp Sao Vàng đất Việt năm 2013 và Top 10 Doanh nghiệp tiêu biểu về trách nhiệm xã hội năm 2013. Đây là lần thứ 2 Tập đoàn Hoa Sen đạt Top 10 Doanh nghiệp Sao Vàng đất Việt (lần đầu vào năm 2009) và cũng là lần thứ 2 đạt giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu về trách nhiệm xã hội (lần đầu vào năm 2011).

NĐTC 2012 - 2013, Tập đoàn Hoa Sen đã thành lập thêm 7 chi nhánh phân phối - bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối - bán lẻ của Tập đoàn lên con số 115 chi nhánh, góp phần gia tăng năng lực bán hàng và lợi thế cạnh tranh cốt lõi của Tập đoàn.

Doanh thu xuất khẩu niên độ tài chính 2012 - 2013 xấp xỉ 252 triệu USD, tăng trưởng 40% so với niên độ trước.

Ngày 18/5/1994, gia đình Ông Lê Phước Vũ (nay là Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Hoa Sen) bắt đầu khởi nghiệp với đồng vốn ít ỏi dành dụm từ đồng lương của người thợ, gia đình ông vừa thuê nhà vừa làm cửa hàng mua bán tôn lè tại ngã tư An Suong, Quận 12, TP.HCM. Sau đó ít lâu, công việc kinh doanh có nhiều chuyển biến thuận lợi, chất chiu được ít tiền, gia đình ông đã mua trả góp một máy cán tôn cũ, tự cất tôn, đi bán lè khắp nơi. Đến khi công việc kinh doanh thuận lợi, gia đình ông mới quyết định thành lập Công ty để mở rộng sản xuất - kinh doanh.

Ngày 08/8/2001, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen được thành lập. Sau 12 năm thành lập và phát triển, Tập đoàn Hoa Sen đã xây dựng thành công hệ thống nhà máy sản xuất có công nghệ hiện đại, tạo được chuỗi thương hiệu mạnh, thân thiện và hướng về cộng đồng, khẳng định vị thế số 1 về thị phần tôn trong nước và hàng đầu về xuất khẩu tôn tại Đông Nam Á. Từ ngày thành lập, số vốn điều lệ ban đầu 30 tỷ đồng, 22 nhân viên và 3 chi nhánh phân phối - bán lè trực thuộc. Đến cuối năm 2003, Tập đoàn sở hữu 34 chi nhánh phân phối - bán lè. Với chiến lược kinh doanh bền vững và sáng tạo, Tập đoàn Hoa Sen sẽ tiếp tục phát triển vượt bậc trong thời gian tới.

Thành lập thêm 15 chi nhánh, nâng tổng số chi nhánh phân phối - bán lè lên 49.

Khai trương và đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất tôn màu I, công suất 45.000 tấn/năm; đồng thời khánh thành Trụ sở Tập đoàn tại số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

1994

2001 - 2003

2004



2008

Thành lập thêm 4 chi nhánh phân phối - bán lè, nâng tổng số chi nhánh phân phối - bán lè lên 79.

Hợp tác với Công ty Cổ phần Gemadept thành lập Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept với vốn điều lệ 39 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn Hoa Sen là 45%.

Khánh thành giai đoạn I Dự án Nhà máy Ống thép, Ống nhựa và Vật liệu xây dựng Hoa Sen tại KCN Phú Mỹ I, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Khánh thành dây chuyền sản xuất tôn mỏng (công nghệ NOF) công suất 150.000 tấn/năm và dây chuyền mạ màu II, công suất 45.000 tấn/năm.

2008 - 2009

Thành lập thêm 3 chi nhánh phân phối - bán lè, nâng tổng số chi nhánh phân phối - bán lè lên 82.

Ngày 05/12/2008, niêm yết 57.038.500 cổ phiếu của Tập đoàn Hoa Sen tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM với mã chứng khoán HSG.

Khởi công giai đoạn 1 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen - Phú Mỹ tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2009 - 2010

Thành lập thêm 11 chi nhánh phân phối - bán lè, nâng tổng số chi nhánh phân phối - bán lè lên 93.

Phát hành riêng lẻ cho các nhà đầu tư lớn và cán bộ công nhân viên, tăng vốn điều lệ từ 570 tỷ đồng lên 700 tỷ đồng.

Khai trương và đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất tôn dày (công nghệ NOF), công suất 450.000 tấn/năm và dây chuyền mạ

Thành lập thêm 7 chi nhánh phân phối - bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối - bán lẻ lên 56.

2005

Thành lập thêm 3 chi nhánh phân phối - bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối - bán lẻ lên 59.

Khởi công xây dựng Nhà máy Thép cán nguội 180.000 tấn/năm tại KCN Sóng Thần 2, Thị xã Dĩ An, Bình Dương.

Thành lập Công ty Cổ phần Tôn Hoa Sen.

2006

Thành lập thêm 16 chi nhánh phân phối - bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối - bán lẻ lên 75.

Thành lập Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hoa Sen và Công ty Cổ phần Co khí và Xây dựng Hoa Sen.

Khánh thành Nhà máy Thép cán nguội Hoa Sen, công suất 180.000 tấn/năm, đồng thời khởi công xây dựng dây chuyền sản xuất tôn mỏng (công nghệ NOF) công suất 150.000 tấn/năm.

Khởi công giai đoạn 1 Dự án Nhà máy Ống thép, Ống nhựa và Vật liệu xây dựng Hoa Sen tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tháng 12/2007, Công ty Cổ phần Hoa Sen đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và tiến hành nhận sáp nhập 3 công ty: Công ty Cổ phần Tôn Hoa Sen, Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hoa Sen, và Công ty Cổ phần Co khí và Xây dựng Hoa Sen.

2007

2010 - 2011

Kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Tập đoàn Hoa Sen

Thành lập thêm 13 chi nhánh phân phối - bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối - bán lẻ lên 106.

Khánh thành giai đoạn 1 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ.

Doanh thu xuất khẩu đạt 101 triệu USD.

2011 - 2012

Doanh thu xuất khẩu đạt 180 triệu USD, trở thành một trong những doanh nghiệp xuất khẩu hàng đầu Đông Nam Á.

Chủ trương đầu tư bổ sung dây chuyền sản xuất tôn mỏng (công nghệ NOF) công suất 120.000 tấn/năm nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường.

Công bố hệ thống nhận diện thương hiệu mới.

Thành lập thêm 02 chi nhánh phân phối - bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối - bán lẻ lên 108.

▶ màu công suất 180.000 tấn/năm thuộc Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ.

Phát hành cổ phiếu thường và cổ phiếu trả cổ tức NĐTTC 2008 cho cổ đông, tăng vốn điều lệ từ 700 tỷ đồng lên 839,960 tỷ đồng.

Phát hành cổ phiếu trả cổ tức NĐTTC 2008 - 2009 cho cổ đông, tăng vốn điều lệ từ 839,960 tỷ đồng lên 1.007,907 tỷ đồng.



01 Khai trương và đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất tôn mỏng công nghệ NOF công suất 120.000 tấn/năm.

02 Thành lập thêm 7 chi nhánh phân phối - bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối - bán lẻ lên 115 chi nhánh và 3 tổng kho.

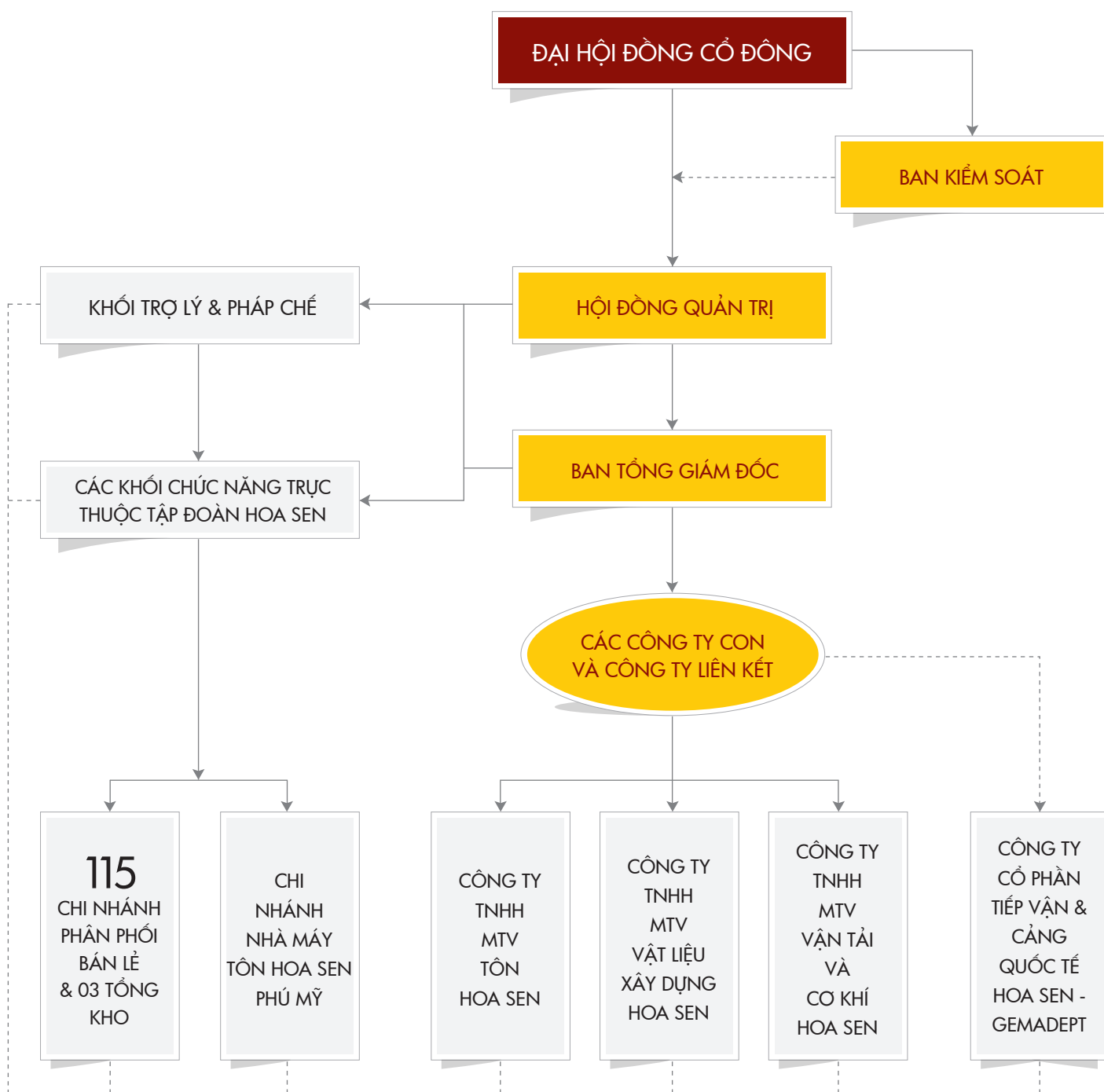
03 Tập đoàn Hoa Sen đạt Top 100 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và Top 30 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2012.

04 Tập đoàn Hoa Sen vinh dự đạt Top 10 Sao Vàng Đất Việt 2013 và Top 10 doanh nghiệp tiêu biểu về trách nhiệm xã hội.

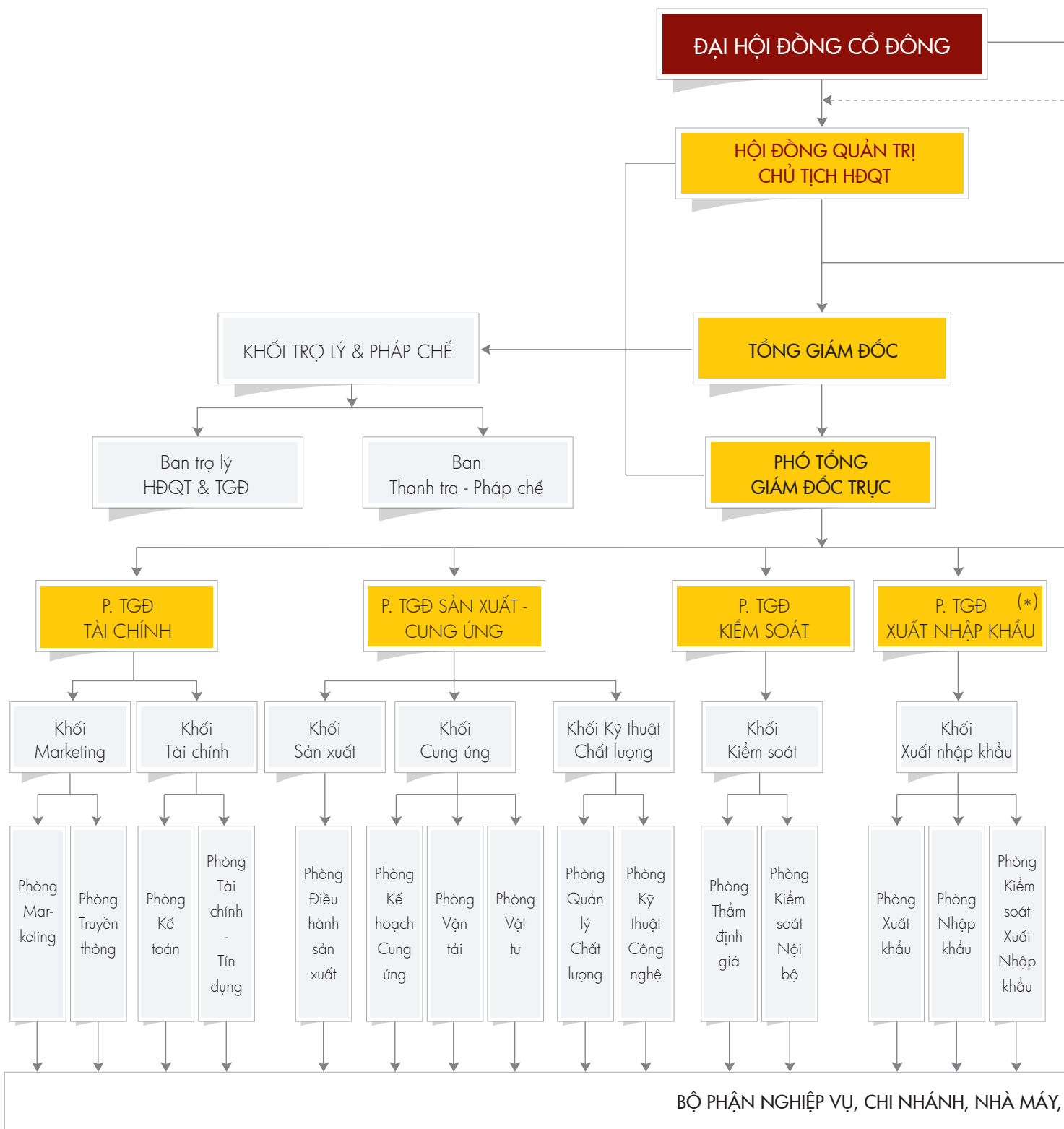
05 Ngày 09/9/2013, Tập đoàn Hoa Sen vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba do Phó Chủ tịch nước trao tặng.

06 Triển khai giai đoạn 2 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ, tạo nền tảng để đạt mục tiêu sản lượng 1 triệu tấn, doanh thu 1 tỷ USD.

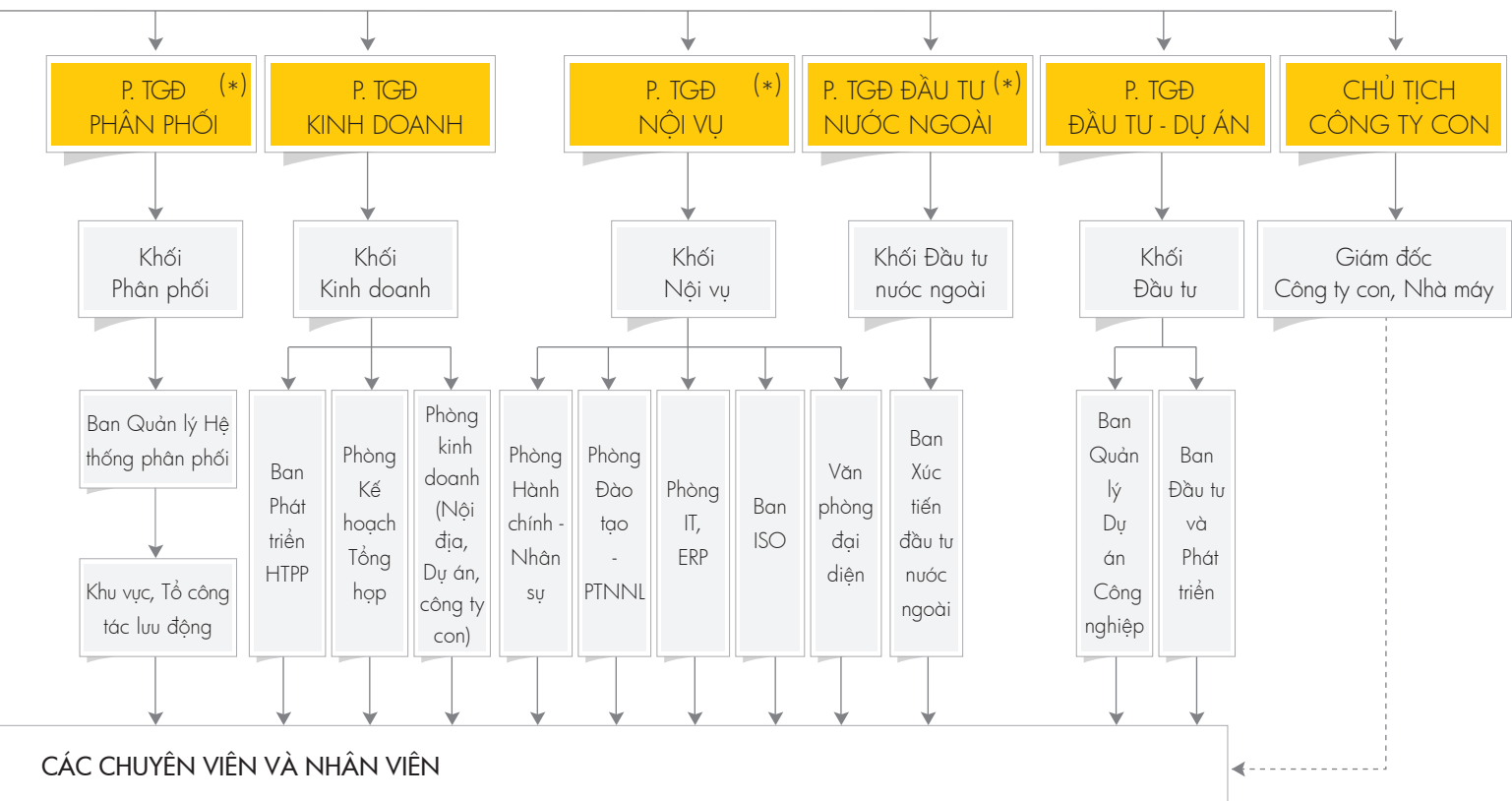
MÔ HÌNH
TẬP ĐOÀN HOA SEN



Ghi chú: — : Quản lý trực tiếp - - - - : Phối hợp, kiểm tra



(*) Các vị trí đang còn trống này hiện tại được kiêm nhiệm.



NĂNG LỰC SẢN XUẤT

Địa điểm đặt dây chuyền sản xuất	Tên dây chuyền sản xuất	Công suất thiết kế (tấn/năm)
1. CÔNG TY TNHH MTV TÔN HOA SEN Số 9, Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.	Dây chuyền cán nguội số 1	180.000
	Dây chuyền tẩy rỉ số 1	250.000
	Lò ủ số 1	42.000
	Dây chuyền sản xuất tôn mỏng số 1	150.000
2. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN Số 9, Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.	Dây chuyền phủ màu số 1	45.000
	Dây chuyền phủ màu số 2	45.000
	Dây chuyền cán nguội số 2	200.000
3. CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV TÔN HOA SEN - NHÀ MÁY THÉP CÁN NGUỘI PHÚ MỸ Đường số 1B, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Dây chuyền cán nguội số 3	200.000
	Dây chuyền tẩy rỉ số 2	700.000
	Dây chuyền tái sinh axit	5.000 lít/giờ
	Dây chuyền sản xuất tôn dày số 2	450.000
4. CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN - NHÀ MÁY TÔN HOA SEN PHÚ MỸ Đường số 1B, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Dây chuyền sản xuất tôn mỏng số 3	100.000
	Dây chuyền sản xuất tôn mỏng số 4	120.000
	Dây chuyền phủ màu số 3	180.000
	Lò ủ số 2	42.000
	Lò ủ số 3	100.000
5. CÔNG TY TNHH MTV VẬT LIỆU XÂY DỰNG HOA SEN Đường số 1B, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	10 Dây chuyền ống thép	101.000
	12 Dây chuyền ống nhựa	30.000
6. CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV VẬT LIỆU XÂY DỰNG HOA SEN TẠI DĨ AN - BÌNH DƯƠNG Đường số 19, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.	6 Dây chuyền ống thép	48.000
7. CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV VẬT LIỆU XÂY DỰNG HOA SEN TẠI HẢI DƯƠNG Thôn Phương Độ, Xã Hưng Thịnh, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương.	6 Dây chuyền ống thép	48.000



634.128 TẤN
TỔNG SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ
NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2012 - 2013



CÔNG NGHỆ TIÊN TIẾN TẠO RA SẢN PHẨM ĐA DẠNG VỚI CHẤT LƯỢNG ĐẠT TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ.

THÉP CÁN NGUỘI



Với công nghệ cán 6 trục đảo chiều tiên tiến, sản phẩm thép cán nguội tại Tập đoàn đáp ứng được các yêu cầu khắt khe về chất lượng.

TÔN HỢP KIM NHÔM KẼM (Tôn lạnh)



Được sản xuất trên dây chuyền công nghệ NOF hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn ASTM A792M của Hoa Kỳ, AS 1397 (G550) - AS 1365 (G300) của Úc và JIS G3321 của Nhật Bản. Bề mặt sản phẩm bóng đẹp, màu ánh bạc, khả năng chống ăn mòn vượt trội, kháng nhiệt hiệu quả, linh hoạt trong thiết kế và có tuổi thọ gấp 4 lần so với tôn kẽm thông thường.

TÔN HỢP KIM NHÔM KẼM PHỦ MÀU (Tôn lạnh màu)



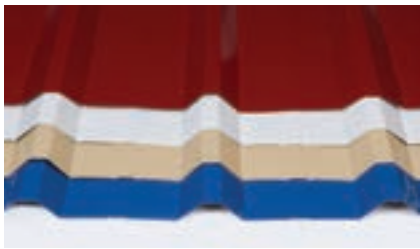
Ứng dụng công nghệ hàng đầu về sơn mạ trên nền hợp kim nhôm kẽm, tạo cho sản phẩm độ bền vượt trội, độ thẩm mỹ cao.

TÔN KẼM



Được sản xuất trên dây chuyền công nghệ NOF hiện đại, sản phẩm đáp ứng các yêu cầu khắt khe nhất đối với thép lá mạ kẽm theo tiêu chuẩn Nhật Bản (JIS G3302). Khả năng chống ăn mòn tốt, bề mặt lớp mạ nhẵn mịn, sản phẩm tôn kẽm Hoa Sen là lựa chọn hàng đầu của người tiêu dùng.

TÔN KẼM PHỦ MÀU



Sự đa dạng về màu sắc và quy cách của tôn kẽm phủ màu Hoa Sen luôn đáp ứng các nhu cầu của khách hàng.

TÔN METALIC



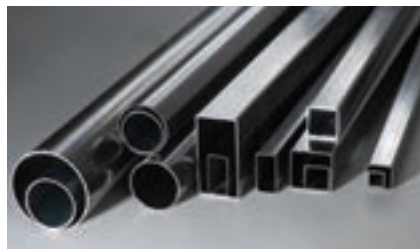
Vừa được Tập đoàn Hoa Sen nghiên cứu sản xuất và giới thiệu ra thị trường, sản phẩm tôn Metallic có đặc điểm nổi bật là bề mặt có ánh kim nên tính thẩm mỹ rất cao, được nhiều người tiêu dùng ưa chuộng. Bên cạnh việc sử dụng để lợp mái nhà, tôn metallic còn được ứng dụng nhiều trong lĩnh vực trang trí nội thất mang lại sự sang trọng, tinh tế cho ngôi nhà.

THÉP DÀY MẠ KẼM



Với nguồn nguyên liệu đầu vào là thép cán nguội chất lượng cao của Tập đoàn Hoa Sen, cùng với công nghệ NOF hiện đại, sản phẩm thép dày mạ kẽm Hoa Sen đáp ứng được các yêu cầu đa dạng trong xây dựng công nghiệp, dân dụng.

THÉP HỘP VÀ ỐNG THÉP



Được sản xuất qua các công đoạn: tẩy rỉ, cán nguội, ủ mềm, mạ kẽm, cắt băng, cán định hình, Thép hộp và Ống thép Hoa Sen có bề mặt sạch, trơn láng, độ dày đều, độ uốn dẻo cao, độ bám kẽm tốt, đảm bảo chất lượng cao theo tiêu chuẩn: JIS G3344:2004 (Nhật Bản), JIS G3466:2006 (Nhật Bản), ASTM A53/A53M-07 (Hoa Kỳ); ASTM A500/A500M-07 (Hoa Kỳ).

ỐNG NHỰA VÀ PHỤ KIỆN



Được sản xuất trên dây chuyền hiện đại theo công nghệ Châu Âu với hệ thống trộn trung tâm cho ra sản phẩm đồng nhất và chất lượng cao theo tiêu chuẩn: BS 3505: 1968/BS EN 1452-2: 2009 (Anh); AS/NZS 1477: 2006 (Úc), TCVN 6151-2: 2002 (Việt Nam). Áp dụng công nghệ chính tâm nhiệt hiện đại, Tập đoàn Hoa Sen đã sản xuất được ống nhựa uPVC đường kính 630 mm, dày 30 mm, áp suất 12,5 bar lớn nhất trên thế giới hiện nay. Ống nhựa Hoa Sen được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực như: cấp thoát nước dân dụng và công cộng, các công trình điện lực, viễn thông, bơm cát,...



...nền tảng phát triển
BỀN VỮNG



**LỢI
THẾ
CẠNH
TRANH
CỐT
LÕI**

- 1 | Quy trình sản xuất kinh doanh khép kín.
- 2 | Sở hữu hệ thống 115 chi nhánh phân phối - bán lẻ, 3 tổng kho trong nước và kênh phân phối đến 40 quốc gia trên thế giới.
- 3 | Thương hiệu mạnh, thân thiện và hướng đến cộng đồng.
- 4 | Hệ thống quản trị chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp đặc thù.
- 5 | Tiên phong đầu tư công nghệ mới.

QUY TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH KHÉP KÍN

Hiện nay, Tập đoàn Hoa Sen trở thành nhà xuất khẩu tôn hàng đầu Đông Nam Á

Quy trình sản xuất tôn - thép của Tập đoàn Hoa Sen bắt đầu từ dây chuyền sản xuất thép cán nguội. Thép cán nóng nhập khẩu đi qua dây chuyền này sẽ tạo ra thép cán nguội dạng cuộn.

Sản phẩm thép cán nguội tiếp tục là nguyên liệu đầu vào cho các dây chuyền mạ để cho ra sản phẩm cuối cùng là tôn.

Đặc biệt, ở từng giai đoạn của quy trình sản xuất này, các thành phẩm của Tập đoàn Hoa Sen đều đáp ứng được những tiêu chuẩn chất lượng quốc tế của Hoa Kỳ, Úc, Nhật

Bản. Do đó, những sản phẩm này đáp ứng tốt nhu cầu đa dạng của thị trường đối với các sản phẩm thép cán nguội và tôn.

Thông qua hệ thống 115 chi nhánh phân phối - bán lẻ trên toàn quốc và 3 tổng kho, các sản phẩm chất lượng cao của Hoa Sen được đưa đến tận tay người tiêu dùng.

Tập đoàn Hoa Sen bắt đầu xuất khẩu sản phẩm từ năm 2008, sản phẩm của Tập đoàn đã và đang xuất khẩu đến hơn 40 quốc gia, vùng lãnh thổ trên toàn thế giới

thuộc Đông Nam Á, Tây Á, Trung Đông, Đông Phi, Tây Phi, Nam Mỹ, Úc... Hiện tại, Tập đoàn Hoa Sen trở thành nhà xuất khẩu tôn hàng đầu Đông Nam Á.

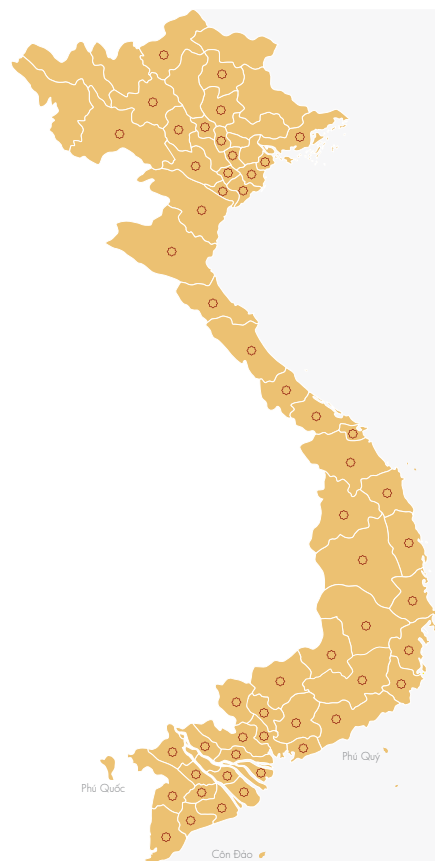
Với quy trình sản xuất kinh doanh khép kín, Tập đoàn Hoa Sen chủ động và kiểm soát chặt chẽ chi phí từng khâu trong quá trình sản xuất. Điều này giúp tối thiểu hóa chi phí và đạt được hiệu quả kinh tế theo phạm vi. Đây là cơ sở để Tập đoàn Hoa Sen thực thi chiến lược dẫn đầu thị trường dựa vào chi phí sản xuất kinh doanh thấp nhất.



THỰC THI
CHIẾN LƯỢC
DẪN ĐẦU
VỀ CHI PHÍ
THẤP

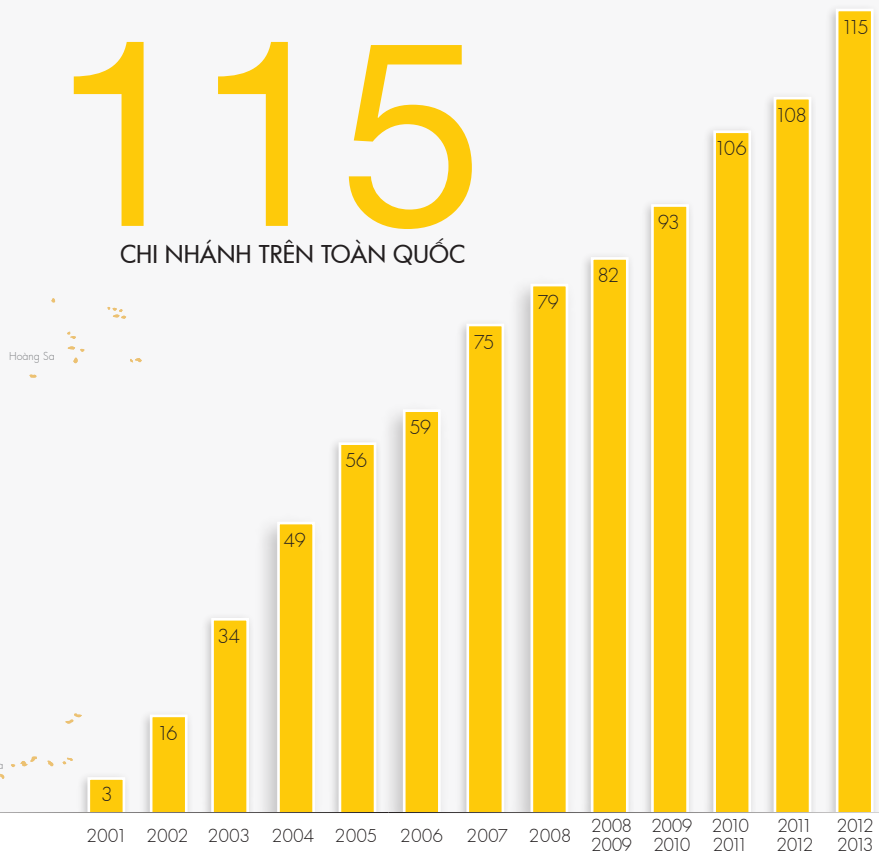


SỞ HỮU HỆ THỐNG 115 CHI NHÁNH PHÂN PHỐI - BÁN LẺ, 3 TỔNG KHO TRONG NƯỚC VÀ KÊNH PHÂN PHỐI ĐẾN 40 QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI



115

CHI NHÁNH TRÊN TOÀN QUỐC



BIỂU ĐỒ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CHI NHÁNH QUA CÁC NĂM

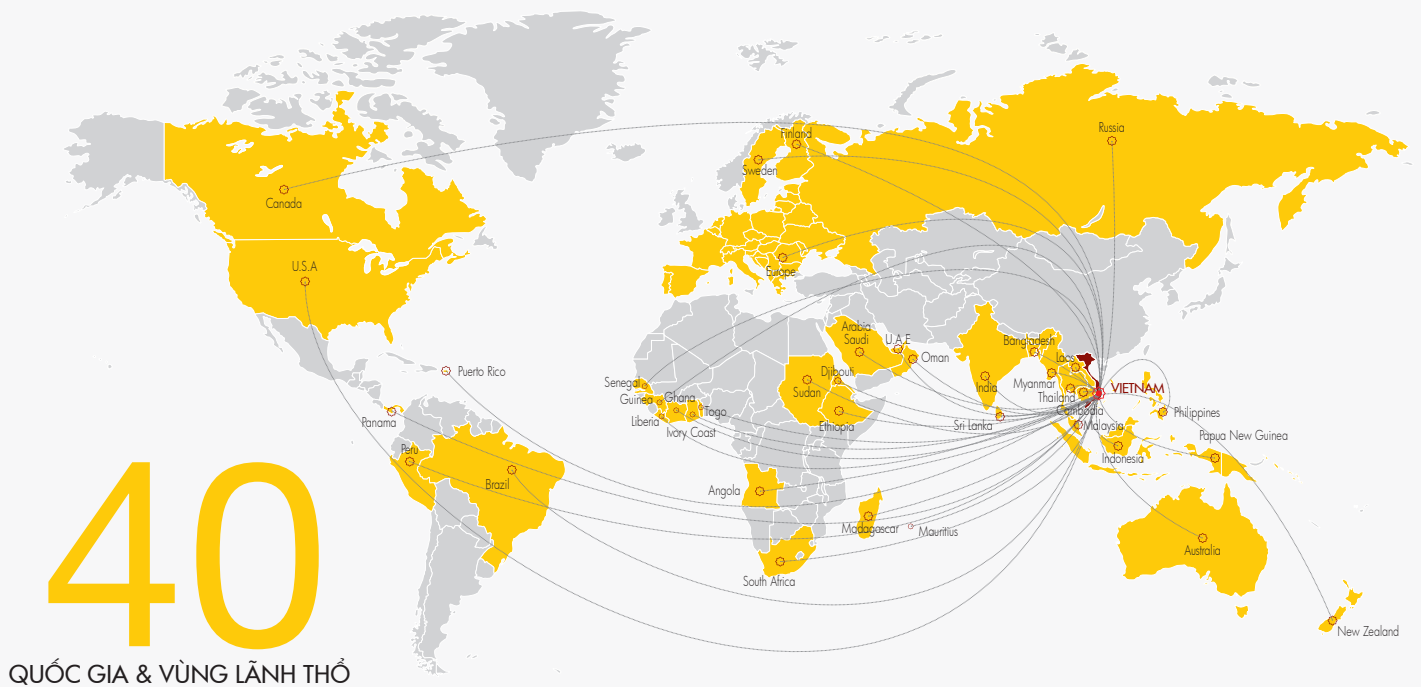
Ngay từ những ngày đầu thành lập, Tập đoàn Hoa Sen đã thực hiện chiến lược "mua tận gốc, bán tận ngọn" thông qua hệ thống chi nhánh phân phối - bán lẻ. Với việc quản lý tập trung và thống nhất theo các chính sách chung, thông qua hệ thống chi nhánh phân phối - bán lẻ, Tập đoàn Hoa Sen đã kiểm soát chặt chẽ chất lượng các sản phẩm đến tận tay người tiêu dùng cuối cùng. Điều này đã tạo dựng niềm tin vững chắc của người tiêu dùng đối với các sản phẩm của Tập đoàn Hoa Sen.

Qua 12 năm phát triển, hệ thống chi nhánh phân phối - bán lẻ bao phủ toàn quốc đã trở thành một ưu thế lớn của Tập đoàn trong việc tiếp cận trực tiếp người tiêu dùng, nhanh chóng đưa các sản phẩm mới của Tập đoàn đến với thị trường. Trong

KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN, TĂNG TRƯỞNG THỊ PHẦN

giai đoạn nền kinh tế có nhiều biến động, hệ thống chi nhánh phân phối - bán lẻ càng phát huy vai trò chiến lược khi Tập đoàn có thể linh hoạt trong các chính sách bán hàng để tạo ra dòng tiền ổn định, duy trì tính thanh khoản. Đặc điểm này là cơ sở để Tập đoàn nhanh chóng ổn định tình hình sản xuất kinh doanh khi gặp điều kiện kinh tế vĩ mô không thuận lợi và tiếp tục khẳng định vị thế số 01 đối với các sản phẩm tồn tại Việt Nam.

Bên cạnh việc giữ vững thị trường nội địa, Tập đoàn Hoa Sen cũng không ngừng đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu tại các thị trường truyền thống và mở rộng thị phần sang các thị trường giàu tiềm năng ở Trung Đông, Nam Á, Châu Phi, Châu Úc, Châu Âu, và Châu Mỹ. Hiện tại sản phẩm của Tập đoàn Hoa Sen có mặt tại 40 quốc gia và vùng lãnh thổ.



KÊNH PHÂN PHỐI ĐẾN CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

3

THƯƠNG HIỆU MẠNH, THÂN THIỆN & HƯỚNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG

Ý thức được trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng, Tập đoàn Hoa Sen không chỉ tập trung tổ chức tốt các hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn luôn chú trọng thực hiện các hoạt động xã hội đa dạng và thiết thực, dành cho nhiều đối tượng khác nhau.

Trong nhiều năm liền, bằng các chương trình tiếp thị đa dạng và sáng tạo thông qua việc tài trợ các hoạt động cộng đồng và từ thiện xã hội, thương hiệu Hoa Sen đã thấm sâu vào trái tim người tiêu dùng với hình ảnh là một thương hiệu mạnh, thân thiện và hướng đến cộng đồng.

Tôn Hoa Sen vinh dự đạt Thương hiệu Quốc gia 2012. Đây là niềm tự hào của Tập đoàn Hoa Sen, khẳng định chất lượng sản phẩm Tôn Hoa Sen trên thị trường trong và ngoài nước,

đồng thời góp phần nâng cao giá trị thương hiệu Việt Nam.

Đặc biệt, tháng 5/2013, Tập đoàn Hoa Sen là đơn vị đồng tổ chức và đã tài trợ 36 tỷ đồng cho sự kiện Nick đến Việt Nam với chuỗi 7 chương trình tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh cho nhiều thành phần: doanh nhân, sinh viên, học sinh, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và người khuyết tật. Diễn giả Nick Vujicic đã truyền cảm hứng cũng như nghị lực sống cho những người thiếu

may mắn về hình thể, những người trong hoàn cảnh khó khăn cũng như cộng đồng người Việt Nam, giúp họ vượt lên chính mình để đạt được mơ ước và thành công trong cuộc sống.

Bên cạnh đó, Tập đoàn Hoa Sen còn vinh dự đạt giải thưởng Top 10 Sao Vàng Đất Việt và Top 10 Doanh nghiệp tiêu biểu về trách nhiệm xã hội năm 2013. Giải thưởng này một lần nữa khẳng định và ghi nhận những đóng góp tích cực của Tập đoàn Hoa Sen cho xã hội trong thời gian qua.



CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU ĐỘC ĐÁO



HỆ THỐNG QUẢN TRỊ CHUYÊN NGHIỆP & VĂN HÓA DOANH NGHIỆP ĐẶC THÙ

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Hoa Sen đã xây dựng hệ thống quản trị dựa trên nền tảng văn hóa doanh nghiệp 10 chữ T: Trung thực - Trung thành - Tận tụy - Trí tuệ - Thân thiện. Đây là yếu tố quan trọng góp phần vào quá trình phát triển nhanh và bền vững của Tập đoàn Hoa Sen trong 12 năm qua.

TRUNG THỰC

Trung thực và minh bạch trong mọi hoạt động.

CỘNG ĐỒNG

Luôn chia sẻ với cộng đồng những thành quả của mình là nét đẹp rất nhân bản của Tập đoàn Hoa Sen đã đi sâu vào tâm trí của nhiều người Việt Nam.

PHÁT TRIỂN

Liên tục phát triển, đưa thương hiệu Hoa Sen vươn đến những tầm cao mới.





PHÁT TRIỂN VÌ CỘNG ĐỒNG





TIÊN PHONG ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ MỚI

☞ Tại Việt Nam, Tập đoàn Hoa Sen luôn đi tiên phong trong đầu tư hệ thống dây chuyền thiết bị hiện đại và ứng dụng công nghệ mới. ☞☞

Năm 2006, Tập đoàn Hoa Sen là doanh nghiệp ngoài quốc doanh đầu tiên đầu tư dây chuyền sản xuất thép cán nguội.

Năm 2007, Tập đoàn Hoa Sen là doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên đầu tư dây chuyền sản xuất tôn mỏng (công nghệ NOF) tại Việt Nam.

Năm 2009, Tập đoàn Hoa Sen là doanh nghiệp đầu tiên đầu tư dây chuyền sản xuất tôn dày (công nghệ NOF) tại Đông Nam Á.

Năm 2010, Tập đoàn Hoa Sen là doanh nghiệp đầu tiên đầu tư đồng bộ hệ thống trộn trung tâm, hệ thống dây chuyền sản xuất ống nhựa của hãng Battenfeld - Cincinnati công nghệ Châu Âu và phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn Nhật Bản nhằm mang đến người tiêu dùng sản phẩm ống nhựa chất lượng

cao với giá cả cạnh tranh.

Năm 2011, Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục đầu tư hai dây chuyền cán nguội và khánh thành giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ. Đây là nhà máy sản xuất tôn với hệ thống dây chuyền, thiết bị đồng bộ, hiện đại, có quy mô lớn nhất Đông Nam Á tính đến thời điểm hiện tại.

Tháng 3/2013, Tập đoàn Hoa Sen khánh thành và đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất tôn số 4 (công nghệ NOF - thép mỏng) với công suất thiết kế 120.000 tấn/năm tại Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ. Đồng thời, tiếp tục triển khai Giai đoạn II Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ.

Tháng 7/2013, Nhà máy Ống thép Hoa Sen Hải Dương với công suất thiết kế 48.000 tấn/năm cũng được

đưa vào hoạt động, góp phần nâng cao sản lượng và mở rộng thị trường ống thép của Tập đoàn tại khu vực miền Bắc.

Dự kiến tháng 2/2014, dây chuyền sản xuất tôn dày (công nghệ NOF) công suất thiết kế 400.000 tấn/năm sẽ hoàn thành và đưa vào hoạt động. Tháng 3/2014, dây chuyền phủ màu với công suất thiết kế 150.000 tấn/năm cũng sẽ đưa vào hoạt động.

Để bảo đảm chất lượng sản phẩm và thể hiện trách nhiệm xã hội, Tập đoàn đã áp dụng và duy trì bộ tiêu chuẩn ISO 9001:2008 về Hệ thống quản lý chất lượng; thực hành nghiêm ngặt bộ tiêu chuẩn ISO 14000 về hệ thống quản lý môi trường; thực hiện bộ tiêu chuẩn OHSAS 18000 về Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp.



VỮNG BƯỚC
CÙNG
CÔNG NGHỆ
TIÊN TIẾN







...phát huy
nội lực

Giới thiệu Hội đồng Quản trị	36
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	38
Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc	46
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	48
Giới thiệu Ban Kiểm soát	56
Báo cáo của Ban Kiểm soát	57

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông LÊ PHƯỚC VŨ
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Lê Phước Vũ khởi nghiệp từ một cơ sở bán lẻ tôn vào năm 1994. Sau 7 năm tích lũy vốn và kinh nghiệm, đến năm 2001 ông sáng lập Công ty Cổ phần Hoa Sen với số vốn điều lệ ban đầu là 30 tỷ đồng.

Đến nay, qua hơn 12 năm dày công xây dựng và phát triển, bằng những kinh nghiệm đã tích lũy được kết hợp với tư duy lãnh đạo sáng suốt linh hoạt, ông đã đưa Công ty Cổ phần Hoa Sen từ một công ty nhỏ chuyên doanh tôn vươn lên trở thành Tập đoàn Hoa Sen, tập đoàn kinh tế hàng đầu Việt Nam hiện nay.

Với tâm huyết và những đóng góp to lớn cho sự phát triển của Tập đoàn, ông được Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị liên tục nhiều nhiệm kỳ.



Ông TRẦN NGỌC CHU
Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị

Gắn bó với Tập đoàn Hoa Sen ngay từ những ngày đầu mới thành lập, ông Trần Ngọc Chu đã tạo được những dấu ấn đậm nét trong quá trình phát triển của Tập đoàn.

Với hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, thuế và điều hành doanh nghiệp, ông được Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm bầu giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhiều nhiệm kỳ liên tục, đồng thời được giao nhiều trọng trách tại Tập đoàn.

Hiện ông đang đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Tập đoàn và chức vụ Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen. Ông tốt nghiệp Đại học Tài chính Kế toán TP.HCM.



Ông LÝ DUY HOÀNG

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Lý Duy Hoàng, tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Tài chính tại Canada, là một chuyên gia tài chính nhiều kinh nghiệm với gần 12 năm làm việc tại các tổ chức tài chính lớn đa quốc gia.

Hiện ông đang đại diện cho hai quỹ đầu tư lớn là STIC Investments của Hàn Quốc và SSF Capital của Malaysia.

Ông Lý Duy Hoàng là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, phụ trách Tiểu ban Tái cấu trúc và Nhân sự, Lương thưởng.



Ông PHẠM GIA TUẤN

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Gia Tuấn là thành viên Hiệp hội Kế toán viên Công chứng Úc với hơn 10 năm kinh nghiệm về quản trị thuế và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp tại các công ty hàng đầu như VinaCapital, Dutch Lady Vietnam, PricewaterhouseCoopers,... Hiện ông đang giữ cương vị Giám đốc điều hành Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Y Tế Bản Việt (VCHF), trực tiếp giám sát các hoạt động đầu tư tài chính và doanh nghiệp tư nhân của Quỹ.

Tại Tập đoàn Hoa Sen, ông là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, phụ trách Tiểu ban Tài chính và Quan hệ cổ đông của Hội đồng Quản trị. Ông tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Kế toán tại Sydney University of Technology, Úc.



Ông JEAN-ERIC JACQUEMIN

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Jean-Eric Jacquemin có hơn 25 năm kinh nghiệm quản lý và tái cấu trúc công ty thuộc các tập đoàn hàng đầu thế giới ở Hoa Kỳ và Châu Âu. Ông đã thực hiện nhiều khoản đầu tư tại Việt Nam trong vòng 5 năm gần đây. Ông Jean-Eric Jacquemin hiện là Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị của Temasia Capital Limited, đồng thời là Giám đốc điều hành của Công ty quản lý quỹ Jade River Management và Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị của Red River Holding - cổ đông lớn của Tập đoàn Hoa Sen.

Vào ngày 06/3/2013 tại Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen NĐTĐC 2012 - 2013, ông Jean-Eric Jacquemin được bầu là thành viên Hội Đồng Quản Trị, phụ trách Tiểu ban Tài chính và Quan hệ cổ đông của Tập đoàn.

Ông Jean-Eric Jacquemin tốt nghiệp ngành Quản Trị Kinh Doanh tại đại học Western New England, Hoa Kỳ.



NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2013, tình hình kinh tế thế giới vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, thị trường tiêu thụ hàng hóa thu hẹp, nhu cầu tiêu dùng giảm sút, kinh tế toàn cầu nhìn chung phục hồi thấp hơn kỳ vọng. Trong nước, kinh tế vĩ mô được cải thiện, song tăng trưởng kinh tế chưa mạnh mẽ, các doanh nghiệp trong nước vẫn phải đối mặt với nhiều bất lợi như: sức mua của thị trường thấp, chi phí tăng cao, khó khăn trong tiếp cận vốn, lãi suất ngân hàng giảm nhưng còn ở mức cao.

Riêng với ngành thép, năm vừa qua cũng gặp nhiều khó khăn do sức mua yếu, nguồn cung dư thừa, sản phẩm thép sản xuất trong nước phải cạnh tranh khốc liệt với thép nhập khẩu giá rẻ từ Trung Quốc. Mặt khác, tình trạng đóng băng thị trường bất động sản vẫn chưa có

hồi kết, trong khi đó việc xuất khẩu các sản phẩm tôn thép luôn đối mặt với khả năng vấp phải rào cản bảo hộ từ các quốc gia trong khu vực.

Trước tình hình trên, đội ngũ lãnh đạo của Tập đoàn Hoa Sen đã chủ động đề ra các chủ trương, chiến lược kinh doanh hợp lý, đồng thời xây dựng nhiều kịch bản nhằm ứng phó kịp thời với những diễn biến phức tạp của thị trường, đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Kết thúc niên độ tài chính 2012 - 2013, Tập đoàn Hoa Sen một lần nữa hoàn thành xuất sắc mục tiêu đã đặt ra, tiếp tục khẳng định sự phát triển mạnh và bền vững của Tập đoàn.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĐTC 2012 - 2013

So sánh kết quả kinh doanh niên độ tài chính 2012 - 2013 với kế hoạch

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch NĐTC 2012 - 2013	Thực hiện NĐTC 2012 - 2013	So sánh kết quả thực hiện với kế hoạch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5 = 4/3*100)
Sản lượng tiêu thụ, trong đó	Tấn	568.890	634.128	111%
- Thành phẩm	Tấn	541.800	601.671	111%
- Phụ phẩm	Tấn	27.090	32.457	120%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	11.000	11.760	107%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	400	581	145%

Kết thúc niên độ 2012 - 2013, Tập đoàn Hoa Sen đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra với các

chỉ tiêu kinh doanh đều vượt so với kế hoạch. Cụ thể, sản lượng tiêu thụ và doanh thu của Tập đoàn lần lượt đạt 111% và 107% kế hoạch. Riêng chỉ

tiêu lợi nhuận sau thuế niên độ vừa qua đã vượt xa kế hoạch với con số 581 tỷ đồng, đạt 145% so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

So sánh kết quả kinh doanh NĐTC 2012 - 2013 với kết quả kinh doanh NĐTC 2011 - 2012

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện NĐTC 2011 - 2012	Thực hiện NĐTC 2012 - 2013	NĐTC 2012 - 2013 so với NĐTC 2011 - 2012
(1)	(2)	(3)	(4)	(5 = 4/3*100)
Sản lượng tiêu thụ, trong đó	Tấn	479.201	634.128	132%
- Thành phẩm	Tấn	450.980	601.671	133%
- Phụ phẩm	Tấn	28.221	32.457	115%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	10.088	11.760	117%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	368	581	158%

So với NĐTC 2011 - 2012, các chỉ tiêu kinh doanh của Tập đoàn trong NĐTC 2012 - 2013 đều tăng mạnh. Cụ thể, sản lượng tiêu thụ và doanh

thu của niên độ vừa qua lần lượt tăng 32% và 17% so với thực hiện của niên độ 2011 - 2012. Đặc biệt, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế tiếp tục có

bước tăng trưởng ấn tượng với con số 581 tỷ đồng, tăng 58% so với niên độ trước, qua đó khẳng định sự phát triển mạnh mẽ và vững chắc của Tập đoàn.

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kết quả triển khai các Dự án đầu tư trong NĐTC 2012 - 2013 của Tập đoàn Hoa Sen tính đến ngày 30/9/2013 như sau:

Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ

Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ là một trong những Dự án đầu tư có quy mô lớn nhất Đông Nam Á trong lĩnh vực tôn thép. Đây là công trình ghi nhận nhiều kỷ lục ấn tượng: nhà máy có quy mô lớn nhất Đông Nam Á; thời gian thi công nhanh nhất; công nghệ hiện đại nhất; chi phí đầu tư thấp nhất.

Tính đến ngày 30/9/2013, tất cả hạng mục máy móc, dây chuyền thuộc Giai đoạn 1 của Dự án đã được hoàn thành, nghiệm thu và đi vào sản xuất.

Triển khai giai đoạn 2

Được sự thông qua của Đại hội đồng cổ đông tại hội nghị thường niên ngày 06/3/2013, Tập đoàn Hoa Sen đã triển khai giai đoạn 2 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ, bao gồm các dây chuyền sản xuất chính như sau:

Dây chuyền sản xuất chính	Công suất thiết kế (Tấn/năm)	Thời gian dự kiến đưa vào hoạt động
Dây chuyền tôn kẽm/tôn lạnh công nghệ NOF (đã hoàn thành)	120.000	Tháng 3/2013
Dây chuyền tôn kẽm dày/tôn lạnh dày công nghệ NOF	400.000	Tháng 2/2014
Dây chuyền phủ màu	150.000	Tháng 3/2014
Dây chuyền cán nguội	200.000	Tháng 6/2014
Dây chuyền cán nguội	200.000	Tháng 9/2014

Dự án mở rộng quy mô Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen

Ngày 07/6/2013 Tập đoàn Hoa Sen cũng đã tiến hành đầu tư Dự án mở rộng quy mô Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen, bao gồm các hạng mục chính như sau:

Dây chuyền sản xuất chính	Công suất thiết kế (Tấn/năm)	Thời gian đưa vào hoạt động
06 dây chuyền sản xuất ống thép tại Nhà máy Vật liệu xây dựng Hoa Sen Hải Dương (đã hoàn thành)	48.000	Tháng 7/2013
03 dây chuyền sản xuất ống thép tại Nhà máy Vật liệu xây dựng Hoa Sen Phú Mỹ (đã hoàn thành)	24.000	Tháng 10/2013
Dây chuyền xẻ băng tại Nhà máy Vật liệu xây dựng Hoa Sen Phú Mỹ	96.000	Tháng 2/2014



Dự án mở rộng mạng lưới phân phối

Với chủ trương mở rộng hệ thống chi nhánh phân phối bán lẻ nhằm tăng cường khả năng cung ứng sản phẩm của Tập đoàn Hoa Sen đến tận tay người tiêu dùng, trong niên độ vừa qua Tập đoàn đã thành lập thêm một số chi nhánh phân phối bán lẻ tại các tỉnh. Tính đến ngày 30/9/2013, tổng số chi nhánh phân phối của Tập đoàn đã lên đến con số 115 chi nhánh và 3 tổng kho.

Các dự án bất động sản & Dự án Cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept

Tên dự án	Tiến độ chính của dự án	Đến 30/9/2013 đã giải ngân	Tiến độ chuyển nhượng
1. Dự án Văn phòng Trụ sở Tập đoàn Hoa Sen			
<ul style="list-style-type: none"> - Chủ đầu tư: Tập đoàn Hoa Sen - Địa chỉ: 123 Trần Nãi, P. Bình An, Quận 2 - TP.HCM - Diện tích: 969 m² 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã nhận chuyển nhượng QSDĐ 969 m² từ người bán. - Đang tiến hành thiết kế xây dựng. 	52,26 (tỷ đồng)	Đang xúc tiến thực hiện chuyển nhượng
2. Dự án căn hộ Hoa Sen Phước Long B			
<ul style="list-style-type: none"> - Chủ đầu tư: Tập đoàn Hoa Sen - Địa chỉ: Phường Phước Long B, Quận 9, TP.HCM - Diện tích: 8.016 m² - Quy mô: cao ốc 19 tầng, 44.000 m² sàn, 400 căn hộ; - Hệ số sử dụng đất 5,5 lần 	<ul style="list-style-type: none"> - Được UBND TP.HCM đồng ý chủ trương đầu tư - Đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất 7.856 m² - Đã có công văn đồng ý chỉ tiêu quy hoạch của Sở Quy Hoạch - Kiến Trúc, UBND TP.HCM 	45,85 (tỷ đồng)	Đang tìm kiếm đối tác nhận chuyển nhượng
3. Dự án căn hộ Hoa Sen Riverview			
<ul style="list-style-type: none"> - Chủ đầu tư: Tập đoàn Hoa Sen - Địa chỉ: Mặt tiền đường Bung Ông Thoàn, P. Phú Hữu, Quận 9 - TP.HCM - Diện tích: 15.076,4 m² 	<ul style="list-style-type: none"> - UBND TP.HCM đã phê duyệt nhiệm vụ qui hoạch. - Đã nhận chuyển nhượng QSDĐ 15.076,4 m² đất. - Đang xúc tiến thủ tục đầu tư 	45,46 (tỷ đồng)	Đang tìm kiếm đối tác nhận chuyển nhượng
4. Dự án Cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept			
<ul style="list-style-type: none"> - Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept - Tập đoàn Hoa Sen góp 45% vốn - Địa chỉ: Khu CN Cái Mép, huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu - Diện tích: 7 ha 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã hoàn thành phần thiết kế dự án và bản vẽ thiết kế chi tiết các hạng mục xây dựng cảng. - Hoàn thành cấp phối đá dăm đường vào cảng. 	44,45 (tỷ đồng)	Đang tìm kiếm đối tác nhận chuyển nhượng
TỔNG CỘNG		188,02 (tỷ đồng)	

“Kết thúc niên độ tài chính 2012 - 2013, Tập đoàn Hoa Sen một lần nữa hoàn thành xuất sắc mục tiêu đã đặt ra, tiếp tục khẳng định sự phát triển mạnh và bền vững của Tập đoàn”



NHÂN SỰ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Nhân sự của Hội đồng Quản trị

Tại Hội nghị thường niên ngày 06/3/2013, Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2013 - 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông bầu chọn, theo đó cơ cấu Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2013 - 2017 gồm 05 thành viên như sau:

- Ông Lê Phước Vũ : Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông Trần Ngọc Chu : Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông Phạm Gia Tuấn : Thành viên Hội đồng Quản trị
- Ông Lý Duy Hoàng : Thành viên Hội đồng Quản trị
- Ông Jean-Eric Jacquemin : Thành viên Hội đồng Quản trị

Nhân sự của Ban Tổng Giám đốc

Trong niên độ vừa qua, Hội đồng Quản trị đã thực hiện việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Quý đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Đầu tư và Dự án. Cơ cấu nhân sự hiện tại của Ban Tổng Giám đốc như sau:

- Ông Trần Ngọc Chu : Tổng Giám đốc
- Ông Trần Quốc Trí : Phó Tổng Giám đốc Trục
- Ông Hoàng Đức Huy : Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kiểm soát
- Ông Nguyễn Văn Quý : Phó Tổng Giám đốc phụ trách Đầu tư và Dự án
- Ông Nguyễn Minh Khoa : Phó Tổng Giám đốc phụ trách Sản xuất - Cung ứng
- Ông Vũ Văn Thanh : Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính
- Ông Hồ Thanh Hiếu : Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2012 - 2013

Tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ/HSG/2013 của Đại hội đồng cổ đông tại Hội nghị thường niên ngày 06/3/2013:

STT	Nội dung	Tình hình thực hiện
1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ tài chính 2012 - 2013 và thực hiện định hướng phát triển giai đoạn 2013 - 2017	Đã báo cáo ở trên
2	Triển khai các Dự án đầu tư của Tập đoàn	Sẽ trình bày chi tiết ở phần sau
3	Thực hiện chi trả cổ tức của NĐTC 2011 - 2012.	Đã thực hiện 3 đợt chi trả cổ tức vào các ngày 19/4/2013, 20/6/2013 và 12/9/2013 bằng tiền mặt. Tổng cộng đã thực hiện chi trả 25% mệnh giá cổ phiếu.
4	Lựa chọn công ty kiểm toán cho niên độ tài chính 2012 - 2013.	Đã chọn Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam là đơn vị kiểm toán cho niên độ tài chính 2012 - 2013 của Công ty.
5	Sửa đổi một số nội dung trong Điều lệ Công ty.	Đã thực hiện sửa đổi Điều lệ theo Nghị quyết.

KẾ HOẠCH KINH DOANH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2013 - 2014

Căn cứ vào dự báo tốc độ phát triển của thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu, năng lực sản xuất và năng lực kinh doanh của Tập đoàn, Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch kinh doanh hợp nhất niên độ tài chính 2013 - 2014 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện NĐTC 2012 - 2013	Kế hoạch NĐTC 2013 - 2014	So với thực hiện NĐTC 2012 - 2013	
				Tuyệt đối	Tương đối
(1)	(2)	(3)	(4)	(5 = 4-3)	(6 = 4/3* 100)
Sản lượng tiêu thụ, trong đó	Tấn	634.128	737.763	103.635	116%
- Thành phẩm	Tấn	601.671	700.000	98.329	116%
- Phụ phẩm	Tấn	32.457	37.763	5.306	116%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	11.760	14.000	2.240	119%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tỷ đồng	679	777	98	114%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	581	600	19	103%

ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NIÊN ĐỘ 2013 - 2014 VÀ CÁC NIÊN ĐỘ TIẾP THEO

Dự đoán tình hình kinh tế chưa thể có chuyển biến tích cực trong giai đoạn tới, nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh cũng như chuẩn bị cho các mục tiêu dài hạn của Tập đoàn, HĐQT định hướng thực hiện các chủ trương sau:

VỀ CÔNG TÁC SẢN XUẤT

Kiện toàn hệ thống sản xuất, cải tiến kỹ thuật nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động các dây chuyền cũng như nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết giảm tiêu hao nguyên vật liệu và chi phí vận hành máy móc thiết bị, hạ giá thành sản phẩm, đảm bảo sản xuất an toàn, liên tục.

Tiếp tục thực hiện các công tác kiểm soát chi phí, theo dõi chặt chẽ những biến động về giá nguyên liệu trên thị trường, tính toán nhu cầu và thời điểm mua nguyên vật liệu thích hợp để chọn được giá mua tốt nhất, đảm bảo nhu cầu sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

VỀ CÔNG TÁC KINH DOANH

Tăng cường mở rộng thị trường xuất khẩu, linh hoạt điều tiết sản lượng cung ứng giữa thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu phù hợp diễn biến thị trường nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục tiến hành các bước chuẩn bị cần thiết nhằm chủ động ứng phó với khả năng vấp phải rào cản bảo hộ

tại một số thị trường xuất khẩu, bao gồm việc tăng cường công tác truyền thông liên quan đến vấn đề này, tích cực vận động sự ủng hộ của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, kiện toàn công tác kế toán kiểm toán, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chi nhánh phân phối bằng việc hoàn thiện cơ chế điều hành thông qua các chính sách và cơ chế giám sát, kiểm soát chặt chẽ.

Tiếp tục phát triển hệ thống chi nhánh phân phối, mục tiêu trong niên độ 2013 - 2014 sẽ thành lập thêm 15 chi nhánh phân phối bán lẻ.

Đẩy mạnh phát triển thương hiệu, tiếp tục thực hiện các chương trình truyền thông đa dạng, hiệu quả, giàu tính nhân văn nhằm xây dựng chuỗi thương hiệu Hoa Sen mạnh, thân thiện và hướng đến cộng đồng.

VỀ CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

Tiếp tục triển khai giai đoạn 2 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ nhằm nâng cao năng lực sản xuất và năng lực cạnh tranh cho Tập đoàn

để đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng của thị trường trong nước và quốc tế.

Đề xuất Đại hội cổ đông thông qua chủ trương nghiên cứu lập Dự án tiền khả thi Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen tại Miền Bắc và các Dự án đầu tư nước ngoài tại Myanmar, Indonesia, Thái Lan.

Thành lập Ban Xúc tiến Đầu tư nước ngoài để nghiên cứu lập Dự án tiền khả thi các Dự án đầu tư ra nước ngoài.

VỀ CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Đào tạo đội ngũ cán bộ kế thừa, quản trị viên dự nguồn, nâng cao trình độ nghiệp vụ và kỹ năng quản lý của cán bộ công nhân viên, tăng cường hợp tác với Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh để tìm kiếm và chuẩn bị nguồn nhân lực trẻ, có chất lượng cho Tập đoàn.

Hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng ISO trong toàn Tập đoàn, chuẩn bị triển khai áp dụng hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP).

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông TRẦN NGỌC CHU
Tổng Giám đốc

Gắn bó với Tập đoàn Hoa Sen ngay từ những ngày đầu mới thành lập, ông Trần Ngọc Chu đã tạo được những dấu ấn đậm nét trong quá trình phát triển của Tập đoàn.

Với hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, thuế và điều hành doanh nghiệp, ông được Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm bầu giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhiều nhiệm kỳ liên tục, đồng thời được giao nhiều trọng trách tại Tập đoàn.

Hiện ông đang đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Tập đoàn và chức vụ Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen. Ông tốt nghiệp Đại học Tài chính Kế toán Tp.HCM.



Ông TRẦN QUỐC TRÍ
Phó Tổng Giám đốc Trực

Ông Trần Quốc Trí tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Kế toán kiểm toán tại Đại học Kinh tế Tp.HCM. Gia nhập Tập đoàn Hoa Sen từ năm 2004, đến nay sau gần 10 năm công tác, ông đã chứng tỏ được năng lực qua nhiều vị trí như Trưởng Bộ phận Tổng hợp Hệ thống phân phối, Giám đốc Hệ thống phân phối, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh.

Hiện ông đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Trực của Tập đoàn.



Ông HOÀNG ĐỨC HUY
Phó Tổng Giám đốc
phụ trách Kiểm soát

Ông Hoàng Đức Huy có gần 25 năm kinh nghiệm về kiểm soát hoạt động doanh nghiệp. Trước khi gia nhập Tập đoàn Hoa Sen, ông đã công tác 13 năm trong lĩnh vực kế toán, tài chính, kiểm soát nội bộ tại các công ty lớn thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Tây Ninh.

Năm 2001 ông tham gia thành lập Công ty Cổ phần Hoa Sen, tiền thân của Tập đoàn Hoa Sen hiện nay.

Trên cương vị Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kiểm soát, ông đã có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển của Tập đoàn.



Ông NGUYỄN VĂN QUÝ

Phó Tổng Giám đốc
phụ trách Đầu tư và Dự án

Ông Nguyễn Văn Quý tốt nghiệp đại học hai chuyên ngành Quản trị kinh doanh và Điện. Với bề dày kiến thức cũng như kinh nghiệm tích lũy được qua nhiều năm công tác tại các doanh nghiệp như Tôn Phương Nam, Nippovina, v.v...có thể nói ông hiện là chuyên gia hàng đầu về kỹ thuật sản xuất tôn thép ở Việt Nam.

Tại Tập đoàn Hoa Sen, Ông có vai trò quan trọng trong việc triển khai các Dự án đầu tư lớn của Tập đoàn như: Dự án Nhà máy thép cán nguội, Dự án Dây chuyền mạ công nghệ NOF, Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ...

Tháng 03/2013, ông được bổ nhiệm vai trò Phó Tổng Giám đốc phụ trách Đầu tư và Dự án.



Ông NGUYỄN MINH KHOA

Phó Tổng Giám đốc
phụ trách Sản xuất và Cung ứng

Ông Nguyễn Minh Khoa có bằng Kỹ sư xây dựng tại Đại học Kiến trúc TP.HCM và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Khoa Quản lý Công nghiệp Đại học Bách Khoa TP.HCM.

Gia nhập Tập đoàn từ đầu năm 2008, ông hiện đang đảm nhận các chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Sản xuất và Cung ứng, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen, Giám đốc Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ, Giám đốc Nhà máy Thép cán nguội Phú Mỹ.



Ông VŨ VĂN THANH

Phó Tổng Giám đốc
phụ trách Tài chính

Gia nhập Tập đoàn Hoa Sen từ năm 2008 với vai trò Giám đốc Tài chính, với kiến thức và kinh nghiệm điều hành tại các doanh nghiệp trước đó, ông đã có những đóng góp tích cực cho sự phát triển của Tập đoàn Hoa Sen.

Ông hiện đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính.

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế Phát triển và là Giảng viên thỉnh giảng tại một số trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh.



Ông HỒ THANH HIẾU

Phó Tổng Giám đốc
phụ trách Kinh doanh

Ông Hồ Thanh Hiếu tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Kế toán Kiểm toán tại Đại học Kinh tế TP.HCM.

Gia nhập Tập đoàn Hoa Sen từ năm 2002, ông đã được bổ nhiệm các vị trí: Phó Giám đốc Hệ thống Phân phối, Giám đốc Hệ thống Phân phối, Giám đốc Kinh doanh Tập đoàn Hoa Sen.

Ông hiện đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh của Tập đoàn.

“ Kết thúc niên độ tài chính 2012 - 2013, bất chấp những khó khăn chung của nền kinh tế, dưới sự chỉ đạo sáng suốt của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng nhiều giải pháp điều hành linh hoạt nhằm ứng phó kịp thời với các diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế và hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đặt ra. ”



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

So sánh kết quả thực hiện NĐTC 2012 - 2013 với kế hoạch

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch NĐTC 2012 - 2013	Thực hiện NĐTC 2012 - 2013	So sánh kết quả thực hiện với kế hoạch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5 = 4/3*100)
Sản lượng tiêu thụ, trong đó	Tấn	568.890	634.128	111%
- Thành phẩm	Tấn	541.800	601.671	111%
- Phụ phẩm	Tấn	27.090	32.457	120%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	11.000	11.760	107%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	400	581	145%

So sánh kết quả thực hiện NĐTC 2012 - 2013 với kết quả thực hiện NĐTC 2011 - 2012

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện NĐTC 2011 - 2012	Thực hiện NĐTC 2012 - 2013	Thực hiện so với NĐTC 2011 - 2012
(1)	(2)	(3)	(4)	(5 = 4/3*100)
Sản lượng tiêu thụ, trong đó	Tấn	479.201	634.128	132%
- Thành phẩm	Tấn	450.980	601.671	133%
- Phụ phẩm	Tấn	28.221	32.457	115%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	10.088	11.760	117%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	368	581	158%

Kết thúc niên độ tài chính 2012 - 2013, bằng sự nỗ lực không ngừng của Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, các chỉ tiêu quan trọng trong sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn đều vượt kế hoạch đề ra. So sánh với kết quả kinh doanh NĐTC 2011 - 2012, các chỉ tiêu về sản lượng tiêu thụ, doanh thu và lợi nhuận sau thuế trong NĐTC 2012 - 2013 đều có sự tăng trưởng vượt bậc, với mức tăng lần lượt là 32%, 17% và 58%.

Để đạt được bước tăng trưởng ấn tượng như trên, trong niên độ vừa qua Tập đoàn Hoa Sen đã đưa vào hoạt động thêm một dây chuyền sản xuất tôn mỏng công nghệ NOF với công suất thiết kế 120.000 tấn/năm từ ngày 15/3/2013 tại Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ và các dây chuyền ống thép thuộc Dự án Nhà máy Ống thép miền Bắc vào tháng 7/2013. Các dây chuyền mới này đã góp phần nâng cao năng lực sản xuất của Tập đoàn, tạo cơ sở nâng cao sản lượng bán hàng.

Niên độ vừa qua các kênh tiêu thụ

của Tập đoàn tiếp tục hoạt động hiệu quả. Nhờ đó, trong niên độ 2012 - 2013 mặc dù nhu cầu thị trường vẫn còn suy giảm nhưng sản lượng tiêu thụ của Tập đoàn đã tăng mạnh. Hệ thống chi nhánh phân phối tiếp tục được mở rộng với việc tăng số lượng chi nhánh từ 108 lên 115, mở rộng phạm vi bao phủ thị trường và ngày càng nhanh chóng đưa sản phẩm của Tập đoàn đến tận tay người tiêu dùng cuối cùng. Bên cạnh đó, hoạt động xuất khẩu cũng có mức tăng trưởng ấn tượng với việc tiêu thụ gần 280.000 tấn sản phẩm tại 40 quốc gia và vùng lãnh thổ, đóng góp xấp xỉ 252 triệu USD doanh thu xuất khẩu, tương ứng 45% tổng doanh thu trong NĐTC 2012 - 2013.

Mức tăng trưởng lợi nhuận sau thuế ấn tượng 58% so với niên độ trước cũng có sự đóng góp không nhỏ của các yếu tố như sau:

- Trong bối cảnh giá nguyên vật liệu đầu vào biến động hết sức phức tạp dưới tác động của tình hình kinh tế thế giới thời gian qua, với

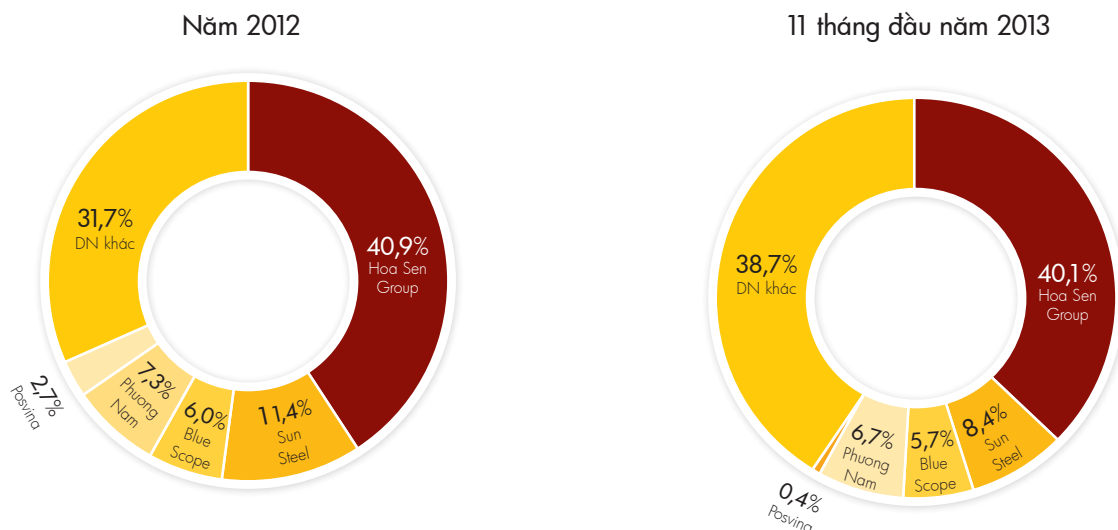
những lợi thế cạnh tranh cốt lõi và uy tín thương hiệu, Tập đoàn đã ổn định được giá bán và đảm bảo tỷ suất lợi nhuận gộp.

- Bên cạnh đó, công tác hoàn thiện hệ thống định mức sản xuất, tăng cường kiểm tra, kiểm soát hoạt động các chi nhánh cũng như các công tác tiết giảm chi phí bao gồm rà soát quy trình sản xuất, đấu thầu, chào giá cạnh tranh, mua nguyên vật liệu đúng thời điểm, xử lý nhanh hàng tồn kho chậm luân chuyển, v.v... vẫn tiếp tục được phát huy và đã đem lại hiệu quả trong việc tối ưu hóa các chi phí sản xuất và chi phí hoạt động của Tập đoàn.
- Việc kênh xuất khẩu phát triển mạnh đã giúp Tập đoàn có nguồn ngoại tệ đối ứng để có thể vay USD với lãi suất thấp, từ đó điều chỉnh cơ cấu vay nợ linh hoạt phù hợp để đạt được mức lãi suất bình quân cuối kỳ thấp nhất, giảm thiểu chi phí lãi vay của Tập đoàn.

Thị phần của Tập đoàn Hoa Sen trong niên độ 2012 - 2013

THỊ PHẦN TÔN

Trong năm 2013, Tập đoàn Hoa Sen vẫn duy trì vị thế dẫn đầu thị phần tôn trong nước với việc chiếm lĩnh 40,1% thị phần.

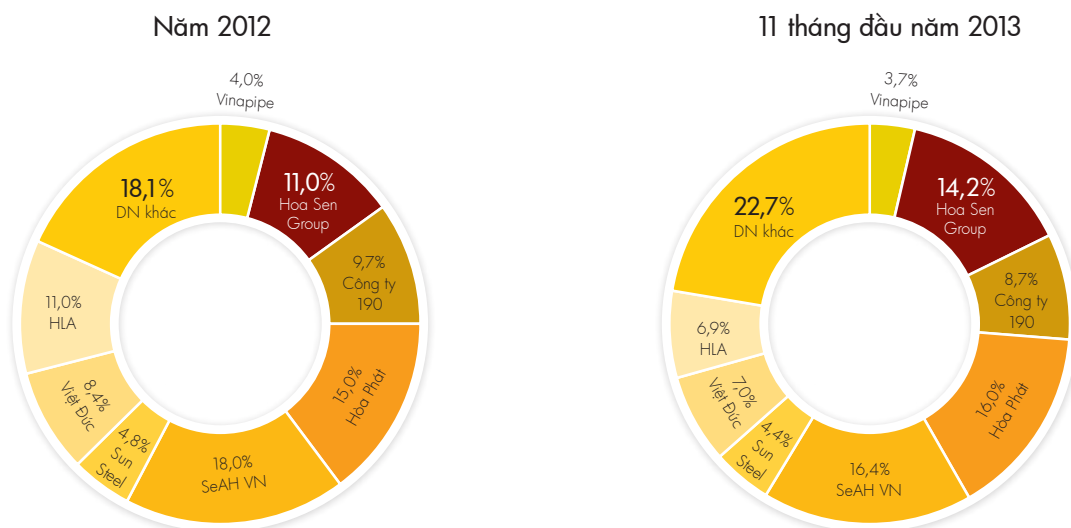


BIỂU ĐỒ THỊ PHẦN TÔN NĂM 2012 VÀ 11 THÁNG NĂM 2013
Nguồn: *Bản tin nội bộ Hiệp hội Thép Việt Nam năm 2012 và tháng 12/2013*

Ghi chú: Số liệu thống kê trên chỉ bao gồm sản lượng bán của những thành viên Hiệp hội Thép Việt Nam và đã loại trừ sản lượng bán của Công ty Perstima Việt Nam vì tồn mạt thiếc không phục vụ công nghiệp xây dựng và của Công ty Posco VST vì inox không phải là tôn mạt.

THỊ PHẦN ỐNG THÉP

Thị phần Ống thép của Hoa Sen trong năm 2013 chiếm 14,2%, giúp Tập đoàn duy trì vị thế là một trong ba doanh nghiệp dẫn đầu thị phần ống thép trong nước.

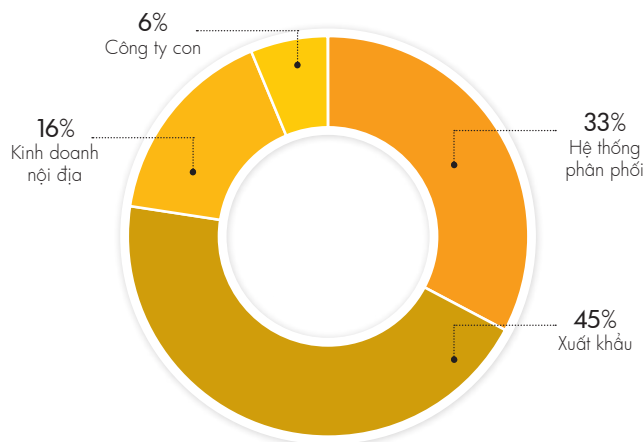


BIỂU ĐỒ THỊ PHẦN ỐNG THÉP NĂM 2012 VÀ 11 THÁNG NĂM 2013
Nguồn: *Bản tin nội bộ Hiệp hội Thép Việt Nam năm 2012 và tháng 12/2013*

Cơ cấu doanh thu của Tập đoàn niên độ tài chính 2012 - 2013

CƠ CẤU DOANH THU THEO KÊNH BÁN HÀNG

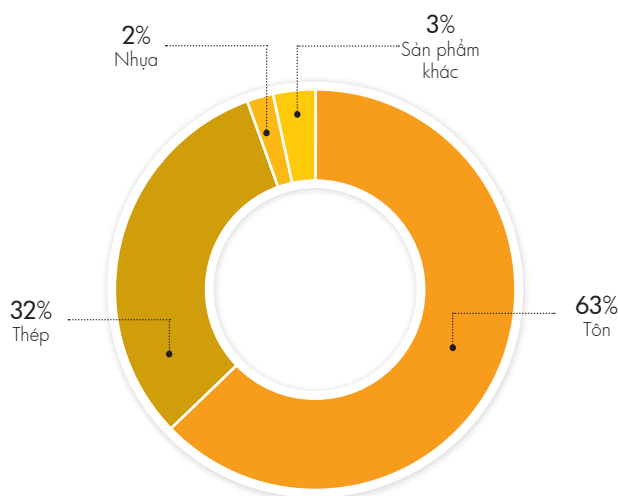
Niên độ tài chính 2012 - 2013, kênh xuất khẩu đã có bước phát triển vượt bậc, mang về cho Tập đoàn xấp xỉ 252 triệu USD doanh thu, chiếm 45% tổng doanh thu của Tập đoàn, cùng với hệ thống chi nhánh phân phối với 33% doanh thu trở thành hai kênh tiêu thụ chủ lực của Tập đoàn Hoa Sen.



BIỂU ĐỒ CƠ CẤU DOANH THU THEO KÊNH BÁN HÀNG

CƠ CẤU DOANH THU THEO NHÓM SẢN PHẨM

Nhóm sản phẩm tôn bao gồm các mặt hàng tôn kẽm, tôn lạnh, tôn kẽm màu, tôn lạnh màu, tôn đen màu tiếp tục là nhóm sản phẩm chủ lực, đóng góp 63% doanh thu toàn Tập đoàn. Tiếp theo đó là nhóm sản phẩm thép bao gồm các sản phẩm thép dày mạ kẽm, ống thép mạ kẽm, ống thép đen, xà gồ mạ kẽm, xà gồ đen đóng góp 32% doanh thu.



BIỂU ĐỒ CƠ CẤU DOANH THU THEO NHÓM SẢN PHẨM

Tỷ trọng các loại chi phí trên doanh thu thuần theo báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	NĐTC 2011 - 2012	NĐTC 2012 - 2013
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	Tấn	479.201	634.128
1.1	- Thành phẩm	tấn	450.980	601.671
1.2	- Phụ phẩm	tấn	28.221	32.457
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	10.088	11.760
3	Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	13,9	14,5
4	Chi phí tài chính/Doanh thu thuần	%	4,1	2,1
	Chi phí lãi vay/Doanh thu thuần	%	3,4	1,4
5	Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	%	3,8	4,2
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp/Doanh thu thuần	%	2,6	3,0

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản theo báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	NĐTC 2011 - 2012	NĐTC 2012 - 2013
TỶ SỐ THANH TOÁN				
1	Thanh toán hiện tại	lần	1,0	1,0
	Thanh toán nhanh		0,4	0,3
TỶ SỐ HOẠT ĐỘNG				
2	Số vòng quay hàng tồn kho	vòng	4,9	4,4
TỶ SỐ ĐÒN BẢY TÀI CHÍNH				
3	Nợ phải trả/Tổng tài sản		62	69
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	164	223
	Tổng tài sản/Vốn chủ sở hữu		264	323
TỶ SỐ SINH LỢI				
4	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		6,6	9,3
	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,7	4,9
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		19,4	27,5
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đ/cp	3.761	5.941

CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2012 - 2013

Nhằm hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đặt ra, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện một số giải pháp điều hành như sau:

Các giải pháp về điều hành sản xuất kinh doanh

- Giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo từng tháng cho từng đơn vị sản xuất kinh doanh. Điều đặn hàng tuần giám sát và đánh giá việc thực hiện.
- Tăng cường mở rộng thị trường xuất khẩu, phân chia thị trường xuất khẩu thành 5 khu vực, phân công nhân sự cụ thể phụ trách từng khu vực.
- Nắm bắt nhu cầu, thị hiếu của thị trường; theo dõi sản lượng tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận, tồn kho, quy cách của từng mặt hàng tại mỗi thị trường để có kế hoạch sản xuất, điều chuyển hàng hóa, đảm bảo đáp ứng kịp thời và đúng quy cách, chủng loại cho nhu cầu bán hàng của các kênh bán hàng với giá bán phù hợp.
- Tăng tỷ trọng mặt hàng có tỷ lệ lợi nhuận cao dựa trên ưu thế quy trình sản xuất kinh doanh khép kín và uy tín thương hiệu.
- Định kỳ thực hiện bảo dưỡng máy móc thiết bị; kiểm tra thường xuyên việc thực hiện các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ.
- Áp dụng bộ tiêu chuẩn ISO 9001:2008 về Hệ thống quản lý chất lượng; thực hành nghiêm ngặt bộ tiêu chuẩn ISO 14000 về hệ thống quản lý môi trường; thực hiện bộ tiêu chuẩn OHSAS 18000 về Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp, tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, quy chế, quy trình.
- Hoàn thành việc đăng ký các bộ tiêu chuẩn SNI (Indonesia) và SIRIM (Malaysia) về chất lượng sản phẩm.
- Đẩy mạnh phát triển thương hiệu, tiếp tục thực hiện các chương trình truyền thông đa dạng, hiệu quả, giàu tính nhân văn nhằm xây dựng chuỗi thương hiệu Hoa Sen mạnh, thân thiện và hướng đến cộng đồng.

Các giải pháp về hoạt động đầu tư

- Tiếp tục mở rộng mạng lưới chi nhánh phân phối bán lẻ với việc nâng số lượng chi nhánh phân phối của Tập đoàn lên con số 115 và 3 tổng kho. Bên cạnh đó chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chi nhánh phân phối thông qua việc tăng cường kiểm tra, kiểm soát chi nhánh, xây dựng và hoàn thiện chính sách lương thưởng, gắn hiệu quả kinh doanh với thu nhập của người lao động.
- Nhằm nâng cao năng lực sản xuất, Tập đoàn đã mở rộng quy trình sản xuất kinh doanh khép kín hiện tại thông qua việc triển khai Giai đoạn 2 của Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ, một trong những Dự án đầu tư có quy mô lớn nhất Đông Nam Á trong lĩnh vực tôn thép. Một loạt các dây chuyền giai đoạn 2 của Dự án sẽ lần lượt đi vào hoạt động trước thời điểm tháng 9 năm 2014 như sau:

Chỉ tiêu	Công suất thiết kế (Tấn/năm)	Thời gian dự kiến đưa vào hoạt động
Dây chuyền tôn kẽm/tôn lạnh công nghệ NOF (đã hoàn thành)	120.000	Tháng 3/2013
Dây chuyền tôn kẽm dày/tôn lạnh dày công nghệ NOF	400.000	Tháng 2/2014
Dây chuyền phủ màu	150.000	Tháng 3/2014
Dây chuyền cán nguội	200.000	Tháng 6/2014
Dây chuyền cán nguội	200.000	Tháng 9/2014

Các giải pháp về hoạt động đầu tư (tiếp theo)

- Nhà máy ống thép Hoa Sen Hải Dương với công suất 48.000 tấn/năm chính thức đi vào hoạt động từ tháng 7/2013 sẽ tiếp tục tăng thị phần sản phẩm ống thép của

Hoa Sen tại khu vực miền Bắc Việt Nam.

- Nghiên cứu lập Dự án tiền khả thi Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen tại miền Bắc và các Dự án Đầu tư

tại Myanmar, Indonesia, Thái Lan.

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác chuyển nhượng các Dự án bất động sản theo chỉ đạo của Hội đồng Quản trị.

Các giải pháp về kiểm soát và tiết giảm chi phí

- Cân đối định mức hàng tồn kho hợp lý để tối ưu hoá nhu cầu vay ngắn hạn; cân đối cơ cấu các khoản vay ngắn hạn giữa USD và VND theo từng thời kỳ để hạn chế chi phí lãi vay cũng như giảm thiểu rủi ro biến động tỷ giá.

hoàn thiện định mức. Xây dựng các cơ chế khen thưởng phù hợp nhằm khuyến khích các đơn vị, cá nhân nỗ lực tìm tòi, đưa ra những sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hạ giá thành.

- Tăng cường hoạt động xuất khẩu nhằm ổn định một phần nguồn ngoại tệ phục vụ nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu, giúp doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro do biến động tỷ giá.

- Theo dõi và dự báo các diễn biến về giá nguyên vật liệu để từ đó quyết định số lượng và thời điểm mua nguyên liệu hợp lý, đảm bảo đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh với giá mua tốt nhất và chất lượng phù hợp, hạn chế tối đa ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu, tiết giảm chi phí sản xuất.

- Giám sát chặt chẽ và có phương án xử lý kịp thời hàng tồn kho chậm luân chuyển nhằm giảm chi phí lãi vay, đảm bảo sự ổn định của dòng tiền.

- Thường xuyên đánh giá hạn mức công nợ, tuổi nợ, phân loại nợ; theo dõi, đôn đốc thu hồi nợ để hạn chế tối đa nợ phải thu quá hạn và giảm thiểu rủi ro nợ phải thu.

- Rà soát lại định mức sản xuất và kiểm tra việc thực hiện định mức hàng tháng, quý, bán niên để

- Thực hiện đa dạng hóa thị trường, vận dụng triệt để chiến lược “Đầu tư về chi phí thấp”, “Mua tận gốc, bán tận ngọn” dựa trên các lợi thế cạnh tranh sẵn có.

Các giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Trong niên độ 2012 - 2013, thực hiện chủ trương của Hội đồng Quản trị về việc xây dựng đội ngũ nhân viên theo hướng “Giỏi hơn, chuyên nghiệp hơn, thu nhập cao hơn”, Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo Khối Nội vụ và các đơn vị liên quan thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Nâng cao các tiêu chuẩn trong tuyển dụng và các chuẩn mực trong sàng lọc nguồn nhân lực. Tăng cường công tác đào tạo CBCNV, tuyển dụng Giám đốc đào tạo; Tăng ngân sách đào tạo, lập kế hoạch ngân sách và xây dựng chương trình đào tạo cụ thể.

- Áp dụng chính sách lương kinh doanh, gắn thu nhập người lao động với hiệu quả công việc.

- Đối với nhân sự tại chi nhánh, khu vực: xây dựng chính sách thu nhập hợp lý, dần gắn thu nhập với hiệu quả kinh doanh nhằm tạo sự gắn bó, nâng cao trách nhiệm và khuyến khích sự nỗ lực của người lao động đối với công việc. Rà soát, đánh giá đội ngũ nhân sự tại chi nhánh, khu vực thông qua công tác kiểm soát, thanh tra.

Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên đáp ứng tiêu chí năng lực 3 chữ “K” (Kiến thức, Kỹ năng,

Kinh nghiệm) và thẩm nhuần văn hóa 10 chữ “T” (Trung thực - Trung thành - Tận tụy - Trí tuệ - Thành thiện).

Chuẩn bị đội ngũ kế thừa, đội ngũ dự nguồn có năng lực, đảm bảo sự tiếp nối vững chắc giữa các thế hệ cán bộ công nhân viên nói chung và các cấp quản trị nói riêng.

Hợp tác với các đơn vị về đào tạo nguồn nhân lực: Tập đoàn Hoa Sen đã ký kết hợp tác chiến lược với Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, các trường đại học, cao đẳng khu vực Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu nhằm chuẩn bị nguồn lao động trẻ, có năng lực và phẩm chất phù hợp.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĐTC 2013 - 2014

Căn cứ dự báo tốc độ tăng trưởng nhu cầu tiêu thụ của thị trường nội địa, thị trường xuất khẩu, năng lực sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cũng như những dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế, Hội đồng Quản trị giao kế hoạch kinh doanh hợp nhất niên độ tài chính 2013 - 2014 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện NĐTC 2012 - 2013	Kế hoạch NĐTC 2013 - 2014	So với thực hiện NĐTC 2012 - 2013	
				Tuyệt đối	Tương đối
(1)	(2)	(3)	(4)	(5 = 4-3)	(6 = 4/3* 100)
Tổng sản lượng tiêu thụ, trong đó:	Tấn	634.128	737.763	103.635	116%
- Thành phẩm	Tấn	601.671	700.000	98.329	116%
- Phụ phẩm	Tấn	32.457	37.763	5.306	116%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	11.760	14.000	2.240	119%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tỷ đồng	679	777	98	114%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	581	600	19	103%

Để thực hiện các mục tiêu của NĐTC 2013 - 2014, theo chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đề ra các giải pháp điều hành như sau:

- Chuẩn bị các phương án sản xuất kinh doanh linh hoạt, chủ động nhằm ứng phó kịp thời các diễn biến của thị trường; tập trung phát triển các ngành kinh doanh mũi nhọn của Tập đoàn là tôn, thép, nhựa.
- Tiếp tục hoàn thiện hơn nữa công tác quản trị, tăng cường thực hiện công tác kiểm soát quy trình sản xuất để tiết giảm chi phí; thực hiện cơ cấu dư nợ hợp lý như đã thực hiện trong niên độ trước.
- Đẩy mạnh công tác xuất khẩu, tiếp tục khẳng định vị thế tại các thị trường truyền thống và tìm kiếm, mở rộng sang các thị trường mới giàu tiềm năng ở Châu Mỹ, Châu Âu và Châu Phi; linh hoạt điều tiết sản lượng cung ứng giữa thị trường trong và ngoài nước nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục mở rộng hệ thống chi nhánh phân phối; nâng cao

hiệu quả hoạt động của hệ thống chi nhánh phân phối bán lẻ thông qua việc xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý cũng như chính sách lương thưởng phù hợp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của kênh tiêu thụ chủ lực này.

- Triển khai đầu tư các dây chuyền thuộc giai đoạn 2 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ và các dây chuyền đầu tư bổ sung nhằm nâng cao năng lực sản xuất của Tập đoàn.
- Đẩy mạnh hơn nữa các chương trình tiếp thị, quảng bá thương hiệu nhằm tăng cường sự hiện diện của thương hiệu Hoa Sen trong tâm thức người tiêu dùng.
- Phát triển nguồn nhân lực, trong đó chú trọng đến đội ngũ cán bộ kế thừa và quản trị viên dự nguồn; tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ và kỹ năng cho cán bộ công nhân viên.

700.000 TẤN
SẢN LƯỢNG
THÀNH PHẨM TIÊU THỤ
NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2013 - 2014

14.000 TỶ ĐỒNG
DOANH THU THUẦN
NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2013 - 2014

600 TỶ ĐỒNG
LỢI NHUẬN SAU
THUẾ HỢP NHẤT
NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2013 - 2014

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Ông LÝ VĂN XUÂN
Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Lý Văn Xuân là Phó Giáo sư, Tiến sĩ Y khoa. Ông là một cổ đông trung thành của Tập đoàn Hoa Sen. Ông hiện là Trưởng phòng Đào tạo, Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh. Với uy tín cá nhân và tâm huyết đối với Tập đoàn, tại Hội nghị thường niên ngày 27/3/2010, Ông được ĐHĐCĐ bầu làm thành viên Ban Kiểm soát.



Ông LÊ VŨ NAM
Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Lê Vũ Nam là Phó Giáo sư, Tiến sĩ Luật học, chuyên ngành Luật Kinh Tế. Ông bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ với đề tài “Pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư trên thị trường chứng khoán”.

Hiện nay ông là Trưởng khoa Luật kiêm Trưởng Bộ môn Luật Tài chính - Ngân hàng - Chứng khoán Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP.HCM. Lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu của ông là: Luật Chứng khoán, Luật Ngân hàng, Luật Doanh nghiệp và Quản trị công ty. Ông từng giữ chức vụ Trưởng phòng Nghiên cứu và phát triển thị trường, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM).



Ông LÊ ĐÌNH HẠNH
Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Lê Đình Hạnh tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP.HCM chuyên ngành Tài chính - Tiền tệ - Tín dụng.

Ông có kinh nghiệm chuyên sâu trong công tác kiểm soát, kiểm toán tại Tập đoàn qua các vị trí: Chuyên viên Kiểm toán Nội bộ, Phó Giám đốc Khối Kiểm soát, Giám đốc Khối Kiểm soát. Ông được ĐHĐCĐ tín nhiệm bầu làm thành viên Ban Kiểm soát tại Hội nghị thường niên ngày 22/3/2012.

BÁO CÁO VỀ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2012 - 2013

1. CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị có 5 thành viên, trong đó có 2 thành viên độc lập phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn Hoa Sen.

Tất cả các cuộc họp của Hội đồng

Quản trị đều có Ban Kiểm soát tham dự. Những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp đều thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật hoặc đã được Đại hội đồng cổ

đồng ủy quyền. Việc thảo luận và biểu quyết được thực hiện công khai, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tập đoàn Hoa Sen.

2. CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị đầy đủ, kịp thời, theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong

Điều lệ của Tập đoàn Hoa Sen.

Đề kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành, trong niên độ tài chính vừa qua, Tổng Giám đốc đã xây dựng, thực hiện, đề xuất sửa

đổi, bổ sung trình Hội đồng Quản trị thông qua một số quy chế, quy trình quản lý nội bộ phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ của Tập đoàn Hoa Sen.

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2012 - 2013

1. TỔ CHỨC CÔNG TÁC TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN: Tập đoàn Hoa Sen đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính.

2. CÔNG TÁC CHỨNG TỪ KẾ TOÁN: Phiếu thu, phiếu chi, sổ phụ Ngân hàng và các chứng từ liên quan khác được Tập đoàn Hoa Sen quản lý chặt chẽ và đưa vào lưu trữ có hệ thống theo quy định, đáp ứng tốt cho việc kiểm tra.

3. CÔNG TÁC QUẢN LÝ TIỀN MẶT, TIỀN GỬI NGÂN HÀNG: Việc kiểm quỹ được thực hiện định

kỳ, biên bản kiểm quỹ được lập theo quy định.

Việc thu chi tiền mặt và tiền gửi được thực hiện theo đúng quy định.

Tập đoàn Hoa Sen đã mở sổ kế toán và sổ quỹ đúng theo quy định hiện hành, thực hiện ghi chép, cập nhật kịp thời, chính xác các phiếu thu, phiếu chi và báo nợ/báo có của ngân hàng hàng ngày.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2012 – 2013:

Dựa trên các báo cáo được Ban Tổng Giám đốc trình bày tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ, cũng như số liệu kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập là Công

ty TNHH PricewaterhouseCoopers (PWC) Việt Nam, Ban Kiểm soát cho rằng tình hình tài chính của Tập đoàn Hoa Sen ở trạng thái lành mạnh.

Các chỉ số cơ bản về tình hình công nợ, vốn vay, tính thanh khoản, hiệu quả sử dụng tài sản, trích lập dự phòng, vốn chủ sở hữu đều đạt chuẩn cao.

Kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất niên độ tài chính 2012 - 2013 doanh thu của Tập đoàn đạt 11.760 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất 581 tỷ đồng, lần lượt đạt 111% và 145% so với kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ tài chính 2012 - 2013 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

KIẾN NGHỊ

Tập đoàn Hoa Sen cần tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ các quy định về môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ tại các chi nhánh và nhà máy sản xuất, đảm

bảo phù hợp với quy định của pháp luật. Duy trì thực hiện và giám sát tốt hoạt động công bố thông tin như trong các niên độ vừa qua nhằm đảm bảo thông tin công bố kịp thời, chính xác và trung thực. Nghiên cứu

xây dựng và hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, phát triển nguồn nhân lực hiện tại nhằm tận dụng tối đa nguồn nhân lực, góp phần mang lại hiệu quả cao hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



...chung vai *gánh vác*

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Hoạt động của Hội đồng Quản trị	60
Hoạt động của Ban Kiểm soát	62
Quan hệ cổ đông và nhà đầu tư	63
Quan hệ cộng đồng	63
Quản trị rủi ro	64
Chính sách nguồn nhân lực	66
Thông tin cổ phần	70
Giới thiệu nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	74
Giới thiệu các công ty con	76
Hệ thống chi nhánh	82



Hoạt động của Hội đồng Quản trị

HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong niên độ tài chính 2012 - 2013, Hội đồng Quản trị đã tiến hành 88 cuộc họp định kỳ và bất thường nhằm kịp thời đưa ra những chủ trương, quyết sách trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn, bao gồm:

- Triển khai đầu tư các dây chuyền chính thuộc giai đoạn 2 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ và một số dây chuyền, hạng mục bổ sung nhằm nâng cao năng lực sản xuất của Tập đoàn, đảm bảo đáp ứng nhu cầu thị trường;
- Ưu tiên phát triển thị trường trong nước, tập trung mở rộng thị trường miền Bắc với việc đầu tư Nhà máy sản xuất ống thép tại Hải Dương, đồng thời thành lập thêm nhiều chi nhánh phân phối tại khu vực này;
- Phát triển xuất khẩu, tăng cường mở rộng thị trường ra nhiều quốc gia và châu lục, nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường quốc tế;
- Tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống chi nhánh phân phối, nâng tổng số chi nhánh phân phối của Tập đoàn hiện nay lên con số 115 chi nhánh và 3 tổng kho;
- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát công nợ tại các chi nhánh và các đơn vị kinh doanh trực thuộc;
- Khuyến khích nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm, kiểm soát chặt chẽ các công đoạn sản xuất nhằm tiết giảm chi phí, tối đa hóa lợi nhuận;
- Tiếp tục thực hiện chính sách phát triển nguồn nhân lực, tuyển chọn và đào tạo đội ngũ quản trị viên dự nguồn có trình độ chuyên môn cao;
- Thực hiện các chương trình tiếp thị sáng tạo, đa dạng nhằm tiếp tục khẳng định một thương hiệu Hoa Sen mạnh và thân thiện.

Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tuần cùng với Ban Tổng Giám đốc để bám sát tình hình sản xuất kinh doanh cũng như kịp thời chỉ đạo thực hiện các quyết sách và định hướng của Hội đồng Quản trị.

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Tại Hội nghị thường niên Đại hội đồng cổ đông ngày 06/3/2013, Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành bầu Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2013 - 2017 với cơ cấu và thành phần như sau:

Thành phần

Hội đồng Quản trị:

Ông Lê Phước Vũ	:	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Chu	:	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Gia Tuấn	:	Thành viên
Ông Lý Duy Hoàng	:	Thành viên
Ông Jean-Eric Jacquemin	:	Thành viên

Ban Kiểm soát:

Ông Lê Vũ Nam	:	Trưởng Ban
Ông Lý Văn Xuân	:	Thành viên
Ông Lê Đình Hạnh	:	Thành viên

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

Thù lao và thưởng hoàn thành vượt kế hoạch của thành viên Hội đồng Quản trị

STT	Chức vụ	Thù lao (đồng/tháng)	Thưởng vượt kế hoạch (đồng)
1	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	20.000.000	Thực hiện chi trả sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán.
2	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	13.000.000	
3	Thành viên Hội đồng Quản trị	11.000.000	

Các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị

STT	Chức vụ	Tiền lương/Thù lao (đồng/tháng)	Thưởng vượt kế hoạch (đồng)	
1	Lê Phước Vũ	Trưởng Ban quản lý dự án	100.000.000	
		Trưởng Ban Tái cấu trúc	7.000.000	
2	Trần Ngọc Chu	Tổng Giám đốc	100.000.000	Thực hiện chi trả sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán.
		Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV VLXD Hoa Sen	8.000.000	
		Phó Ban Tái cấu trúc	5.000.000	



Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong niên độ tài chính 2012 – 2013, Ban Kiểm soát tiếp tục hoàn thành tốt nhiệm vụ trong việc giám sát, kiểm soát các hoạt động của Tập đoàn nhằm đảm bảo lợi ích của cổ đông. Cụ thể trong niên độ vừa qua, Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Tham dự đầy đủ và tích cực các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng Quản trị thông qua việc đặt câu hỏi chất vấn, đề nghị giải trình đối với các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, đồng thời đưa ra những ý kiến đóng góp và đề xuất kịp thời, phù hợp nhằm giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh luôn ổn định và đạt hiệu quả cao, qua đó quyền lợi của cổ đông và nhà đầu tư luôn được đảm bảo.
- Xem xét, thẩm tra các báo cáo tài chính của Tập đoàn bao gồm các Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên, hợp nhất cả niên độ, Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và các công ty thành viên, các khoản công nợ, hàng tồn kho, chứng từ thu – chi, xuất nhập khẩu hàng hóa, v.v...
- Giám sát, kiểm tra các hoạt động liên quan đến quan hệ cổ đông như cập nhật thông tin cổ đông; các vấn đề liên quan đến cổ phần - cổ phiếu; hoạt động công bố thông tin.
- Phối hợp cùng Bộ phận kiểm soát nội bộ thực hiện các đợt kiểm tra hoạt động của các chi nhánh, công ty con của Tập đoàn. Thẩm định và tham gia xác nhận các chứng từ hoàn công và thanh toán của các dự án, đồng thời giám sát việc triển khai cũng như tính hiệu quả của các dự án để có kiến nghị điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

THÙ LAO VÀ THƯỞNG HOÀN THÀNH VƯỢT KẾ HOẠCH CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Chức vụ	Thù lao (đồng/tháng)	Thưởng vượt kế hoạch (đồng)
1	Trưởng Ban Kiểm soát	9.000.000	Thực hiện chi trả sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán.
2	Thành viên Ban Kiểm soát	7.000.000	

CÁC KHOẢN THU NHẬP KHÁC CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương/Thù lao (đồng/tháng)
1	Lê Đình Hạnh	Giám đốc KSNB	20.000.000 (01/10/2012 - 31/5/2013)
		Giám đốc Khối Kiểm soát	30.000.000 (từ ngày 01/6/2013)
		Trưởng Ban Kiểm soát Công ty TNHH MTV VLXD Hoa Sen	2.000.000

Quan hệ cổ đông và nhà đầu tư

- Tổ chức thành công Hội nghị thường niên Đại hội đồng cổ đông NĐTC 2012 - 2013.
- Thực hiện công bố thông tin đúng theo quy định của Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012.
- Thực hiện Bản tin Hoa Sen Group định kỳ mỗi quý nhằm cung cấp thông tin cho cổ đông và nhà đầu tư.
- Thực hiện chi trả cổ tức của niên độ tài chính 2011 - 2012 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ ngày 06/3/2013.
- Tổ chức các buổi gặp gỡ nhà đầu tư nhằm tăng cường mối quan hệ hợp tác với các nhà đầu tư.



Quan hệ cộng đồng

- Tài trợ và đồng tổ chức chuỗi sự kiện “Nick Vujicic đến Việt Nam” từ ngày 22/5 đến 26/5/2013.
- Tổ chức chương trình “Mái ấm gia đình Việt – xuân Quý Tỵ 2013” năm thứ 4 liên tiếp cho hơn 1.500 các em nhỏ đến từ các mái ấm, nhà mồ, Hội người mù, các trường giáo dưỡng ở Đồng Nai, Long An và các bạn sinh viên xa nhà. Tài trợ các Quỹ khuyến học, Quỹ từ thiện.
- Cũng nằm trong chuỗi hoạt động của chương trình thường niên “Mái Ấm Gia đình Việt”, ngày 19/9/2013, lần đầu tiên Đêm hội Trung thu 2013 được tổ chức đã diễn ra trong không khí tung bùng và náo nhiệt, với sự tham gia của hơn 2.500 em là trẻ mồ côi, khuyết tật, trẻ có hoàn cảnh đặc biệt. Chương trình được tổ chức tại Nhà Thi đấu Quận Khu 7, do Báo Công an TP.HCM phối hợp với Tập đoàn Hoa Sen và Kênh Truyền hình Let’s Việt tổ chức.
- Ngoài ra, Tập đoàn còn tài trợ các chương trình truyền hình của Đài truyền hình TP.HCM như “Vượt lên chính mình”, “Thay lời muốn nói”; các chương trình của Đài truyền hình Việt Nam như “Vui sống mỗi ngày”, “Thành phố hôm nay”.



“Để giảm thiểu các rủi ro có thể gặp, Tập đoàn đã xây dựng một chiến lược quản lý rủi ro để đảm bảo mục tiêu kinh doanh, tạo ra lợi thế cạnh tranh nhằm đảm bảo hoạt động hiệu quả nhất. Việc thành lập các bộ phận chức năng: Kiểm soát nội bộ, Pháp chế, Thẩm định giá, Ban Vật tư để kiểm soát những rủi ro có thể xảy ra đã đem lại những kết quả tích cực trong hoạt động kinh doanh và kiểm soát toàn bộ Tập đoàn.”

Quản lý rủi ro trong hoạt động kinh doanh

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến tổng cầu. Khi nền kinh tế tăng trưởng thì nhu cầu tiêu thụ sản phẩm tôn thép, vật liệu xây dựng, trong đó có sản phẩm của Tập đoàn Hoa Sen, sẽ tăng lên. Ngược lại, khi nền kinh tế suy giảm thì nhu cầu sử dụng các sản phẩm tôn thép, vật liệu xây dựng cũng sẽ sụt giảm. Do đó, Tập đoàn luôn chuẩn bị sẵn các kịch bản điều hành

để chủ động ứng phó với mọi tình huống nhằm bảo đảm hoạt động kinh doanh hiệu quả nhất.

Tập đoàn nhập khẩu phần lớn thép cán nóng (nguyên liệu chính) từ nước ngoài, nên việc cập nhật, phân tích giá thép cán nóng trong và ngoài nước, chọn lựa thời điểm thích hợp để mua với giá tốt nhất, hạn chế mọi rủi ro về nguyên liệu luôn được Hội

đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc quan tâm chú trọng.

Sự biến động giá bán sản phẩm trên thị trường tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Hoa Sen. Do đó, chính sách giá bán linh hoạt theo biến động giá cả thị trường luôn được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xem xét điều chỉnh tùy theo tình hình thị trường ở từng thời điểm.

Quản lý rủi ro trong hoạt động sản xuất

Trong hoạt động sản xuất, Tập đoàn Hoa Sen luôn chú trọng việc rà soát, hoàn thiện và chuẩn hóa các định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu để giảm giá thành sản phẩm. Bộ phận Thẩm định giá và Bộ phận Vật tư phối hợp xem xét lựa chọn những nhà cung cấp

nguyên nhiên vật liệu có chất lượng phù hợp với giá cả hợp lý nhằm giảm thiểu những rủi ro về nguyên vật liệu. Đồng thời, Bộ phận Kiểm soát Nội bộ sẽ kiểm tra lại tất cả các khoản chi phí mua hàng để đảm bảo tính trung thực, chính xác và minh bạch.

Tập đoàn luôn có những kế hoạch bảo trì sửa chữa thường xuyên và định kỳ nhằm đảm bảo các máy móc thiết bị luôn trong tình trạng tốt nhất, bảo đảm vận hành an toàn và hiệu quả.



Quản lý rủi ro tài chính

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn có thể chịu rủi ro biến động tỷ giá, rủi ro biến động lãi suất, rủi ro nợ phải thu khó đòi và rủi ro thanh khoản.

Căn cứ vào doanh thu xuất khẩu, Ban Tổng Giám đốc cân đối cơ cấu dư nợ vay giữa VND và USD để bảo đảm có lãi suất vay bình quân thấp nhất nhưng có vẫn đủ nguồn USD để trả nợ vay ngoại tệ để giảm thiểu tác động của rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá trình Hội đồng Quản trị xem xét và đưa ra

định hướng cơ cấu vay hàng tháng.

Đối với các khách hàng mới, Tập đoàn yêu cầu có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng thì mới giao hàng. Đối với các khách hàng truyền thống, căn cứ tình hình tài chính, tài sản bảo đảm, uy tín giao dịch của từng khách hàng và đề xuất của các đơn vị bán hàng, Tập đoàn cấp hạn mức nợ cho từng khách hàng trong từng thời kỳ. Định kỳ hàng tháng, Ban Tổng Giám đốc xem xét lại các hạn mức nợ này. Các đơn vị bán hàng chịu trách nhiệm thu hồi công

nợ đúng hạn. Bộ phận Kiểm soát Nội bộ giám sát, kiểm tra và báo cáo Ban Tổng giám đốc tình hình nợ phải thu hàng ngày. Nếu phát sinh nợ phải thu khó đòi, Bộ phận Pháp chế sẽ thực hiện các biện pháp thu hồi nợ kể cả đưa vụ việc ra cơ quan pháp luật giải quyết.

Bộ phận Tài chính lập và báo cáo kế hoạch dòng tiền hàng tuần để Ban Tổng Giám đốc có những biện pháp điều hành kinh doanh linh hoạt, bảo đảm không có khoản phải trả quá hạn.

Quản lý rủi ro thay đổi chính sách

Văn bản pháp luật trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi

đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn Hoa Sen. Ban Trọ lý giữ vai trò quan trọng trong việc cập nhật và tư vấn

những văn bản pháp luật mới ban hành để giảm thiểu rủi ro về thay đổi chính sách có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Quản lý rủi ro khác

Để giảm thiểu những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn,... Tập đoàn luôn dành một

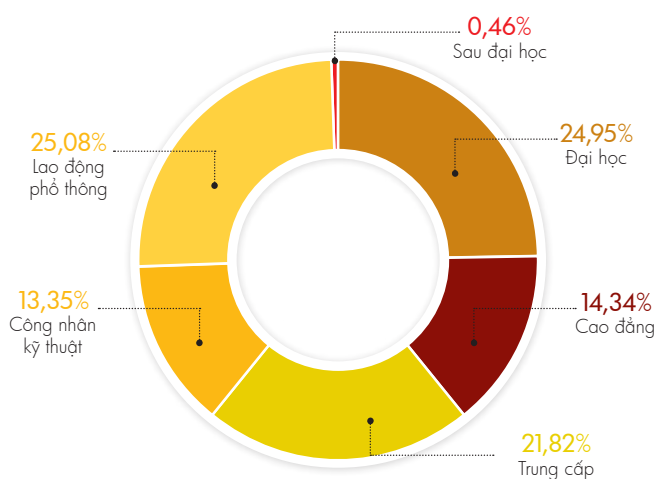
khoản chi phí không nhỏ cho việc mua bảo hiểm mọi rủi ro tai nạn 24/24 giờ cho mọi CBCNV và

bảo hiểm mọi rủi ro tài sản của Tập đoàn.

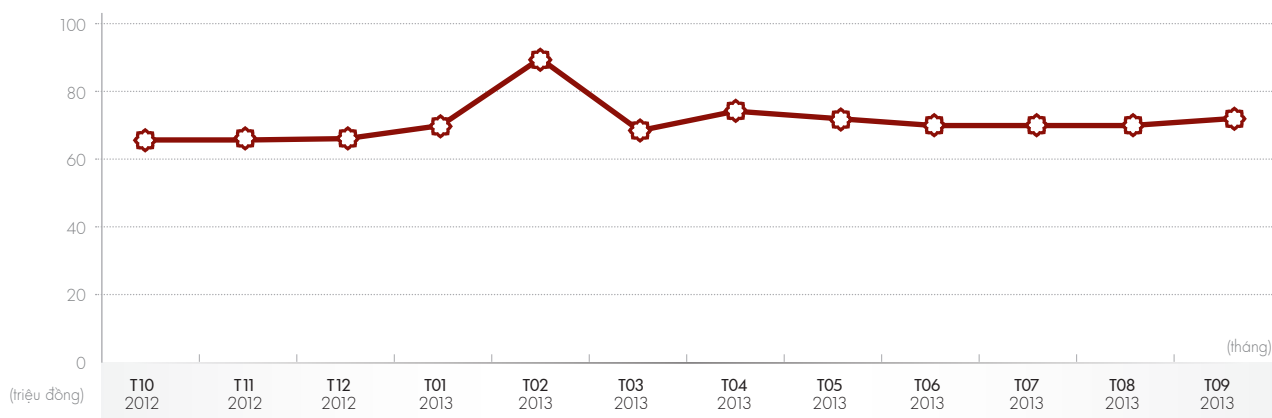
Số lượng cán bộ công nhân viên

Tính đến ngày 30/9/2013, tổng số cán bộ công nhân viên của Tập đoàn Hoa Sen là 3.731 người.

Cơ cấu trình độ cán bộ nhân viên NĐTC 2012 - 2013



Mức thu nhập bình quân của Ban Tổng Giám đốc



Ghi chú: Thu nhập tháng 02/2013 tăng so với các tháng khác do tăng tiền tăng ca, tiền hỗ trợ khi đi làm Tết, trực Tết.

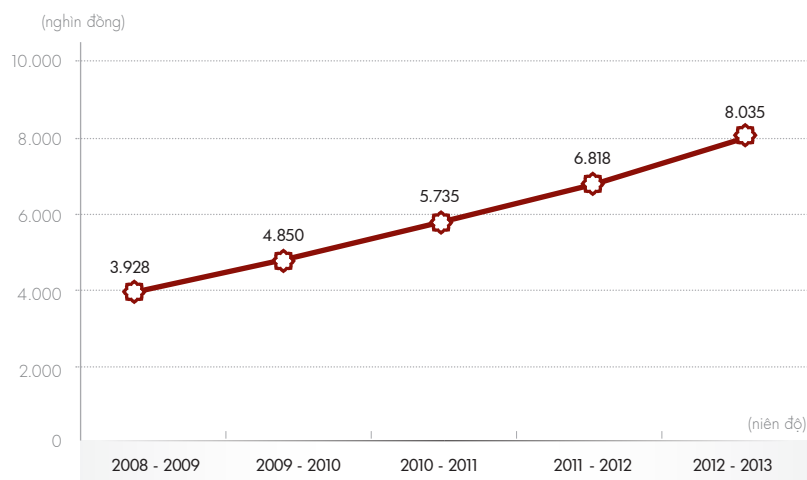


3.731

TỔNG SỐ CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN CỦA TẬP ĐOÀN HOA SEN TÍNH ĐẾN NGÀY 30/9/2013

Thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên qua các niên độ

Niên độ	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
2008 - 2009	3.928.000
2009 - 2010	4.850.000
2010 - 2011	5.735.000
2011 - 2012	6.818.000
2012 - 2013	8.035.000



Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực



Trong niên độ 2012 - 2013, Tập đoàn Hoa Sen vẫn tiếp tục triển khai chương trình "Quản trị viên dự nguồn", tuyển dụng sinh viên khá, giỏi của các trường đại học uy tín trong cả nước (ĐH Bách Khoa TP.HCM, ĐH Kinh tế - Luật TP.HCM thuộc ĐH QG TP.HCM, Đại học Kinh tế TP.HCM, Đại học Ngoại thương TP.HCM) và đặc biệt cả du học sinh tại Úc, Thái Lan, Mỹ, Singapore đưa vào chương trình, đào tạo, theo dõi, định hướng và phát triển thành những cán bộ quản lý nòng cốt trong tương lai.

Tập đoàn tiếp tục duy trì việc hợp tác với các trường thành viên của Đại học Quốc gia TP.HCM, các trường đại học, cao đẳng khu vực Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu qua các hình thức tài trợ học bổng, tham dự ngày hội việc làm...

Các chương trình đào tạo thường niên vẫn được triển khai: Hội nhập văn hóa

Hoa Sen kết hợp với đào tạo nhận thức về ISO, các khóa đào tạo bắt buộc về an toàn lao động, an toàn bức xạ, an toàn hóa chất, an toàn điện, an toàn thiết bị áp lực, PCCC, sơ cấp cứu..., các khóa đào tạo về kỹ năng kinh doanh, đào tạo kiến thức sản phẩm, các khóa tập huấn nâng cao kỹ năng nghiệp vụ thường xuyên cho CBCNV.

Trong niên độ 2012 - 2013 có 3.430 (trên tổng số 3.731) CBCNV tham 20 chương trình đào tạo trong đó số lượng Cán bộ quản lý tham gia đào tạo là 147 (trên tổng số 544 người) chiếm 27% Cán bộ quản lý toàn Tập đoàn.

Đặc biệt trong niên độ này Tập đoàn đã triển khai thành công khóa đào tạo kỹ năng giao tiếp bán hàng chuyên nghiệp cho 225 nhân viên bán hàng và nhân viên thị trường trên toàn quốc.

Chế độ chính sách đối với người lao động

CHÍNH SÁCH LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP

Niên độ tài chính 2012 - 2013, Tập đoàn đã mời đơn vị bên ngoài tư vấn, xây dựng hệ thống ngạch bậc lương mới và chính sách lương khoán áp dụng cho Hệ thống sản xuất Công ty mẹ, Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ, Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen Bình Dương. Việc áp dụng chính sách lương

khoán cho các đơn vị này nhằm khuyến khích hiệu quả sản xuất của các đơn vị. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng ban hành, sửa đổi một số chính sách lương kinh doanh để phù hợp với tình hình kinh doanh từng thời điểm nhằm tạo động lực khuyến khích đội ngũ kinh doanh làm việc tích cực hơn.

Chính sách phụ cấp vẫn được kế thừa như niên độ trước bao gồm: phụ cấp thu hút, phụ cấp lưu động, phụ cấp kiêm nhiệm, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp độc hại, phụ cấp dự nguồn, phụ cấp điện thoại, phụ cấp công tác, phụ cấp thâm niên... Các khoản phụ cấp này là phần cộng thêm thu nhập hàng tháng, giúp người lao động yên tâm làm việc.

CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM

Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Tập đoàn Hoa Sen thực hiện theo đúng qui định pháp luật và đảm bảo toàn thể cán bộ công nhân viên

đều được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm. Nhiều năm liền Tập đoàn Hoa Sen thực hiện tốt công tác bảo hiểm và nhận bằng khen của cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương.

Trong niên độ 2012 - 2013, Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục điều chỉnh mức đóng Bảo hiểm cho người lao động theo quy định mức lương tối thiểu của Chính phủ vào tháng 01/2013.

CHÍNH SÁCH KHEN THƯỞNG

Chính sách khen thưởng được áp dụng nhằm tạo động lực trong công tác cho CBCNV gắn liền với thành tích công việc, hiệu quả sản xuất

kinh doanh. Tập đoàn Hoa Sen áp dụng các chính sách thưởng như: thưởng thành tích, hiệu quả công việc hàng tháng, thưởng kinh doanh

theo quý và năm, thưởng hoàn thành Dự án trước tiến độ, thưởng tháng lương 13, thưởng CBCNV xuất sắc, thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH KHÁC

Ngoài việc thực hiện các chính sách lương, thưởng, chế độ bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp theo qui định pháp luật, Tập đoàn Hoa Sen còn áp dụng các chế độ phúc lợi như: thưởng vào các ngày lễ

lớn: Tết Nguyên đán, ngày kỷ niệm ngày thành lập Công ty, nghỉ mát hàng năm...; vẫn duy trì và đảm bảo các chế độ khác như: hỗ trợ ăn trưa, ăn giữa ca, cấp phát đồng phục, bảo hộ lao động, khám sức

khỏe định kỳ, bảo hiểm tai nạn 24/24, hỗ trợ CBCNV khi có tang chế... Ngoài ra, CBCNV nữ được hỗ trợ nhân ngày Quốc tế Phụ nữ và ngày Phụ nữ Việt Nam, hỗ trợ thai sản.

Các hoạt động cho cán bộ công nhân viên

Trong niên độ tài chính 2012 - 2013, Công đoàn cơ sở kết hợp với Công ty đã tổ chức những hoạt động văn nghệ, thể thao sôi nổi chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV như:

- Tổ chức hội thao, văn nghệ chào mừng kỷ niệm 12 năm ngày thành lập Tập đoàn.
- Tổ chức hoạt động vui chơi, tặng quà cho CBCNV nữ nhân ngày

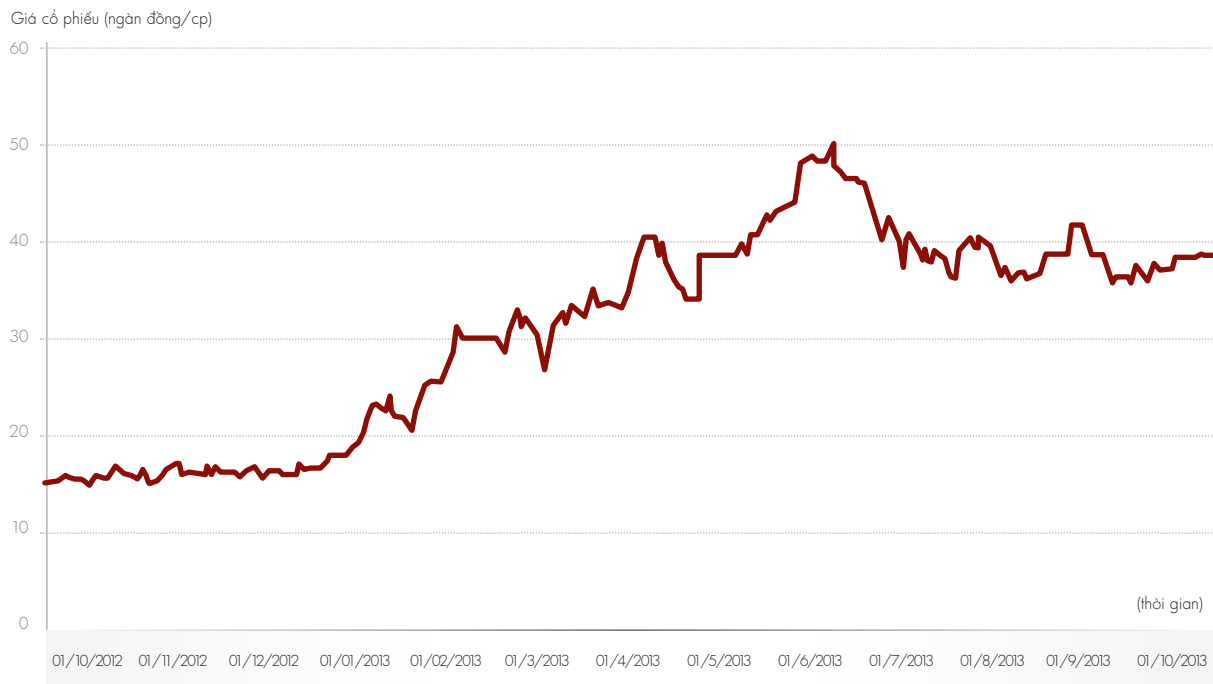
Quốc tế phụ nữ 8/3 và ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10.

- Tặng quà cho con CBCNV nhân ngày Quốc tế thiếu nhi.

- Tuyên dương và tặng những phần thưởng có giá trị cho con của CBCNV trong Tập đoàn có thành tích xuất sắc trong học tập.

- Tổ chức đón trung thu cho con CBCNV...

Thông tin về cổ phiếu



Nguồn: Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

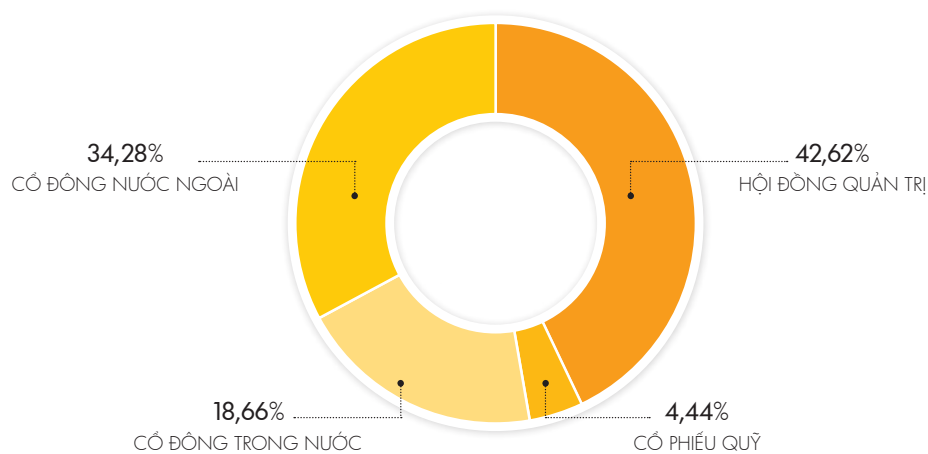
BIỂU ĐỒ GIÁ CỔ PHIẾU HSG NĐTC 2012 - 2013

Thông tin về cổ tức

STT	Chi tiêu	Tỷ lệ thực hiện	Hình thức chi trả	Ngày đăng ký cuối cùng	Ngày thanh toán
1	Chi trả cổ tức đợt 4 theo phương án gộp phần cổ tức chưa thực hiện của NĐTC 2009 - 2010 và 2010 - 2011	5% (mỗi cổ phiếu được nhận 500 đồng)	tiền mặt	28/11/2012	20/12/2012
2	Chi trả cổ tức đợt 1 NĐTC 2011 - 2012	10% (mỗi cổ phiếu được nhận 1000 đồng)	tiền mặt	20/3/2013	19/4/2013
3	Chi trả cổ tức đợt 2 NĐTC 2011 - 2012	10% (mỗi cổ phiếu được nhận 1000 đồng)	tiền mặt	20/5/2013	20/6/2013
4	Chi trả cổ tức đợt 3 NĐTC 2011 - 2012	5% (mỗi cổ phiếu được nhận 500 đồng)	tiền mặt	29/8/2013	12/9/2013

Cơ cấu cổ đông tại ngày 08/11/2013

STT	Thành phần Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Hội đồng Quản trị	42.953.552	42,62%
2	Cổ đông trong nước	18.811.843	18,66%
	- Cá nhân trong nước	18.153.107	-
	- Tổ chức trong nước	658.736	-
3	Cổ đông nước ngoài	34.547.703	34,28%
4	Cổ phiếu quỹ	4.477.692	4,44%
	Tổng cộng	100.790.790	100%



Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại ngày 08/11/2013

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Lê Phước Vũ	023327821	19 Giang Văn Minh, Phường An Phú, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh	42.867.152	42,53%
3	Red River Holding	CA1288	9A Tú Xương, Phường 7, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	16.463.959	16,33%
4	Hoàng Thị Xuân Hương	023148011	19 Giang Văn Minh, Phường An Phú, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh	6.717.940	6,67%

Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Họ tên	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Lê Phước Vũ	42.867.152	42,53%
2	Hồ Văn Hoàng	506.169	0,502%
3	Hoàng Đức Huy	36.400	0,04%

Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần của Hội Đồng Quản Trị

STT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Lê Phước Vũ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	42.867.152	42,53%
2	Trần Ngọc Chu	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	86.400	0,09%
3	Phạm Gia Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	0,00%
4	Jean-Eric Jacquemin	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	0,00%
5	Lý Duy Hoàng	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	0,00%

Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Ngọc Chu	Tổng Giám đốc	86.400	0,09%
2	Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc	36.400	0,04%
3	Trần Quốc Trí	Phó Tổng Giám đốc	8	0,00%
4	Vũ Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	15.552	0,02%
5	Nguyễn Minh Khoa	Phó Tổng Giám đốc	6.100	0,01%
6	Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	2.000	0,00%
7	Hồ Thanh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	-	0,00%
8	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Kế toán trưởng	3.184	0,00%

Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần của Ban Kiểm Soát

STT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Lê Vũ Nam	Trưởng Ban Kiểm soát	9.000	0,01%
2	Lý Văn Xuân	Thành viên Ban Kiểm soát	86.400	0,09%
3	Lê Đình Hạnh	Thành viên Ban Kiểm soát	2.138	0,00%

Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của cổ đông có liên quan đến cổ đông nội bộ

STT	Cổ đông nội bộ	Tên tổ chức/cá nhân có liên quan đến cổ đông nội bộ	Mối quan hệ với Cổ đông nội bộ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Lê Phước Vũ	Hoàng Thị Xuân Hương	Vợ	6.717.940	6,67%
2	Lý Văn Xuân	Võ Thị Sơn Ca	Vợ	18.000	0,02%
		Lý Khánh Vân	Con	9.000	0,01%
3	Hoàng Đức Huy	Hoàng Thị Xuân Hương	Em	6.717.940	6,67%
		Hoàng Đức Hoàng	Em	2	0,00%
		Hoàng Đức Cảnh	Em	4	0,00%
4	Nguyễn Minh Khoa	Nguyễn Thị Minh Thu	Em	9	0,00%



GIỚI THIỆU NHÀ MÁY TÔN HOA SEN PHÚ MỸ



Địa chỉ trụ sở: Đường số 1B, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điện thoại: (064) 3 924 790 - Fax: (064) 3 924 796

Giấy chứng nhận ĐKKD: 3700381324-095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 19/7/2010.

Người đại diện theo pháp luật: Ông NGUYỄN MINH KHOA - Giám đốc Nhà máy.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác. Sản xuất thép cán nguội dạng cuộn, sản xuất thép cán nóng dạng cuộn.

Tập đoàn Hoa Sen sở hữu: 100%

QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

Tập đoàn đã xây dựng thành công nhà máy sản xuất tôn có quy mô lớn nhất Đông Nam Á tính đến thời điểm hiện tại trên diện tích 16,7 hecta bao gồm: 87.542 m²

nhà xưởng, 690 m² văn phòng làm việc, trạm biến thế 110 Kv, hệ thống xử lý nước thải và tái sinh nước, hệ thống sản xuất tôn khép kín, ứng dụng công nghệ hiện đại

nhất trong ngành tại Việt Nam; được đầu tư với chi phí thấp nhất và thi công trong thời gian nhanh nhất nhưng vẫn đảm bảo chất lượng công trình.



Trong niên độ tài chính
2012 - 2013, Nhà máy Tôn Hoa
Sen Phú Mỹ đã cung ứng

516.994^{TẤN}
THÀNH PHẨM CÁC LOẠI
tăng 9,94 % so với
niên độ tài chính 2011 - 2012

Thời gian	Nội dung
Tháng 12/2007	Nhận Giấy chứng nhận đầu tư số 49221000080 của Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.
Tháng 5/2009	Chính thức khởi công giai đoạn 1 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ.
Tháng 12/2009 - 02/2010	Đưa vào hoạt động cụm lò ủ số 01 công suất 42.000 tấn/năm; dây chuyền cắt tấm công suất 50.000 tấn/năm; dây chuyền xẻ băng công suất 150.000 tấn/năm.
Tháng 3/2010 - 4/2010	Đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất tôn dày (công nghệ NOF) công suất 450.000 tấn/năm và dây chuyền phủ màu công suất 180.000 tấn/năm.
Tháng 01/2011 - 02/2011	Đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất tôn mỏng (công nghệ NOF) công suất 100.000 tấn/năm; dây chuyền tẩy rỉ công suất 700.000 tấn/năm; dây chuyền cán nguội 1 công suất 200.000 tấn/năm.
Tháng 3/2011	Đưa vào hoạt động dây chuyền cắt biên công suất 180.000 tấn/năm.
Tháng 7/2011 - 8/2011	Đưa vào hoạt động dây chuyền tái sinh a-xít công suất 5.000 lít/giờ; dây chuyền cán nguội 2 công suất 200.000 tấn/năm.
Tháng 6/2012	Đưa vào hoạt động cụm lò ủ công suất 100.000 tấn/năm.
Tháng 3/2013	Đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất tôn mỏng (công nghệ NOF) công suất 120.000 tấn/năm.

Công ty TNHH MTV **TÔN HOA SEN**



Địa chỉ trụ sở:	Số 09 Đại lộ Thống nhất, KCN Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
Điện thoại:	(0650) 3 737 200 - Fax: (0650) 3 737 904
Vốn Điều lệ:	280.000.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi tỷ đồng).
Giấy chứng nhận ĐKKD:	Số 3700763651 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/6/2011.
Người đại diện theo pháp luật:	Ông NGUYỄN MINH KHOA - Chủ tịch Hội đồng Thành viên.
Giám đốc điều hành:	Ông HOÀNG ĐỨC HOÀNG .
Các dây chuyền chính:	<ol style="list-style-type: none">DÂY CHUYỀN TẮY RỈ, công suất hiện tại: 950.000 tấn/năm. + Tại Phú Mỹ: 700.000 tấn/năm. + Tại Bình Dương: 250.000 tấn/năm.DÂY CHUYỀN CÁN NGUYÊN, công suất hiện tại: 580.000 tấn/năm. + Tại Phú Mỹ: 400.000 tấn/năm. + Tại Bình Dương: 180.000 tấn/năm.DÂY CHUYỀN CÁT BIÊN, công suất hiện tại: 360.000 tấn/năm. + Tại Phú Mỹ: 180.000 tấn/năm. + Tại Bình Dương: 180.000 tấn/năm.DÂY CHUYỀN LÒ Ủ, tại Bình Dương, công suất hiện tại: 42.000 tấn/năm. <p>lần lượt tháng 6 và tháng 9 năm 2014, Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen sẽ có thêm 2 dây chuyền cán nguyên đặt tại Phú Mỹ đi vào hoạt động với tổng công suất là 400.000 tấn/năm.</p>
Tập đoàn Hoa Sen sở hữu:	100%



Trong niên độ tài chính 2013 - 2014,
 Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen
 đặt kế hoạch cung ứng:

689.801 TẤN



KẾT QUẢ KINH DOANH NĐTC 2012 - 2013 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĐTC 2013 - 2014:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện NĐTC 2012 - 2013	Kế hoạch NĐTC 2013 - 2014	So với thực hiện NĐTC 2012 - 2013	
					Tuyệt đối	Tương đối
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6 = 5-4)	(7 = 5/4*100)
1	Sản lượng tiêu thụ thép cán nguội	Tấn	609.134	689.801	80.667	113%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	8.524	9.795	1.271	115%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	75	103	28	137%

Công ty TNHH MTV **VẬT LIỆU XÂY DỰNG HOA SEN**



Địa chỉ trụ sở:	Đường 2B, KCN Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Điện thoại:	(064) 3 923 231 - Fax: (064) 3 923 230
Vốn Điều lệ:	150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng).
Giấy chứng nhận ĐKKD:	Số 3500786179, do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 18/12/2007.
Người đại diện pháp luật:	Ông TRẦN NGỌC CHU - Chủ tịch Hội đồng Thành viên.
Quyền Giám Đốc:	Ông CAO QUẢNG SANG .
Ngành nghề Kinh doanh:	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm vật liệu xây dựng bao gồm: Ống thép, ống thép mạ kẽm; ống nhựa và phụ kiện ống nhựa.
Tập đoàn Hoa Sen sở hữu:	100%

Với định hướng chiến lược trở thành Nhà sản xuất - cung ứng vật liệu xây dựng hàng đầu Việt Nam và khu vực ASEAN, năm 2007, Công ty đã khánh thành đưa vào hoạt động Nhà máy sản xuất ống thép số 1, công suất 101.000 tấn/năm, tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Tỉnh BR-VT. Năm 2010, Công ty tiếp tục đưa vào hoạt động Nhà máy sản xuất ống thép số 2, công suất 48.000 tấn/năm tại KCN Sóng Thần II, TX. Dĩ An, Bình Dương và Nhà máy sản xuất ống nhựa uPVC Hoa Sen, công suất 30.000 tấn/năm tại KCN Phú Mỹ I, Tỉnh BR-VT. Và tháng 7/2013, Công ty đã chính thức đưa vào hoạt động Nhà Máy Ống Thép Hoa Sen Hải Dương, công suất 48.000 tấn/năm, tại cụm công nghiệp huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương để tăng cường năng lực sản xuất và đáp ứng kịp thời cho nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

Đến tháng 10/2013, Công ty đã chính thức đưa 3 dây chuyền sản xuất ống thép tại nhà máy Phú Mỹ vào hoạt động với tổng công suất 41.000 tấn/năm.

Với hệ thống máy móc thiết bị hiện đại, các dây chuyền sản xuất của Công ty có nguồn gốc chủ yếu từ các nước hàng đầu Châu Âu và Đông Á. Công ty đã cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu các dòng sản phẩm chủ lực: ống thép đen, ống thép mạ kẽm; ống nhựa - phụ kiện ống nhựa mang thương hiệu Hoa Sen (ứng dụng trong các lĩnh vực: dân dụng, cấp thoát nước, ngành điện, xây lắp,...) và các chủng loại vật liệu xây dựng khác luôn đạt chất lượng vượt trội, kiểu dáng đa dạng và thân thiện với người tiêu dùng.

Bằng chính sách kinh doanh linh hoạt, các dòng sản phẩm: ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống nhựa và phụ kiện ống nhựa Hoa Sen từng bước được giới thiệu đến người tiêu dùng thông qua Hệ thống phân phối trực tiếp trải dài rộng khắp cả nước của Hoa Sen Group; bên cạnh đó là hệ thống các Nhà phân phối, các nhà thầu xây dựng và mạng lưới đại lý rộng khắp cả nước, đã và đang đáp ứng nhanh chóng, kịp thời các dịch vụ tốt nhất cho mọi đối tượng khách hàng trong và ngoài nước.

Ngoài các hoạt động sản xuất - kinh doanh, Công ty còn tích cực tham gia các hoạt động xã hội - từ thiện ý nghĩa như: tài trợ Giải bóng đá Cúp Quốc gia - Nhựa Hoa Sen (2010 - 2012), Giải bóng đá Futsal - trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (2007 - 2012); Chương trình Vượt lên chính mình; đồng hành cùng chương trình Nick Vujicic đến Việt Nam 2013; hỗ trợ các chương trình hội nghị kinh tế, hoạt động văn hóa, xã hội, thể dục thể thao của các tổ chức tại địa phương và trung ương...

Đến nay, các dòng sản phẩm của Vật liệu xây dựng Hoa Sen đã từng bước được người tiêu dùng trong và ngoài nước tin nhiệm, sử dụng một cách rộng khắp thông qua các công trình xây lắp trọng điểm của quốc gia và dân dụng.

Bên cạnh đó, các dòng sản phẩm Ống Nhựa Hoa Sen còn đạt được các danh vị và giải thưởng cao quý như: Thương hiệu mạnh Việt Nam 2007, Huy Chương Vàng tại các kỳ hội chợ VIETBUILD 2008, 2009, 2011 và VTop Build 2012 (tại TP.HCM); Giải bạc chất lượng Quốc Gia 2012;

Ngoài ra, với thế mạnh vượt trội về chất lượng và công nghệ, ống nhựa Hoa Sen còn được Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng - Trung tâm Chứng nhận phù hợp - QUACERT cấp Chứng nhận cho các sản phẩm hiện có phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế trong ngành như ISO 4422-1996, TCVN 6151-2:2002, BS

3505:1968 và AS/NZS 1477:2006. Đồng thời Công ty đã được Viện Khoa Học Vật Liệu Ứng Dụng cấp Chứng nhận "Công nghệ tự động hóa - Quy trình sản xuất khép kín cho các dây chuyền sản xuất ống nhựa - phụ kiện ống nhựa uPVC Hoa Sen".

Với những thành quả đạt được, Công ty cam kết sẽ không ngừng nỗ lực nhằm mang đến cho khách hàng sự hài lòng về chất lượng, hợp lý về giá cả, phong phú trong các dịch vụ hậu mãi và phấn đấu trở thành một trong những nhà cung cấp các sản phẩm: ống thép, ống nhựa và phụ kiện ống nhựa Hoa Sen, hướng đến mục tiêu dẫn đầu thị phần trong nước và khu vực ASEAN.

Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen là một trong những công ty thành viên trực thuộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (Hoa Sen Group), thành lập ngày 18 tháng 12 năm 2007, với vốn điều lệ ban đầu 150 tỷ đồng, trụ sở và nhà máy chính tọa lạc trong khuôn viên 11 ha, tại đường 2B, KCN Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĐTC 2012 - 2013 VÀ KẾ HOẠCH NĐTC 2013 - 2014

THỰC HIỆN NĐTC 2012 - 2013 VÀ KẾ HOẠCH NĐTC 2013 - 2014

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện NĐTC 2012 - 2013	Kế hoạch NĐTC 2013 - 2014	So với kết quả thực hiện NĐTC 2012 - 2013	
					Tuyệt đối	Tương đối
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6 = 5-4)	(7 = 5/4*100)
1	Sản lượng	Tấn	106.765	140.096	33.331	131%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.870	2.329	459	125%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	63	65	2	103%



Công ty TNHH MTV **VẬN TẢI & CƠ KHÍ HOA SEN**



Địa chỉ trụ sở:	Số 09 Đại lộ Thống nhất, KCN Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
Điện thoại:	(0650) 3 737 999 - Fax: (0650) 3 737 999
Vốn Điều lệ:	16.276.000.000 đồng (Mười sáu tỷ hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng).
Giấy chứng nhận ĐKKD:	Số 3700785528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/12/2007.
Người đại diện pháp luật:	Ông BÙI THANH TÂM - Chủ tịch Hội đồng Thành viên.
Ngành nghề Kinh doanh:	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách bằng đường bộ, đường thủy; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Cho thuê phương tiện vận tải, sửa chữa xe ô tô, mua bán vật tư, thiết bị phụ tùng ô tô.
Tập đoàn Hoa Sen sở hữu:	100%

Niên độ tài chính 2012 - 2013 vừa qua, Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen đã vận chuyển 170.000 tấn, đạt 100 % kế hoạch; Doanh thu đạt được 9,623 tỷ đồng.

Dự kiến trong niên độ tài chính 2013 - 2014 này, Công ty sẽ vận chuyển 185.000 tấn, doanh thu đạt 10,6 tỷ đồng.

KHU VỰC TÂY NAM BỘ

NĂM CĂN	Khóm Cái Nai, TT Năm Căn, H. Năm Căn, Cà Mau	Tel: (0780) 3 876 703
CÀ MAU	39 Lý Thường Kiệt, Khóm 7, P. 6, Tp. Cà Mau, Cà Mau	Tel: (0780) 3 826 699
BẠC LIÊU	D01/10 QL1A, Trờ Kha, P. 8, Tp. Bạc Liêu, Bạc Liêu	Tel: (0781) 3 829 843
SÓC TRĂNG	QL1A, P. 2, Tp. Sóc Trăng, Sóc Trăng	Tel: (079) 3 611 212
PHỤNG HIỆP	KV 3, P. Hiệp Thành, TX Ngã Bảy, Hậu Giang	Tel: (0711) 3 867 887
VỊ THANH	Trần Hưng Đạo, KV 3, P. 5, Tp. Vị Thanh, Hậu Giang	Tel: (0711) 3 870 137
VĨNH THUẬN	Tổ 39, Ấp Vĩnh Đông 2, TT. Vĩnh Thuận, H. Vĩnh Thuận, Kiên Giang	Tel: (077) 3 561 336
AN BIÊN	Tổ 17, Ấp Đông Thành, Xã Đông Thái, H. An Biên, Kiên Giang	Tel: (077) 3 524 259
CẦN THƠ	143 KV5, CMT8, P. An Thái, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ	Tel: (0710) 3 887 581
CÁI RĂNG	QL1A, Khu vực 2, P. Ba Láng, Q. Cái Răng, Tp. Cần Thơ	Tel: (0710) 3910 001
VĨNH CHÂU	Khu 1, TT. Vĩnh Châu, H. Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Tel: (079) 3 861 828 (079) 3 861 829
KIÊN LƯƠNG	Tổ 13, khu phố Tám Thuốc, TT Kiên Lương, H. Kiên Lương, Kiên Giang	Tel: (077) 3 765 055
RẠCH GIÁ	67 CMT8, P. Vĩnh Lợi, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang	Tel: (077) 3 912 450
LỘ TÊ	Số 454, tổ 16, Khu vực Thái Hoà, P. Thái Thuận, Q. Thới Nốt, Tp. Cần Thơ	Tel: (076) 3 831 844
VĨNH THẠNH	Ấp Vĩnh Tiến, TT Vĩnh Thạnh, H. Vĩnh Thạnh, Tp. Cần Thơ	Tel: (0710) 3 641 828
TRI TÔN	Khóm 1, TT Tri Tôn, H. Tri Tôn, An Giang	Tel: (076) 3 772 949
CHÂU ĐỐC	QL 91, Khóm Hoà Bình, P. Vĩnh Mỹ, TX Châu Đốc, An Giang	Tel: (076) 3 560 510
PHÚ TÂN	Khóm Long Hưng 2, P. Long Sơn, TX Tân Châu, An Giang	Tel: (076) 3 533 435
LONG XUYỀN	Tổ 12, Khóm Bình Đức 5, P. Bình Đức, Tp. Long Xuyên, An Giang	Tel: (076) 3 650 738
CHỢ MỚI	Ấp Mỹ Hòa, TT Mỹ Lương, H. Chợ Mới, An Giang	Tel: (076) 3 626 376
MỸ HÒA	Khóm Tây Huê 1, P. Mỹ Hòa, Tp. Long Xuyên, An Giang	Tel: (076) 3 949 952
HỒNG NGỰ	QL 30, P. An Lộc, TX Hồng Ngự, Đồng Tháp	Tel: (067) 3 836 771
TAM NÔNG	TT Tràm Chim, H. Tam Nông, Đồng Tháp	Tel: (067) 3 829 658
CAO LÃNH	QL 30, P. Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, Đồng Tháp	Tel: (067) 3 857 316
SA ĐÉC	QL 80, Ấp An Hòa Nhất, Xã Tân Bình, H. Châu Thành, Đồng Tháp	Tel: (067) 3 868 156
BÌNH MINH	622A, Ấp Thuận Tiến B, Xã Thuận An, H. Bình Minh, Vĩnh Long	Tel: (070) 3 750 711
VŨNG LIÊM	Ấp Trung Xuân, Xã Trung Thành, H. Vũng Liêm, Vĩnh Long	Tel: (070) 3 976 283
TRÀ VINH	QL 60, Khóm 6, P. 8, Tp. Trà Vinh, Trà Vinh	Tel: (074) 3 842 546
VĨNH LONG	333 Ấp Tân Vĩnh Thuận, Xã Tân Ngãi, Tp. Vĩnh Long, Vĩnh Long	Tel: (070) 3 816 434
CÁI BÈ	QL1, Ấp An Thái, Xã An Cư, H. Cái Bè, Tiền Giang	Tel: (073) 3 923 409
CHÂU THÀNH - BẾN TRE	Ấp 5, Xã An Khánh, H. Châu Thành, Bến Tre	Tel: (075) 3 612 698
BẾN TRE	109D Nguyễn Đình Chiểu, KP.3, P. 8, Tp. Bến Tre, Bến Tre	Tel: (075) 3 811 794
BÌNH ĐẠI	Ấp 2 (Thửa đất số 1194, tờ bản đồ số 2), Xã Bình Thái, H. Bình Đại, Bến Tre	Tel: (075) 3 750 705

KHU VỰC ĐÔNG NAM BỘ

THỦ THỪA	Ấp Bình Cang 1, Xã Bình Thạnh, H. Thủ Thừa, Long An	Tel: (072) 3 820 522
TÂN THẠNH	KP.3, TT. Tân Thạnh, H. Tân Thạnh, Long An	Tel: (072) 3 941 013
TRẢNG BÀNG	Tổ 6, Ấp An Bình, Xã An Tịnh, H. Trảng Bàng, Tây Ninh	Tel: (066) 3 896 733
GÒ DẦU	Ấp Phước Đức B (Thửa đất 247, tờ bản đồ số 7), Xã Phước Đông, H. Gò Dầu, Tây Ninh	Tel: (066) 3 533 838
BẾN LÚC	Ấp Voi Lá, Xã long Hiệp, H. Bến Lức, Long An	Tel: (072) 3 647 778 (072) 3 647 779
BÌNH CHÁNH	D1/29 QL1A, KP.4, TT. Tân Túc, H. Bình Chánh, TP.HCM	Tel: (08) 3 7594 250 (08) 3 7594 251
TÂY NINH	371 Phạm Hùng, Ấp long Chí, Xã long Thành Trung, H. Hòa Thành, Tây Ninh	Tel: (066) 3 837 123
TÂN CHÂU	Số 282, Đường 785, Ấp Tân Hòa, Xã Tân Phú, H. Tân Châu, Tây Ninh	Tel: (066) 3 759 689
PHÚ GIÁO	Đường ĐT 741, Tổ 5, Ấp Vĩnh An, Xã Vĩnh Hòa, H. Phú Giáo, Bình Dương	Tel: (0650) 3 695 113 (0650) 3 695 114
QUẬN 9	99 QL1A, KP.3, P. An Phú Đông, Q. 12, TP.HCM	Tel: (08) 3 7251 296
PHƯỚC LONG	Tổ 01, KP.9, P. Long Phước, TX. Phước Long, Bình Phước	Tel: (0651) 3 713 006 (0651) 3 713 007
BÌNH DƯƠNG	612 Đại lộ Bình Dương, P. Hiệp Thành, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương	Tel: (0650) 3 824 495 (0650) 3 872 259
BẾN CÁT	Đại lộ Bình Dương, Ấp 3B, Xã Thái Hòa, H. Bến Cát, Bình Dương	Tel: (0650) 3 577 112 (0650) 3 577 113
CHON THÀNH	Số 31, Tổ 1, Ấp 1, Xã Thành Tâm, H. Chơn Thành, Bình Phước	Tel: (0651) 3 668 494
THUẬN AN	84A Đại lộ Bình Dương, KP. Đông Ba, P. Bình Hòa, TX. Thuận An, Bình Dương	Tel: (0650) 3 765 943 (0650) 3 765 944
BÌNH LONG	QL13, Tổ 4, Ấp Phú Long, Xã Thanh Phú, TX. Bình Long, Bình Phước	Tel: (0651) 3 650 555
DẦU TIẾNG	KP.7, TT. Dầu Tiếng, H. Dầu Tiếng, Bình Dương	
THỐNG NHẤT	Số 65 Quốc lộ 1A, Ấp Hưng Nghĩa, Xã Hưng Lộc, H. Thống Nhất, Đồng Nai	Tel: (061) 3 768 503
ĐỊNH QUÁN	Lô SKK 97A, KCN Định Quán, Xã La Ngà, H. Định Quán, Đồng Nai	Tel: (061) 3 633 855 (061) 3 633 858
NGÃI GIAO	QL56, Thôn Tân Phú, Xã Bàu Chinh, H. Châu Đức, Bà Rịa - Vũng Tàu	Tel: (064) 3 962 358
TÂN THÀNH	Ấp Bến Đình, Xã Mỹ Xuân, H. Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Tel: (064) 3 931 828
XUYỀN MỘC	QL55, Xã Phước Thuận, H. Xuyên Mộc, Bà Rịa - Vũng Tàu	Tel: (064) 3 782 888 (064) 3 782 999
ĐỨC LINH	Thôn 4, Xã Đức Chinh, H. Đức Linh, Bình Thuận	Tel: (062) 3 887 898
HÀM TÂN	Thôn Đá Mài, Xã Tân Xuân, H. Hàm Tân, Bình Thuận	Tel: (062) 3 872 888
PHAN THIẾT	Lô 4/1 KCN Phan Thiết, Tp. Phan Thiết, Bình Thuận	Tel: (062) 3 829 124
PHAN RÍ	Thôn Bình Liêm, Xã Phan Rí Thành, H. Bắc Bình, Bình Thuận	Tel: (062) 3 862 151
HÀM THUẬN NAM	QL1A, Xã Hàm Mỹ, H. Hàm Thuận Nam, Bình Thuận	Tel: (062) 3 899 559
TRẢNG BOM	834B, Ấp Ngũ Phúc, Xã Hố Nai 3, H. Trảng Bom, Đồng Nai	Tel: (061) 3 981 701
BÀ RỊA	KP. Hải Định, P. Kim Định, Tp. Bà Rịa, Bà Rịa - Vũng Tàu	Tel: (064) 3 717 001

KHU VỰC MIỀN TRUNG TÂY NGUYÊN

PHAN RANG	KP.6, P. Phù Hà, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Thuận	Tel: (068) 3 833 845 (068) 3 833 846
CAM RANH	Tổ Phúc Ninh, P. Cam Phúc Nam, Tp. Cam Ranh, Khánh Hoà	Tel: (058) 3 976 402
GIA NGHĨA	Đường Tống Duy Tân, Tổ 9, P. Nghĩa Thành, TX. Gia Nghĩa, Đắk Nông	Tel: (0501) 3 545 016
ĐẮK MIL	Thôn 1, Xã Đức Mạnh, H. Đắk Mil, Đắk Nông	Tel: (0501) 3 750 878 (0501) 3 870 888
CU JÚT	QL14, Xã Tâm Thắng, H. Cư Jút, Đắk Nông	Tel: (0501) 3 692 567 (0501) 3 692 568
ĐẮK LẮK	Km số 9, QL14, Xã Ea Tur, Tp. Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk	Tel: (0500) 3 954 056 (0500) 3 954 057
EAKAR	Thôn An Cư, Xã Cư Huê, H. Ea Kar, Đắk Lắk	Tel: (0500) 3 627 064 (0500) 3 627 065
KRÔNG PẮK	TT. Phước An, H. Krông Păk, Đắk Lắk	Tel: (0500) 3 519 743 (0500) 3 519 744
BUỒN HỒ	517 Hùng Vương, TX. Buôn Hồ, Đắk Lắk	Tel: (0500) 3 870 010
DIỄN KHÁNH	Thôn Phú Khánh, Xã Diên Thạnh, H. Diên Khánh, Khánh Hòa	Tel: (058) 3 750 526 (058) 3 750 527
SON HÒA	Thôn Tân Thành, Xã Suối Bạc, H. Sơn Hòa, Phú Yên	Tel: (057) 3 640 427 (057) 3 640 428
TUY HÒA	229 Nguyễn Tất Thành, P. 8, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên	Tel: (057) 3 820 586 (057) 3 820 361
TUY AN	Thôn Chí Đức, TT. Chí Thạnh, H. Tuy An, Phú Yên	Tel: (057) 3 767 477 (057) 3 767 478"
GIA LAI	Số 174 Trường Chinh, Tổ 4, P. Trà Bá, Tp. PleiKu, Gia Lai	Tel: (059) 3 747 170
CHU SÈ	Thôn 7, Xã Ia Blang, H.Chu Sè, Gia Lai	Tel: (059) 3 768 778
KON TUM	293 Phan Đình Phùng, Tp. Kon Tum, Kon Tum	Tel: (060) 3 856 372
NGỌC HỒI	Tổ dân phố 3, TT. Plei Kần, H. Ngọc Hồi, Kon Tum	Tel: (060) 3 832 772
TUY PHƯỚC	Thôn Mỹ Điền, TT. Tuy Phước, H. Tuy Phước, Bình Định	Tel: (056) 3 833 008 (056) 3 833 009
AN KHÊ	Tổ 3, P. Ngô Máy, TX. An Khê, Gia Lai	Tel: (059) 3 533 511 (059) 3 533 512
PHÙ CÁT	Thôn Hòa Đông, Xã Cát Tân, H. Phù Cát, Bình Định	Tel: (056) 3538 178
PHÙ MỸ	Thôn Diêm Tiêu, TT. Phù Mỹ, H. Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định	Tel: (056) 3755 089
BỒNG SON	Thôn Thiết Định, TT. Bồng Sơn, H. Hoài Nhơn, Bình Định	Tel: (056) 3761 841
SON TỊNH	Thôn Trường Thọ Đông, TT. Sơn Tịnh, H. Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	Tel: (055) 3 670 097 (055) 3 670 098
TAM KỶ	16 Phan Bội Châu, P. Hòa Thuận, Tp. Tam Kỳ, Quảng Nam	Tel: (0510) 3 810 842 (0510) 3 810 843
ĐÀ NẴNG	281A Trường Chinh, P. An Khê, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng	Tel: (0511) 3 721 101 (0511) 3 721 102

KHU VỰC BẮC TRUNG BỘ

HUẾ	QL1A, Xã Hương Văn, H. Hương Trà, Thừa Thiên - Huế	Tel: (054) 3 777 156 (054) 3 777 157
QUẢNG TRỊ	Thôn An Bình, Xã Cam Thanh, H. Cam Lộ, Quảng Trị	Tel: (053) 3 565 222
QUẢNG BÌNH	Đường F325, TK 12, P. Bắc Lý, Tp. Đồng Hới, Quảng Bình	Tel: (052) 3 859 356 (052) 3 859 357
HÀ TĨNH	Xóm Tân Phú, Xã Thạch Trung, Tp. Hà Tĩnh, Hà Tĩnh	Tel: (039) 3 690 617 (039) 3 690 618

NGHỆ AN	Xóm 14, Xã Nghi Kim, Tp. Vinh, Nghệ An	Tel: (038) 3 516 469
THANH HOÁ	QL1A, Thôn Quyết Thắng, Xã Quảng Thịnh, H. Quảng Xương, Thanh Hoá	Tel: (037) 8 755 667 (037) 8 755 668
BỈM SON	Khu 6, P. Bắc Sơn, TX. Bim Sơn, Thanh Hóa	Tel: (037) 3 763 996 (037) 3 763 997
DIỄN CHÂU	KCN Nhò, Xã Diễn Hồng, H. Diễn Châu, Nghệ An	Tel: (038) 3 620 685 (038) 3 620 686

KHU VỰC BẮC BỘ

HÀ NỘI	Lô A6-2, KCN Hà Nội - Đài Tu, 386 Nguyễn Văn Linh, P. Phúc Lợi, Q. Long Biên, Tp. Hà Nội	Tel: (04) 3 6559 905 (04) 3 6559 906
SON LA	KCN Chiềng Sinh, P. Chiềng Sinh, Tp. Sơn La, Sơn La	Tel: (022) 3 774 280
HÒA BÌNH	Xóm Trung, Xã Trung Minh, Tp. Hòa Bình, Hòa Bình	Tel: (0218) 3 843 737
YÊN BÁI	Thôn 2, Xã Hợp Minh, Tp. Yên Bái, Yên Bái	Tel: (029) 3 710 456 (029) 3 710 468
PHÚ THỌ	Khu 12, Xã Kim Đức, Tp. Việt Trì, Phú Thọ	Tel: (0210) 3 736 386
THÁI NGUYÊN	Xóm 3, Xã Lương Sơn, Tp. Thái Nguyên, Thái Nguyên	Tel: (0280) 3 645 657 (0280) 3 645 658
VĨNH PHÚC	Thôn Hoàng Lộc, Xã Đạo Đức, H. Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	Tel: (0211) 3 593 234 (0211) 3 593 567
HÀ GIANG	Thôn Tân An, Xã Hùng An, H. Bắc Quang, Hà Giang	Tel: (0219) 3 892 956 (0219) 3 892 957
BẮC KẠN	Tổ 5, P. Phùng Chí Kiên, TX. Bắc Kạn, Bắc Kạn	Tel: (0281) 3 812 556 (0281) 3 812 558
CHƯƠNG MỸ	Thôn Yên Kiên, Xã Đông Sơn, H. Chương Mỹ, Tp. Hà Nội	Tel: (04) 3 3911 353
PHÚC THỌ	Cụm 8, TT. Phúc Thọ, H. Phúc Thọ, Tp. Hà Nội	Tel: (04) 3 3643 360-1
THƯỜNG TÍN	Cụm CN Hà Bình Phương, Xã Hà Hồi, H. Thường Tín, Tp. Hà Nội	Tel: (04) 3 3760 318
NINH BÌNH	QL1A, TT. Thiên Tôn, H.Hoa Lu, Ninh Bình	Tel: (030) 3 626 668 (030) 3 626 669
QUẢNG NINH	Thôn Trại Thành 1, P. Đông Mai, TX. Quảng Yên, Quảng Ninh	Tel: (033) 3 553 768 (033) 3 553 769
HÀ NAM	Thôn Lão Cầu, Xã Tiên Tân, H. Duy Tiên, Hà Nam	Tel: (0351) 3 595 616 (0351) 3 595 618
THÁI BÌNH	Thôn Gia Lễ, Xã Đông Mỹ, Tp. Thái Bình, Thái Bình	Tel: (036) 3 568 866 (036) 3 568 867
HUNG YÊN	KCN Phố Nối, Xã Dị Sử, H. Mỹ Hào, Hưng Yên	Tel: (0321) 3 744 206 (0321) 3 744 207
NAM ĐỊNH	Lô 21, Đường N1, Cụm CN An Xá, Xã Mỹ Xá, Tp. Nam Định, Nam Định	Tel: (0350) 3 672 317
HẢI PHÒNG	Xã Kiên Bái, H. Thủy Nguyên, Tp. Hải Phòng	Tel: (031) 3 645 566 (031) 3 645 567
BẮC GIANG	QL 1A, Cụm CN Tân Mỹ, Xã Tân Mỹ, Tp. Bắc Giang, Bắc Giang	Tel: (0240) 3 99 2567

TỔNG KHO

TỔNG KHO LỘ TẾ	Số 454, Tổ 16, KV Thái Hoà, P. Thái Thuận, Q. Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ	Tel: (076) 3 930 180
TỔNG KHO TRUNG LƯƠNG	Ấp Long Mỹ, Xã Phước Thạnh, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang	Tel: (073) 3 955 899
TỔNG KHO LONG BIÊN	Lô A6-2, KCN Hà Nội - Đài Tu, 386 Nguyễn Văn Linh, P. Phúc Lợi, Q. Long Biên, Tp. Hà Nội	Tel: (04) 3 655 6180



...tích lũy
niềm tin

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hoàn thiện hệ thống sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm	87
Phát triển nguồn nhân lực	88
Đảm bảo tối đa lợi ích cổ đông, nhà đầu tư	90
Phát triển cộng đồng	92

“ Phát triển bền vững phải là mục tiêu hàng đầu mà các doanh nghiệp ưu tiên hướng đến. Định hướng phát triển bền vững không chỉ giúp các doanh nghiệp vạch ra được lộ trình phát triển rõ ràng, cụ thể, qua đó đề ra các chủ trương, chính sách hoạt động phù hợp trong từng giai đoạn, mà còn tạo nền tảng cho sự phát triển dài hạn của doanh nghiệp.

Ý thức được tầm quan trọng đó, ngay từ những ngày đầu thành lập, Tập đoàn Hoa Sen đã luôn định hướng phát triển bền vững trong hoạt động của doanh nghiệp và cụ thể hóa thành cam kết của Hoa Sen với cộng đồng, nhân viên và khách hàng thông qua triết lý kinh doanh và giá trị cốt lõi của Tập đoàn.

Mục tiêu phát triển bền vững của Tập đoàn Hoa Sen được thể hiện rõ nét qua 04 nhiệm vụ cơ bản: ”



HOÀN THIỆN HỆ THỐNG SẢN XUẤT VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

HỆ THỐNG MÁY MÓC THIẾT BỊ HIỆN ĐẠI

“Nhằm mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng nhất, dựa vào chất lượng để cạnh tranh và khẳng định chỗ đứng trên thị trường, Tập đoàn Hoa Sen luôn quan tâm đầu tư hệ thống dây chuyền thiết bị hiện đại và ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất.”

- Năm 2007, Tập đoàn Hoa Sen là doanh nghiệp tư nhân đầu tiên đầu tư dây chuyền sản xuất tôn kẽm/tôn lạnh với công nghệ lò nung không oxy (NOF) tại Việt Nam.
- Năm 2009, Tập đoàn Hoa Sen là doanh nghiệp đầu tiên tại Đông Nam Á đầu tư dây chuyền sản xuất tôn kẽm dày/tôn lạnh dày với công nghệ lò nung không oxy (NOF).
- Năm 2010, Tập đoàn Hoa Sen là doanh nghiệp đầu tiên đầu tư đồng bộ hệ thống trộn trung tâm, hệ thống dây chuyền sản xuất ống nhựa của hãng Battenfeld - Cincinnati theo công nghệ Châu Âu và phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn Nhật Bản nhằm mang đến người tiêu dùng sản phẩm chất lượng cao với giá cả cạnh tranh.
- Năm 2011, Tập đoàn Hoa Sen hoàn thành giai đoạn 1 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ. Đây là nhà máy sản xuất tôn với hệ thống dây chuyền, thiết bị đồng bộ, hiện đại, có quy mô lớn nhất Đông Nam Á tính đến thời điểm hiện tại.

QUY TRÌNH SẢN XUẤT TIÊN TIẾN, THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN CHO SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG

Bên cạnh việc đảm bảo về mặt chất lượng, ưu điểm của quy trình sản xuất tại Hoa Sen chính là tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường và đảm bảo an toàn cho người lao động. Trong những năm qua, Tập đoàn đã áp dụng và duy trì bộ tiêu chuẩn ISO 9001:2008 về hệ thống quản lý chất lượng; thực hành bộ tiêu chuẩn ISO 14000 về

hệ thống quản lý môi trường và bộ tiêu chuẩn OHSAS 18000 về Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp. Song song đó, Tập đoàn cũng định kỳ tiến hành việc rà soát lại quy trình sản xuất và định mức sản xuất, nghiên cứu cải tiến kỹ thuật nhằm tiết giảm chi phí sản xuất, giảm thiểu tiêu hao nguyên - nhiên liệu. Đồng thời Bộ phận Kiểm

soát nội bộ phối hợp với Ban Thanh tra - Pháp chế của Tập đoàn cũng thường xuyên tiến hành thanh tra, kiểm tra công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường tại các nhà máy, chi nhánh. Nhờ đó, quá trình sản xuất của Tập đoàn Hoa Sen luôn diễn ra an toàn, liên tục, đảm bảo an toàn cho người lao động cũng như thân thiện với môi trường.



PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

“ Ý thức được yếu tố con người chính là trung tâm, là cốt lõi của sự phát triển, bên cạnh việc đầu tư hệ thống máy móc công nghệ hiện đại, Tập đoàn Hoa Sen cũng rất quan tâm đến công tác phát triển nguồn nhân lực qua việc áp dụng các chính sách đãi ngộ xứng đáng, tạo động lực phấn đấu cho nhân viên cũng như xây dựng một môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết, cùng phát triển. ”

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG VÀ LƯƠNG THƯỜNG, PHÚC LỢI

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Nhằm hướng tới việc xây dựng đội ngũ nhân viên “giỏi hơn, chuyên nghiệp hơn, thu nhập cao hơn”, trong NĐTC 2012 - 2013, Tập đoàn Hoa Sen đã thực hiện một số chính sách phát triển nguồn nhân lực như sau:

- Nâng cao các tiêu chuẩn, chuẩn mực trong tuyển dụng cũng như đánh giá, sàng lọc lại đội ngũ nhân sự hiện có;
- Tăng cường công tác đào tạo CBCNV thông qua việc tăng ngân sách đào tạo, tuyển dụng Giám đốc đào tạo để lập kế hoạch ngân sách và xây dựng chương trình đào tạo cụ thể, phù hợp.
- Đối với nhân sự tại chi nhánh, khu vực: xây dựng lại chính sách thu nhập theo hướng gắn thu nhập với hiệu quả kinh doanh nhằm tạo sự gắn bó, nâng cao trách nhiệm và khuyến khích sự nỗ lực của người lao động đối với công việc.
- Rà soát, đánh giá đội ngũ nhân sự

tại chi nhánh, khu vực thông qua công tác kiểm tra, thanh tra định kỳ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chi nhánh.

Bên cạnh đó Tập đoàn tiếp tục duy trì hợp tác với các trường thành viên của Đại học Quốc gia Tp.HCM, các trường đại học, cao đẳng tại khu vực Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu qua các hình thức tài trợ học bổng, tham dự ngày hội việc làm, v.v... nhằm tạo nguồn lao động trẻ có năng lực và phẩm chất phù hợp cho Tập đoàn.

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC THÂN THIỆN, ĐOÀN KẾT

Môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết là điều mà mỗi cán bộ công nhân viên luôn ý thức đề cao xây dựng tại Tập đoàn Hoa Sen. Thấm nhuần “Văn hóa 10 chữ T” của Tập đoàn, trong mối quan hệ đồng nghiệp cũng như mối quan hệ cấp trên - cấp dưới, cán

bộ nhân viên Tập đoàn Hoa Sen luôn giữ thái độ cởi mở, cầu thị và tôn trọng lẫn nhau. Môi trường làm việc luôn duy trì được sự thân thiện, đoàn kết.

Bên cạnh đó, các hoạt động phong trào của Tập đoàn Hoa Sen cũng

được tổ chức thường xuyên và diễn ra hết sức sôi nổi (như cuộc thi Tiếng hát Sen Vàng, ngày hội Hoa Sen Khỏe, v.v...). Qua đó, các thành viên Tập đoàn Hoa Sen có cơ hội giao lưu học hỏi lẫn nhau, tình đồng nghiệp được thắt chặt.



3K TIẾN THỨC
Ỹ NĂNG
INH NGHIỆM



ĐẢM BẢO TỐI ĐA LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ

“Cổ đông, nhà đầu tư là những người chủ, người đồng hành cùng doanh nghiệp trong quá trình phát triển, do đó Tập đoàn Hoa Sen luôn nỗ lực để đáp ứng tối đa lợi ích cho các cổ đông, nhà đầu tư của mình. Trong niên độ tài chính 2012 - 2013, một số công tác liên quan đến quan hệ cổ đông và nhà đầu tư đã được Tập đoàn Hoa Sen thực hiện bao gồm: ”

CHI TRẢ CỔ TỨC

Tính đến ngày 12/9/2013 Tập đoàn Hoa Sen đã thực hiện 03 đợt chi trả cổ tức với tổng mức chi trả bằng 25% mệnh giá cổ phiếu, phù hợp với mức chi trả cổ tức tối đa của NĐTC 2011 - 2012 theo Nghị quyết của Đại hội

đồng cổ đông tại Hội nghị thường niên ngày 06/3/2013.

Bên cạnh đó, Tiểu ban Quan hệ cổ đông trực thuộc Hội đồng Quản trị cũng tích cực hướng dẫn, giúp cổ

đồng giải quyết các yêu cầu liên quan: điều chỉnh thông tin cổ đông, hướng dẫn thủ tục lưu ký, tạo điều kiện cho cổ đông chưa lưu ký nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản một cách nhanh chóng, thủ tục đơn giản.

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nhằm đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho cổ đông và nhà đầu tư, đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động, Tập đoàn Hoa Sen luôn chú ý thực hiện đầy đủ các thủ tục công bố thông tin định kỳ và bất thường đúng theo quy định tại Thông tư 52/2012/

TT-BTC của Bộ Tài chính (hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán).

Ngoài việc công bố các thông tin theo quy định, Tập đoàn Hoa Sen cũng chủ động thực hiện công bố

thông tin đối với những thông tin quan trọng, có khả năng ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến quyền lợi cũng như các quyết định của nhà đầu tư, giúp cho cổ đông, nhà đầu tư kịp thời cập nhật, theo sát diễn biến hoạt động của doanh nghiệp.

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Ngoài ra, Tập đoàn Hoa Sen cũng tổ chức các hoạt động khác nhằm giúp nhà đầu tư có cái nhìn toàn diện hơn về tình hình hoạt động cũng như chiến lược phát triển trong các giai đoạn tiếp theo của doanh nghiệp, như:

- Tổ chức thành công cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông: bố trí thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị thuận lợi để các cổ đông có thể tham dự; công bố đầy đủ tài liệu họp theo quy định trên website để các cổ đông tham khảo, làm cơ sở thảo luận và biểu quyết tại hội nghị; trả lời đầy đủ, chu đáo tất cả các câu hỏi do cổ đông đặt ra tại hội nghị.
- Thực hiện Bàn tin Hoa Sen Group định kỳ mỗi quý nhằm cung cấp thông tin cho cổ đông và nhà đầu tư, đảm bảo nhà đầu tư có đầy đủ thông tin qua đó đưa ra quyết định đầu tư phù hợp.
- Tổ chức các buổi gặp nhà đầu tư nhằm xây dựng, củng cố mối quan hệ hợp tác với các nhà đầu tư.
- Tham gia gặp gỡ, trao đổi với các nhà đầu tư trong và ngoài nước, trình bày, giải đáp các vấn đề mà nhà đầu tư quan tâm, tạo sự tin tưởng nơi nhà đầu tư.





PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

“Phát triển cộng đồng vừa là trách nhiệm, vừa là mục tiêu phấn đấu của doanh nghiệp. Với mong muốn xây dựng hình ảnh một thương hiệu Hoa Sen thân thiện và hướng đến cộng đồng, trong những năm qua Tập đoàn Hoa Sen đã rất quan tâm thực hiện các hoạt động tài trợ, từ thiện nhằm phát triển cộng đồng, thực thi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.”

Tháng 5/2013, Tập đoàn Hoa Sen là đơn vị tài trợ và đồng tổ chức của sự kiện Nick Vujicic đến Việt Nam, gồm chuỗi 8 chương trình diễn thuyết tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh cho các đối tượng: doanh nhân, sinh viên, học sinh, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và người khuyết tật. Diễn giả Nick Vujicic đã tiếp thêm nghị lực sống cho những phận người kém may mắn, những người rơi vào hoàn cảnh khó khăn, đồng thời khơi dậy, truyền cảm hứng cho cộng đồng

người Việt Nam hướng đến lý tưởng sống cao đẹp, đúng như thông điệp Nick mang đến Việt Nam: “Sống cho điều ý nghĩa hơn”.

Bên cạnh đó, trong niên độ tài chính 2012 - 2013 Tập đoàn Hoa Sen cũng tham gia tài trợ và tổ chức một số chương trình, sự kiện giàu tính cộng đồng, tính nhân văn như: tổ chức chương trình Mái ấm gia đình Việt - Xuân Quý Tỵ 2013 năm thứ tư liên tiếp, Tài trợ cho Giải

Bóng đá Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt năm 2013, Chương trình Mái ấm gia đình Việt - Đêm hội Trung thu 2013.

Ngoài ra, Tập đoàn Hoa Sen cũng tham gia tài trợ một số chương trình truyền hình như chương trình Vượt lên chính mình, Vui sống mỗi ngày, Thành phố hôm nay cùng một số chương trình truyền hình khác của Đài truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh và Đài truyền hình Việt Nam.

Với những đóng góp và hoạt động tích cực cho cộng đồng, Tập đoàn Hoa Sen đã vinh dự nhận nhiều giải thưởng: Huân chương Lao động hạng Ba, Bằng khen Doanh nghiệp tiêu biểu tỉnh Bình Dương năm 2013, Top 10 Doanh nghiệp Sao Vàng đất Việt 2013, Top 10 Doanh nghiệp tiêu biểu về trách nhiệm xã hội 2013 cùng nhiều giải thưởng khác. Đây là niềm tự hào của Tập đoàn Hoa Sen và là minh chứng khẳng định cam kết của một thương hiệu luôn hướng tới mục tiêu tạo ra những giá trị cao nhất cho người tiêu dùng và xã hội.



NICK VUJICIC ĐẾN VIỆT NAM

“Tháng 5/2013, Tập đoàn Hoa Sen đã tổ chức và tài trợ cho sự kiện “Nick Vujicic đến Việt Nam”. Sự kiện này đã truyền cảm hứng và nghị lực sống đến hàng triệu người Việt Nam đặc biệt là những người đang trong hoàn cảnh khó khăn, giúp họ vượt lên chính mình và đạt được ước mơ cũng như thành công trong cuộc sống.”



CHÀO VIỆT NAM
(TP.HCM)



KHÔNG BAO
GIỜ BỎ CUỘC
(TP.HCM)





ĐỪNG BAO GIỜ TỪ BỎ KHÁT VỌNG (HÀ NỘI)



KHÔNG BAO GIỜ BỎ CUỘC (HÀ NỘI)

NICK VUJICIC ĐẾN VIỆT NAM (tiếp theo)



HÃY SỐNG NHƯ NICKY (HÀ NỘI)



ĐỪNG BAO GIỜ TỪ BỎ KHÁT VỌNG (TP.HCM)





HÃY SỐNG NHƯ NICKY (TP.HCM)



NỤ CƯỜI Ở LẠI (TP.HCM)





**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2013**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo Kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	9



THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh** Số 3700381324 ngày 21 tháng 6 năm 2012
Đăng ký lần đầu ngày 8 tháng 8 năm 2001

Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3700381324 ngày 21 tháng 6 năm 2012. Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Chu	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên
Ông Lý Duy Hoàng	Thành viên
Ông Jean-Eric Jacquemin	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 6 tháng 3 năm 2013)
Ông Lê Phụng Hào	Thành viên (Thôi nhiệm ngày 6 tháng 3 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Ngọc Chu	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Khoa	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 1 năm 2013)
Ông Hồ Thanh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 1 năm 2013)
Ông Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2013)

**Người đại diện
theo pháp luật** Ông Lê Phước Vũ Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trụ sở chính Số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II,
Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Kiểm toán viên Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) ủy quyền cho Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính riêng. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 45. Các báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 để có thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và những thay đổi về tình hình tài chính của cả Tập đoàn.



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 3 tháng 12 năm 2013



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) được Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 3 tháng 12 năm 2013. Các báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 45.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính riêng

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính riêng để các báo cáo tài chính riêng không có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính riêng có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro sai phạm trọng yếu của các báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc sai sót. Khi đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính riêng để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.



Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.



Quách Thành Châu

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0875-2013-006-1
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Hoàng Nam

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2013-006-1

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM3844
Ngày 3 tháng 12 năm 2013

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính riêng, các báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 9	
			2013 VNĐ	2012 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.288.691.574.352	2.687.785.701.677
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	163.502.687.316	62.322.761.267
111	Tiền		163.502.687.316	62.322.761.267
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	3.975.059.008
121	Đầu tư ngắn hạn		-	3.975.059.008
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.763.640.430.336	1.060.986.322.198
131	Phải thu khách hàng	4	1.461.495.129.149	851.514.345.464
132	Trả trước cho người bán	5	173.493.643.718	132.204.331.550
135	Các khoản phải thu khác	6	130.299.478.043	84.214.681.047
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.647.820.574)	6.947.035.863
140	Hàng tồn kho	7	2.125.679.208.524	1.346.471.979.331
141	Hàng tồn kho		2.126.570.098.340	1.348.257.580.603
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(890.889.816)	(1.785.601.272)
150	Tài sản ngắn hạn khác		235.869.248.176	214.029.579.873
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8	59.400.280.788	24.941.573.704
152	Thuế GTGT được khấu trừ		156.371.440.445	181.182.026.226
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	836.185.561
158	Tài sản ngắn hạn khác	9	20.097.526.943	7.069.794.382
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		2.825.726.447.003	2.618.397.191.638
220	Tài sản cố định		2.270.885.344.911	2.049.080.566.012
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	1.799.842.639.303	1.734.733.389.181
222	Nguyên giá		2.539.216.612.080	2.268.486.591.891
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(739.373.972.777)	(533.753.202.710)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	10(b)	70.296.414.036	78.249.367.215
225	Nguyên giá		84.032.961.457	84.032.961.457
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(13.736.547.421)	(5.783.594.242)
227	Tài sản cố định vô hình	10(c)	205.946.044.163	210.778.072.533
228	Nguyên giá		218.814.965.473	220.918.698.551
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.868.921.310)	(10.140.626.018)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10(d)	194.800.247.409	25.319.737.083
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	505.732.331.634	505.732.331.634
251	Đầu tư vào công ty con		446.276.000.000	446.276.000.000
252	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		44.456.331.634	44.456.331.634
258	Đầu tư dài hạn khác		15.000.000.000	15.000.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		49.108.770.458	63.584.293.992
261	Chi phí trả trước dài hạn	12	38.647.763.126	56.290.140.917
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	13	8.448.457.431	5.281.603.174
268	Tài sản dài hạn khác		2.012.549.901	2.012.549.901
270	TỔNG TÀI SẢN		7.114.418.021.355	5.306.182.893.315

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 9	
			2013 VNĐ	2012 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		4.846.313.039.006	3.255.130.650.996
310	Nợ ngắn hạn		4.275.999.268.615	2.649.950.276.006
311	Vay và nợ ngắn hạn	14(a)	2.813.966.562.869	2.031.073.752.460
312	Phải trả người bán	15	1.291.606.258.507	470.105.482.411
313	Người mua trả tiền trước		68.781.306.096	9.153.814.784
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	37.829.589.409	71.348.792.426
315	Phải trả người lao động		29.728.804.427	20.893.335.354
316	Chi phí phải trả	17	19.435.294.206	23.697.643.116
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	10.187.671.586	18.452.204.256
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	4.463.781.515	5.225.251.199
330	Nợ dài hạn		570.313.770.391	605.180.374.990
334	Vay và nợ dài hạn	14(b)	566.147.231.641	601.196.647.490
336	Dự phòng trợ cấp thôi việc		4.166.538.750	3.983.727.500
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.268.104.982.349	2.051.052.242.319
410	Vốn chủ sở hữu		2.268.104.982.349	2.051.052.242.319
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20,21	1.007.907.900.000	1.007.907.900.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	21	451.543.290.363	451.543.290.363
414	Cổ phiếu quỹ	21	(81.035.546.498)	(56.716.723.982)
418	Quỹ dự phòng tài chính	21	8.525.313.060	8.525.313.060
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	21	2.007.734.351	2.148.326.909
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21	879.156.291.073	637.644.135.969
440	TỔNG NGUỒN VỐN		7.114.418.021.355	5.306.182.893.315

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm số ngoại tệ như sau:

	Tại ngày 30 tháng 9	
	2013	2012
Đô la Mỹ	3.912.296,44	134.081,53
Đồng Euro	223,83	221,58
Đô la Úc	84,78	84,78



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc
Ngày 3 tháng 12 năm 2013

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9	
		2013 VNĐ	2012 VNĐ
01	Doanh thu bán hàng	21.088.540.751.496	12.619.830.306.445
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(9.701.879.066)	(14.325.992.176)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	22(a) 21.078.838.872.430	12.605.504.314.269
11	Giá vốn hàng bán	23 (19.623.508.945.055)	(11.375.653.501.501)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	1.455.329.927.375	1.229.850.812.768
21	Doanh thu hoạt động tài chính	22(b) 153.911.101.809	113.585.114.098
22	Chi phí tài chính	24 (244.294.199.811)	(404.065.310.249)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>(165.766.703.044)</i>	<i>(335.861.045.260)</i>
24	Chi phí bán hàng	25 (428.747.629.257)	(337.646.105.793)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 (288.914.910.770)	(218.616.359.161)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	647.284.289.346	383.108.151.663
31	Thu nhập khác	27 199.428.929.409	36.234.559.574
32	Chi phí khác	28 (163.225.799.527)	(30.083.781.517)
40	Thu nhập khác (số thuần)	36.203.129.882	6.150.778.057
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	683.487.419.228	389.258.929.720
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	29 (80.670.557.845)	(27.562.434.241)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	13, 29 3.166.854.257	410.373.877
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	605.983.715.640	362.106.869.356
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30 6.198	3.700



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc
Ngày 3 tháng 12 năm 2013

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9	
		2013 VNĐ	2012 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	683.487.419.228	389.258.929.720
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	229.160.859.384	212.417.240.760
03	Các khoản dự phòng	577.132.027	5.099.242.878
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	5.958.802.171	(4.232.103.846)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(120.166.548.001)	(68.516.940.194)
06	Chi phí lãi vay	196.311.669.273	335.861.045.260
07	Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	1.630.233.766	42.857.574
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	996.959.567.848	869.930.272.152
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	(570.978.932.465)	139.461.328.873
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(778.312.517.737)	417.017.642.569
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	833.343.926.072	(617.120.711.077)
12	Tăng các chi phí trả trước	(10.364.531.068)	(3.602.928.727)
13	Lãi vay đã trả	(197.977.307.958)	(341.746.932.318)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(72.472.586.000)	(21.453.868.690)
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(26.422.339.778)	(9.336.896.699)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	173.775.278.914	433.147.906.083
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(483.034.671.208)	(57.038.858.220)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	23.661.877.723	3.248.224.565
27	Thu lãi tiền gửi	5.725.644.808	3.675.541.465
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(453.647.148.677)	(50.115.092.190)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Chi mua cổ phiếu quỹ	(24.318.822.516)	(28.128.541.137)
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	9.174.310.259.028	6.583.550.959.039
34	Chi trả nợ gốc vay	(8.414.550.209.722)	(6.877.969.336.715)
35	Chi trả thuê tài chính	(11.669.446.320)	(26.350.002.329)
36	Chi trả cổ tức	(337.811.193.325)	(96.593.160.025)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	385.960.587.145	(445.490.081.167)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	106.088.717.382	(62.457.267.274)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 62.322.761.267	126.343.395.167
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi	(4.908.791.333)	(1.563.366.626)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 163.502.687.316	62.322.761.267



Nguyễn Thị Ngọc Lan
 Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
 Tổng Giám đốc
 Ngày 3 tháng 12 năm 2013

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen - tên tiếng nước ngoài là Hoa Sen Group - (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 8 tháng 8 năm 2001 và điều chỉnh gần nhất ngày 21 tháng 6 năm 2012.

Ngày 5 tháng 12 năm 2008, cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Hoạt động chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm
- Sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại
- Sản xuất tấm trần PVC
- Sản xuất các loại vật liệu xây dựng
- Mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng
- Dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng
- Sản xuất thép cán nguội dạng cuộn

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, Công ty có 2.765 nhân viên (ngày 30 tháng 9 năm 2012: 2.432 nhân viên).

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính riêng

Các báo cáo tài chính riêng đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng được soạn lập dựa theo qui ước giá gốc.

Các báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 để có thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và những thay đổi về tình hình tài chính của cả Tập đoàn.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9 năm sau.

2.3 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.4 Sử dụng các ước tính kế toán

Việc soạn lập báo cáo tài chính riêng đòi hỏi Tổng Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính riêng cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho niên độ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đồng Việt Nam để hạch toán kế toán và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.9 Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn là những khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn ít hơn 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán và những khoản đầu tư được Công ty nắm giữ với ý định sẽ bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư ngắn hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập đối với các chứng khoán vốn khi giá gốc cao hơn giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán này.

(b) Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá.

(c) Đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết

Đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá.

(c) Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỷ lệ nắm giữ dưới 20% tại các đơn vị đã niêm yết hoặc chưa niêm yết mà không dự tính bán trong vòng 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được lập khi có sự giảm sút giá trị của các khoản đầu tư này.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời gian của dự án nếu ngắn hơn. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa	5 - 30 năm
Máy móc thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	6 - 8 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 - 20 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian Công ty được phép sử dụng đất theo quy định. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không tính khấu hao.

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.11 Thuê tài sản

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỉ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn. Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.13 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn một cách trọng yếu về khả năng thu về các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng hàng bị trả lại.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(c) Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận trong kỳ kế toán khi bên nhận đầu tư công bố chia cổ tức.

(d) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

2.14 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm tài chính mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.15 Vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn chủ sở hữu bao gồm các cổ phần được phát hành. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành thêm cổ phần hoặc quyền chọn được trừ vào số tiền thu được do bán cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu của Công ty đã phát hành và được Công ty mua lại. Khoản tiền đã trả để mua cổ phiếu, bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp sau khi tính thuế, được ghi nhận và trình bày là một khoản trừ vào vốn chủ sở hữu. Số tiền thu do tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tái phát hành hay bán cổ phiếu quỹ được tính vào phần vốn chủ sở hữu.

2.16 Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo sự phê chuẩn của Đại hội đồng Cổ đông.

2.17 Chia cổ tức

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức giữa kỳ được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng Quản trị. Số cổ tức cuối kỳ được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông trong Đại hội thường niên.

Cổ tức của cổ đông của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của năm tài chính mà cổ tức được Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn.

2.18 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ cũng được chú ý chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.19 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; chắc chắn có sự giảm sút về lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.20 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Công ty phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng trước ngày của bảng cân đối kế toán này.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Tiền mặt	14.274.631.095	23.231.700.912
Tiền gửi ngân hàng	94.548.110.623	38.382.025.210
Tiền đang chuyển	54.679.945.598	709.035.145
	163.502.687.316	62.322.761.267

4 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Bên thứ ba	507.280.860.674	561.878.374.848
Bên liên quan (Thuyết minh 33 (b))	954.214.268.475	289.635.970.616
	1.461.495.129.149	851.514.345.464

5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Bên thứ ba	83.310.416.718	42.020.148.804
Bên liên quan (Thuyết minh 33 (b))	90.183.227.000	90.184.182.746
	<u>173.493.643.718</u>	<u>132.204.331.550</u>

6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Bên thứ ba	13.316.001.803	19.028.419.661
Bên liên quan (Thuyết minh 33 (b))	116.983.476.240	65.186.261.386
	<u>130.299.478.043</u>	<u>84.214.681.047</u>

7 HÀNG TỒN KHO

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Hàng mua đang đi đường	978.344.797.756	340.678.259.856
Nguyên vật liệu	83.782.659.001	147.022.796.976
Công cụ, dụng cụ	141.008.837.842	128.830.080.317
Thành phẩm	797.033.275.564	654.483.300.362
Hàng hóa (*)	126.400.528.177	77.243.143.092
	<u>2.126.570.098.340</u>	<u>1.348.257.580.603</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(890.889.816)	(1.785.601.272)
	<u>2.125.679.208.524</u>	<u>1.346.471.979.331</u>

(*) Bao gồm 15 căn hộ với giá trị 17.268.969.715 đồng có được từ việc cần trừ khoản phải thu khác khi thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư Dự án Chung cư cao tầng Phố Đông - Hoa Sen.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 hàng tồn kho có giá trị là 820.719.777.712 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2012: 1.070.169.056.955 đồng) được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Số dư đầu năm	24.941.573.704	25.348.615.065
Tăng trong năm	142.581.716.702	88.699.354.244
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình (*)	1.525.072.582	-
Tăng khác	-	36.138.876
Phân bổ trong năm	(103.147.562.579)	(89.142.534.481)
Thanh lý	(6.500.519.621)	-
Số dư cuối năm	59.400.280.788	24.941.573.704

(*) Đây là khoản điều chỉnh để phân loại lại giá trị còn lại của TSCĐ có nguyên giá dưới 30 triệu đồng vào chi phí trả trước ngắn hạn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm chi phí quảng cáo, tiền thuê mặt bằng và công cụ dụng cụ.

9 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Ký quỹ ngắn hạn (*)	15.962.822.128	2.486.311.258
Tạm ứng cho nhân viên	4.134.704.815	4.583.483.124
	20.097.526.943	7.069.794.382

(*) Ký quỹ ngắn hạn chủ yếu thể hiện khoản tiền ký quỹ để mở thư tín dụng nhập khẩu hàng hóa tại các ngân hàng thương mại.

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tài sản cố định hữu hình khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2012	507.797.152.593	1.695.395.571.625	48.669.506.417	3.134.728.690	13.489.632.566	2.268.486.591.891
Mua trong năm	-	22.951.742.177	7.509.881.722	208.490.908	5.287.754.569	35.957.869.376
Chuyển từ xây dựng cơ bản đỡ dang	27.716.127.603	224.437.791.004	22.148.365.633	-	-	274.302.284.240
Chuyển sang chi phí trả trước (*)	(32.075.840)	(2.798.915.861)	(3.259.106.862)	(547.568.655)	-	(6.637.667.218)
Thanh lý, nhượng bán	(2.115.610.383)	(28.493.571.641)	(1.888.339.300)	-	(42.857.142)	(32.540.378.466)
Giảm khác	(33.495.248)	(303.342.950)	(15.249.545)	-	-	(352.087.743)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	533.332.098.725	1.911.189.274.354	73.165.058.065	2.795.650.943	18.734.529.993	2.539.216.612.080
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2012	81.689.087.257	422.967.159.859	24.036.816.869	2.105.916.994	2.954.221.731	533.753.202.710
Khấu hao trong năm	30.985.660.052	178.303.839.228	6.368.656.934	379.534.361	2.394.934.388	218.432.624.963
Chuyển sang chi phí trả trước (*)	(13.632.300)	(1.112.658.047)	(1.262.329.036)	(342.560.166)	-	(2.731.179.549)
Thanh lý, nhượng bán	(165.322.554)	(9.646.785.759)	(192.368.220)	-	(42.857.142)	(10.047.333.675)
Giảm khác	(24.656.218)	-	(8.685.454)	-	-	(33.341.672)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	112.471.136.237	590.511.555.281	28.942.091.093	2.142.891.189	5.306.298.977	739.373.972.777
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2012	426.108.065.336	1.272.428.411.766	24.632.689.548	1.028.811.696	10.535.410.835	1.734.733.389.181
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	420.860.962.488	1.320.677.719.073	44.222.966.972	652.759.754	13.428.231.016	1.799.842.639.303

(*) Đây là khoản phân loại lại các tài sản cố định có nguyên giá dưới 30 triệu đồng vào chi phí trả trước theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(a) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 60.396.167.716 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2012: 45.143.822.732 đồng) đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen thuê lại theo một hợp đồng thuê hoạt động là 683.123.759.502 đồng và được Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen thuê lại theo một hợp đồng thuê hoạt động là 15.805.195.264 đồng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 1.183.999.995.907 đồng được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (ngày 30 tháng 9 năm 2012: 1.133.687.229.165 đồng).

(b) Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VNĐ
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2012 và tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	84.032.961.457
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2012	5.783.594.242
Khấu hao trong năm	7.952.953.179
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	13.736.547.421
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2012	78.249.367.215
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	70.296.414.036

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, tất cả tài sản thuê tài chính trên được Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen thuê lại theo một hợp đồng thuê hoạt động (ngày 30 tháng 9 năm 2012: Không có).

(c) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2012	219.528.224.817	1.390.473.734	220.918.698.551
Tăng trong năm	748.696.710	-	748.696.710
Thanh lý, nhượng bán	(2.846.052.648)	-	(2.846.052.648)
Giảm khác	(6.377.140)	-	(6.377.140)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	217.424.491.739	1.390.473.734	218.814.965.473
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2012	9.175.128.705	965.497.313	10.140.626.018
Khấu hao trong năm	2.553.258.718	222.022.524	2.775.281.242
Thanh lý, nhượng bán	(46.985.950)	-	(46.985.950)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	11.681.401.473	1.187.519.837	12.868.921.310
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2012	210.353.096.112	424.976.421	210.778.072.533
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	205.743.090.266	202.953.897	205.946.044.163

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 280.361.120 đồng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang được sử dụng (ngày 30 tháng 9 năm 2012: 280.361.120 đồng).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình được Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen thuê lại theo một hợp đồng thuê hoạt động là 13.618.499.882 đồng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 151.229.816.792 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2012: 134.832.214.689 đồng) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(d) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Số dư đầu năm	25.319.737.083	437.172.811.226
Tăng trong năm	446.328.105.122	44.599.050.044
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 12)	(2.545.310.556)	(4.923.653.232)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10(a))	(274.302.284.240)	(451.528.470.955)
Số dư cuối năm	194.800.247.409	25.319.737.083

Những dự án xây dựng cơ bản dở dang lớn:

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Mua sắm máy móc thiết bị tại Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	154.161.951.042	18.569.355.451
Công trình xây dựng Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	15.404.412.315	5.113.690.655

Chi phí lãi vay được vốn hóa trong tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 6.815.357.992 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012: 8.715.760.598 đồng).

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	% quyền sở hữu và quyền biểu quyết	Số tiền	
				30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Các công ty con					
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4604000225 và số 3700763651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Dương lần lượt cấp ngày 24 tháng 12 năm 2007 và ngày 27 tháng 12 năm 2012.	100	280.000.000.000	280.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh số 49221000032 và số 3500786179 do Ban Quản Lý các Khu công nghiệp Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 18 tháng 12 năm 2007 và do Sở Kế hoạch và đầu tư Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 18 tháng 3 năm 2013 .	100	150.000.000.000	150.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ vận tải, sản xuất máy cán, máy cắt tôn và các máy móc, thiết bị công nghiệp	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh số 4603000325, 4604000224 và số 3700785528 do Sở Kế hoạch và đầu tư Bình Dương lần lượt cấp ngày 26 tháng 3 năm 2007, ngày 24 tháng 12 năm 2007, và ngày 25 tháng 4 năm 2013	100	16.276.000.000	16.276.000.000
				446.276.000.000	446.276.000.000

11 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Công ty	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	% quyền sở hữu và quyền biểu quyết	Số tiền	
				30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen - Gemadept (*)	Cung cấp các dịch vụ đại lý vận tải biển	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500751828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 20 tháng 6 năm 2006 và đăng ký thay đổi ngày 13 tháng 10 năm 2009	45	44.456.331.634	44.456.331.634
Đầu tư dài hạn khác					
Quý Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	Đầu tư vào các dự án và các Công ty Việt Nam niêm yết và chưa niêm yết trong lĩnh vực y tế.	08/TB-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 1 năm 2008	3	15.000.000.000	15.000.000.000
TỔNG CỘNG				59.456.331.634	59.456.331.634

(*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen - Gemadept đang chờ chuyển nhượng theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/NQ/ĐHĐCĐ/HSG/2011 ngày 16 tháng 6 năm 2011.

12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Số dư đầu năm	56.290.140.917	47.356.517.597
Tăng trong năm	22.729.276.802	33.698.894.183
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang sang (Thuyết minh 10(d))	2.545.310.556	4.923.653.232
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình (*)	2.381.415.087	-
Tăng khác	127.200.500	-
Phân bổ trong năm	(32.641.637.997)	(29.688.924.095)
Thanh lý công cụ dụng cụ đang sử dụng	(12.783.942.739)	
Số dư cuối năm	38.647.763.126	56.290.140.917

(*) Đây là khoản phân loại lại giá trị còn lại của tài sản cố định có nguyên giá dưới 30 triệu đồng vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong vòng 3 năm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, máy vi tính và công cụ dụng cụ.

13 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Biến động gộp của thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Số dư đầu năm	5.281.603.174	4.871.229.297
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	3.166.854.257	410.373.877
Số dư cuối năm	8.448.457.431	5.281.603.174

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận chủ yếu từ chênh lệch tạm thời liên quan tới các khoản lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch giữa các chi nhánh của Công ty, chi phí lãi vay và các khoản chi phí trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2013

Mẫu số B 09 - DN

14 CÁC KHOẢN VAY

(a) Vay ngắn hạn

		30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (*)		2.468.854.540.949	1.874.783.164.492
Vay dài hạn đến hạn (Thuyết minh 14(b))		298.642.575.600	144.621.141.648
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh 14(b))		11.669.446.320	11.669.446.320
Các khoản vay ngắn hạn khác (**)		34.800.000.000	-
		2.813.966.562.869	2.031.073.752.460

(*) Chi tiết các khoản vay từ ngân hàng như sau:

Khoản vay số	Tiền tệ	Lãi suất năm	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
1	USD	4% - 7%	211.410.740.800	397.349.294.200
2	VND	11% - 18,5%	-	66.800.000.000
3	USD	4,15% - 5,5%	317.842.593.447	132.506.031.645
4	VND	7% - 12,5%	130.280.111.484	10.007.000.000
5	USD	3,8% - 6%	441.089.851.000	256.450.792.619
6	VND	6,75% - 12%	158.246.647.827	184.210.428.571
7	USD	4,5% - 5,7%	-	115.637.056.000
8	USD	3,3% - 4%	227.817.968.103	99.490.344.783
9	VND	6,15% - 10%	150.360.360.683	28.390.000.000
10	USD	3,8% - 5%	59.957.213.921	39.573.200.000
11	USD	3,8% - 6%	56.013.170.601	13.954.760.000
12	USD	3,4% - 3,8%	15.154.363.000	-
13	USD	4,2%	25.443.265.372	-
14	USD	3,3% - 4,5%	118.899.619.612	183.498.218.052
15	VND	6,4% - 11,2%	28.700.000.000	29.400.000.000
16	USD	6,00%	-	28.364.976.082
17	USD	3,8% - 5,1%	145.515.382.898	57.818.528.000
18	USD	3,8% - 6,3%	184.507.457.516	231.332.534.540
19	VND	7% - 11,9%	12.540.583.701	-
20	USD	4,00%	34.004.044.702	-
21	USD	3,25%	48.722.541.665	-
22	USD	3,80%	102.348.624.617	-
			2.468.854.540.949	1.874.783.164.492

Tất cả các khoản vay ngắn hạn trên được bảo đảm bằng tài sản cố định và hàng tồn kho của Công ty.

(**) Các khoản vay ngắn hạn khác bao gồm:

- (i) Khoản vay 8.500.000.000 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2012: không có) từ một công ty con, không có tài sản đảm bảo, chịu lãi suất 6%/năm (Thuyết minh 33(b)).
- (ii) Khoản vay 26.300.000.000 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2012: không có) từ một cá nhân, không có tài sản đảm bảo, chịu lãi suất 8%/năm và sẽ đến hạn trong tháng 12 năm 2013.

(b) Vay và nợ dài hạn

		30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Vay ngân hàng	(*)	789.545.123.372	638.262.330.949
Nợ thuê tài chính	(**)	42.787.970.189	54.457.416.509
Nợ dài hạn khác	(***)	44.126.160.000	64.767.488.000
		876.459.253.561	757.487.235.458
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 14(a))		(298.642.575.600)	(144.621.141.648)
Trừ: Nợ thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh 14(a))		(11.669.446.320)	(11.669.446.320)
		566.147.231.641	601.196.647.490

(*) Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

Khoản vay	Tiền tệ	Thời hạn thanh toán	Lãi suất năm	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
1	VND	25/9/2017	10,5% - 15%	326.339.516.000	155.288.986.000
2	USD	16/7/2019	4,15%	58.081.311.390	-
3	VND	16/7/2019	10,00%	52.220.357.395	-
4	USD	15/9/2013	7,2%	-	1.564.516.048
5	VND	11/6/2016	9,7% - 15%	212.001.916.695	290.697.516.695
6	USD	8/9/2018	1,7%	80.621.411.392	96.581.300.106
7	VND	24/10/2015	7,8% - 8,4%	21.280.000.000	35.500.000.000
8	VND	16/7/2017	11% - 16%	39.000.610.500	49.400.122.100
9	VND	26/4/2015	13% - 14%	-	9.229.890.000
				789.545.123.372	638.262.330.949

Tất cả các khoản vay trên được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ những khoản vay này.

14 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(b) Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)

(**) Nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê tài chính như sau:

	30.9.2013		
	Tổng nợ thuê tài chính VNĐ	Chi phí lãi VNĐ	Nợ gốc VNĐ
Dưới 1 năm	15.902.131.774	4.232.685.454	11.669.446.320
Từ 1-5 năm	35.959.305.011	4.840.781.142	31.118.523.869
	<u>51.861.436.785</u>	<u>9.073.466.596</u>	<u>42.787.970.189</u>
	30.9.2012		
	Tổng nợ thuê tài chính VNĐ	Chi phí lãi VNĐ	Nợ gốc VNĐ
Dưới 1 năm	18.834.143.228	7.164.696.908	11.669.446.320
Từ 1-5 năm	54.494.608.924	11.706.638.735	42.787.970.189
	<u>73.328.752.152</u>	<u>18.871.335.643</u>	<u>54.457.416.509</u>

(***) Nợ dài hạn khác bao gồm:

- (i) Khoản nợ 1.560.000 Euro tương đương 44.126.160.000 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2012: 58.267.488.000 đồng) từ nhà cung cấp liên quan đến việc mua tài sản cố định, chịu lãi suất 5,8%/năm và được hoàn trả theo phân kỳ 6 tháng đến tháng 5 năm 2016.
- (ii) Khoản nợ 6.500.000.000 đồng phải trả cho một công ty con tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 đã được hoàn trả trong năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (Thuyết minh 33(b)).

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Bên thứ ba	1.281.112.190.653	457.703.656.349
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	10.494.067.854	12.401.826.062
	<u>1.291.606.258.507</u>	<u>470.105.482.411</u>

16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	11.189.715.893	46.827.168.659
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.764.117.495	9.566.145.650
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	3.520.815.664	14.496.567.330
Thuế xuất nhập khẩu	94.673	76.358.503
Thuế khác	5.354.845.684	382.552.284
	<u>37.829.589.409</u>	<u>71.348.792.426</u>

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Điện	38.193.240	3.733.871.837
Xây dựng cơ bản dở dang	334.545.454	1.623.564.318
Chi phí vận chuyển	582.558.457	-
Chi phí kiểm toán	420.000.000	400.000.000
Chi phí lương tháng 13	12.513.797.000	9.881.678.000
Chi phí lãi vay	2.227.290.276	3.892.928.961
Chi phí phải trả khác	3.318.909.779	4.165.600.000
	<u>19.435.294.206</u>	<u>23.697.643.116</u>

18 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Cổ tức phải trả	3.353.947.200	2.213.857.525
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	1.294.753.800	915.190.369
Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	383.850	-
Nhận đặt cọc dự thầu	3.580.000.000	3.182.161.759
Truy thu thuế của công ty con đã giải thể	-	11.039.479.294
Phải trả khác	1.958.586.736	1.101.515.309
	10.187.671.586	18.452.204.256

19 QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

Quỹ này được lập từ việc trích lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được dùng để trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi của năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Số dư đầu năm	5.225.251.199	7.946.458.110
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	14.724.134.716	6.406.734.996
Chuyển sang các quỹ khác (Thuyết minh 21)	-	(707.980.636)
Hoàn nhập vào lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 21)	-	(4.055.557.395)
Sử dụng	(15.485.604.400)	(4.364.403.876)
Số dư cuối năm	4.463.781.515	5.225.251.199

20 SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU

Số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành như sau:

	30.9.2013		30.9.2012	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Cổ phiếu được duyệt và đã phát hành	100.790.790	-	100.790.790	-
Cổ phiếu quỹ	(4.477.692)	-	(3.859.212)	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	96.313.098	-	96.931.578	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có quyền ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu được Công ty mua lại đều được tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2013

Mẫu số B 09 - DN

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quý dự phòng tài chính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2011	1.007.907.900.000	451.543.290.363	381.858.701.310	-	(28.588.182.845)	8.525.313.060	1.821.247.021.888
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	362.106.869.356	-	-	-	362.106.869.356
Chi trả cổ tức	-	-	(97.557.418.000)	-	-	-	(97.557.418.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(28.128.541.137)	-	(28.128.541.137)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(6.406.734.996)	-	-	-	(6.406.734.996)
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	(6.412.839.096)	6.412.839.096	-	-	-
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	(4.972.492.823)	-	-	(4.972.492.823)
Hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	4.055.557.395	-	-	-	4.055.557.395
Chuyển từ quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	707.980.636	-	-	707.980.636
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012	1.007.907.900.000	451.543.290.363	637.644.135.969	2.148.326.909	(56.716.723.982)	8.525.313.060	2.051.052.242.319
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	605.983.715.640	-	-	-	605.983.715.640
Chi trả cổ tức (*)	-	-	(338.951.283.000)	-	-	-	(338.951.283.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(24.318.822.516)	-	(24.318.822.516)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(14.724.134.716)	-	-	-	(14.724.134.716)
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	(10.796.142.820)	10.796.142.820	-	-	-
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (**)	-	-	-	(10.936.735.378)	-	-	(10.936.735.378)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	1.007.907.900.000	451.543.290.363	879.156.291.073	2.007.734.351	(81.035.546.498)	8.525.313.060	2.268.104.982.349

(*) Căn cứ theo Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ/HSG/2012 ngày 22 tháng 3 năm 2012 và Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ/HSG/2013 ngày 6 tháng 3 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị ra Nghị quyết số 41/NQ/HĐQT/2012 ngày 17 tháng 8 năm 2012, Nghị quyết số 56/NQ/HĐQT/2012 ngày 29 tháng 10 năm 2012, Nghị nghị quyết số 11/NQ/HĐQT/2013 ngày 6 tháng 3 năm 2013, Nghị quyết số 41/NQ/HĐQT/2013 ngày 14 tháng 8 năm 2013 về việc chia cổ tức.

(**) Bao gồm khoản tiền 6.404.713.970 đồng Công ty chi thường vượt kế hoạch sản xuất trong năm cho các nhân sự quản lý chủ chốt căn cứ theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 10/BB/HĐQT/2012 ngày 17 tháng 10 năm 2012, Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 12/BB/HĐQT/2012 ngày 12 tháng 12 năm 2012; Quyết định số 206A ngày 29 tháng 10 năm 2012, Quyết định số 1316 ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Ban Tổng Giám đốc, và Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ/HSG/2013 ngày 6 tháng 3 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông.

22 DOANH THU

(a) Doanh thu thuần

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Doanh thu		
Thành phẩm	11.082.285.583.575	9.579.445.220.466
Hàng hóa	10.006.255.167.921	3.040.385.085.979
	21.088.540.751.496	12.619.830.306.445
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	-	(109.570.991)
Hàng bán bị trả lại	(7.828.484.379)	(13.825.512.110)
Giảm giá hàng bán	(1.873.394.687)	(390.909.075)
	(9.701.879.066)	(14.325.992.176)

(b) Doanh thu từ hoạt động tài chính

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Thu nhập lãi tiền gửi	5.725.644.808	3.675.541.465
Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	58.460.323.352	52.213.284.884
Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	54.978.258.214	11.487.184.884
Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	1.327.444.838	1.485.791.618
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	33.419.430.597	44.723.311.247
	153.911.101.809	113.585.114.098

23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Thành phẩm	9.917.599.488.276	8.586.088.509.737
Hàng hóa	9.705.909.456.779	2.789.564.991.764
	19.623.508.945.055	11.375.653.501.501

24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Chi phí lãi vay	165.766.703.044	335.861.045.260
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá đầu tư dài hạn	-	(1.126.940.680)
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	78.527.496.767	69.331.205.669
	244.294.199.811	404.065.310.249

25 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Chi phí nhân viên	94.374.306.096	78.144.103.712
Chi phí khấu hao	15.906.158.616	17.794.064.368
Chi phí vật liệu bao bì	1.766.796.258	1.907.889.808
Chi phí dịch vụ mua ngoài	312.647.231.596	233.023.749.707
Chi phí khác	4.053.136.691	6.776.298.198
	428.747.629.257	337.646.105.793

26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	134.002.109.964	103.044.831.180
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.868.071.359	4.616.984.264
Chi phí khấu hao	17.651.279.750	15.936.719.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.586.357.559	73.028.620.941
Chi phí khác	46.807.092.138	21.989.203.226
	<u>288.914.910.770</u>	<u>218.616.359.161</u>

27 THU NHẬP KHÁC

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Thu từ bán phế liệu	8.842.139.197	6.802.832.226
Thu từ bán công cụ dụng cụ đang sử dụng cho công ty con (Thuyết minh 33(b))	19.284.462.563	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định (*)	23.661.877.723	3.248.224.565
Thu nhập từ cho công ty con thuê hoạt động	128.195.000.000	-
Thu nhập khác	19.445.449.926	26.183.502.783
	<u>199.428.929.409</u>	<u>36.234.559.574</u>

(*) Bao gồm thu nhập từ thanh lý tài sản cố định cho một công ty con là 18.051.384.898 đồng (năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2012: không có).

28 CHI PHÍ KHÁC

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đang sử dụng được thanh lý	19.284.462.360	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	25.292.111.489	3.291.082.139
Chi phí phát sinh từ cho thuê hoạt động (*)	111.676.913.597	-
Chi phí khác	6.972.312.081	26.792.699.378
	<u>163.225.799.527</u>	<u>30.083.781.517</u>

(*) Bao gồm 80.943.337.547 đồng chi phí khấu hao của tài sản cố định cho thuê hoạt động và 30.733.576.050 đồng chi phí cho thuê hoạt động khác.

29 THUẾ

Theo Giấy Chứng nhận Ưu đãi Đầu tư số 108/CN-UB do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 29 tháng 10 năm 2001, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên lợi nhuận tính thuế. Cũng theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Ưu đãi Đầu tư, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2004) và được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo. Hoạt động thương mại chịu thuế suất thu nhập 25% và không được miễn thuế suất thu nhập doanh nghiệp.

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 25% được thể hiện như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	683.487.419.228	389.258.929.720
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	170.871.854.807	58.388.839.458
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(35.391.629.919)	(13.755.469.574)
Chi phí không được khấu trừ	30.051.231.755	15.362.727.895
Ảnh hưởng của việc giảm thuế	(80.124.926.735)	(27.562.434.241)
Thuế TNDN từ chuyển quyền sử dụng đất	986.723	-
Dự phòng thiếu của năm trước	544.644.387	-
Ảnh hưởng khác	(8.448.457.430)	(5.281.603.174)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	77.503.703.588	27.152.060.364
Trong đó:		
Thuế TNDN hiện hành	80.670.557.845	27.562.434.241
Thuế TNDN hoãn lại	(3.166.854.257)	(410.373.877)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

30 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chính chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Lợi nhuận thuần thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	605.983.715.640	362.106.869.356
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	97.766.865	97.872.861
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng)	6.198	3.700

31 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu	9.601.410.193.031	7.090.668.169.410
Chi phí nhân công	287.901.927.038	244.555.613.141
Chi phí khấu hao và phân bổ	142.053.821.105	201.868.400.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài	683.076.148.179	587.851.209.315
Các chi phí khác	258.665.444.978	135.825.870.224
	10.973.107.534.331	8.260.769.262.440

32 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các yếu tố rủi ro tài chính

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có thể chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro biến động lãi suất), rủi ro nợ phải thu và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện, đo lường rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro.

Bộ phận Tài chính của Công ty đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Ban Tổng Giám đốc xem xét.

Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận được.

32 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro thị trường

(i) Rủi ro tỷ giá

Việc kinh doanh của Công ty có thể chịu rủi ro biến động tỷ giá VND/USD và VND/EUR vì Công ty có các giao dịch mua nguyên vật liệu (thép cuộn cán nóng, kẽm thỏi, hợp kim nhôm kẽm) và các khoản nợ bằng USD và EUR. Công ty giảm thiểu rủi ro biến động tỷ giá bằng việc đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, tạo doanh thu bằng USD để bù đắp nhu cầu USD cho hoạt động nhập khẩu nguyên vật liệu. Ngoài ra, Công ty thường xuyên căn cứ vào tình hình thị trường để dự đoán biến động tỷ giá nhằm có những chính sách phù hợp để giảm thiểu rủi ro.

Rủi ro tỷ giá được trình bày như sau:

	30.9.2013		
	Số dư bằng USD Tương đương VNĐ	Số dư bằng EUR Tương đương VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tài sản tài chính			
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	82.459.473.159	6.331.255	82.465.804.414
Phải thu thương mại	230.532.796.358	-	230.532.796.358
Ứng trước cho người bán và ký quỹ	83.003.936.948	-	83.003.936.948
	395.996.206.465	6.331.255	396.002.537.720
Nợ tài chính			
Các khoản vay	(2.127.429.560.036)	(44.126.160.000)	(2.171.555.720.036)
Phải trả thương mại	(1.081.691.062.033)	-	(1.081.691.062.033)
Người mua trả tiền trước	(50.986.078.470)	-	(50.986.078.470)
	(3.260.106.700.539)	(44.126.160.000)	(3.304.232.860.539)
Mức độ rủi ro tỷ giá	(2.864.110.494.074)	(44.119.828.745)	(2.908.230.322.819)

	30.9.2012		
	Số dư bằng USD Tương đương VNĐ	Số dư bằng EUR Tương đương VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tài sản tài chính			
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	2.792.663.980	6.021.880	2.798.685.860
Phải thu thương mại	201.145.081.799	-	201.145.081.799
Ứng trước cho người bán và ký quỹ	32.684.495.210	-	32.684.495.210
	236.622.240.989	6.021.880	236.628.262.869
Nợ tài chính			
Các khoản vay	(1.654.121.552.075)	(58.267.488.000)	(1.712.389.040.075)
Phải trả thương mại	(335.345.977.364)	-	(335.345.977.364)
Người mua trả tiền trước	(2.605.798.786)	-	(2.605.798.786)
	(1.992.073.328.225)	(58.267.488.000)	(2.050.340.816.225)
Mức độ rủi ro tỷ giá	(1.755.451.087.236)	(58.261.466.120)	(1.813.712.553.356)

Mức độ rủi ro tỷ giá này thể hiện tổng giá trị thuần của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có gốc USD và EUR. Khi tỷ giá VND/USD và/hoặc VND/EUR biến động, giá trị kỳ vọng của khoản này và lợi nhuận của Công ty sẽ thay đổi.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, nếu tỷ giá VND/USD tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm sẽ giảm/tăng một khoản là 25.060.966.823 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012: 16.216.106.162 đồng).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, nếu tỷ giá VND/EUR tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm sẽ giảm/tăng một khoản là 386.048.502 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012: 539.374.651 đồng).

(ii) *Rủi ro về giá*

Công ty không phải chịu rủi ro giá chứng khoán vốn phát sinh từ các khoản đầu tư được phân loại sẵn sàng để bán bởi vì Công ty không có các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết.

32 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(iii) Rủi ro biến động lãi suất

Công ty có thể chịu rủi ro biến động lãi suất đối với các khoản vay của Công ty. Công ty đã và đang thực hiện định mức tồn kho nguyên vật liệu, thành phẩm và phụ tùng thay thế ở mức hợp lý để giảm thiểu nhu cầu vay ngắn hạn cũng như cân đối cơ cấu các khoản vay ngắn hạn giữa USD và VND linh hoạt, phù hợp với tình hình biến động của lãi suất và tỷ giá để đạt được chi phí lãi vay hợp lý. Công ty có các khoản vay lãi suất biến thiên chủ yếu là bằng đồng VND và USD.

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013, nếu lãi suất đối với các khoản vay bằng VND tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm sẽ giảm/tăng một khoản là 9.085.805.517 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012: 13.026.542.571 đồng).

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013, nếu lãi suất đối với các khoản vay bằng USD tăng/giảm 0,5% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm sẽ giảm/tăng một khoản là 8.451.016.886 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012: 7.003.069.527 đồng).

(b) Rủi ro nợ phải thu

Công ty giảm thiểu rủi ro nợ phải thu thông qua các chính sách sau:

- Xây dựng định mức dư nợ và số ngày nợ tối đa cho từng khách hàng cụ thể cùng với việc lập báo cáo chi tiết theo dõi quá trình thanh toán hàng ngày để xem xét đánh giá lại định mức cũng như phân loại nợ và đôn đốc thu hồi nợ;
- Tính lãi vay trên công nợ và giao định mức tỷ lệ dư nợ bình quân hàng tháng cho các bộ phận kinh doanh và các chi nhánh phân phối-bán lẻ;
- Không bán chịu cho khách hàng mới hay khách hàng có nợ quá hạn trên 90 ngày, trừ các trường hợp đặc biệt do Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.
- Nhờ các cơ quan chức năng giải quyết khi cần thiết.

Các khoản nợ phải thu bao gồm như sau:

(i) Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

(ii) Các tài sản tài chính quá hạn và/hoặc giảm giá

Không có các nhóm tài sản tài chính khác quá hạn và/hoặc giảm giá ngoại trừ các khoản phải thu.

(c) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo Công ty luôn có quỹ dự trữ tiền mặt để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	30.9.2013			
	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Phải trả thương mại	1.291.606.258.507	-	-	1.291.606.258.507
Vay ngắn hạn	2.503.654.540.949	-	-	2.503.654.540.949
Phải trả các khoản vay, nợ dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả	310.312.021.920	566.147.231.641	-	876.459.253.561
	4.105.572.821.376	566.147.231.641	-	4.671.720.053.017

	30.9.2012			
	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Phải trả thương mại	470.105.482.411	-	-	470.105.482.411
Vay ngắn hạn	1.874.783.164.492	-	-	1.874.783.164.492
Phải trả các khoản vay, nợ dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả	156.290.587.968	601.196.070.400	577.090	757.487.235.458
	2.501.179.234.871	601.196.070.400	577.090	3.102.375.882.361

33 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan chủ yếu bao gồm các công ty con, các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và các nhân sự quản lý chủ chốt.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
<i>i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	8.623.848.678.756	2.123.440.304.032
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	1.522.146.927.731	1.073.740.050.090
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	1.361.457.252	2.940.296.181
<i>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</i>		
Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen	8.460.722.893.071	2.280.366.978.072
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	1.099.873.757.571	757.690.547.533
Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	344.786.101	10.298.596.751
<i>iii) Bán tài sản cố định</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	18.051.384.898	-
<i>iv) Mua tài sản cố định</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	24.560.590	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	564.508.053	233.794.473

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
v) Các giao dịch khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen		
Thu nhập từ cho thuê hoạt động	124.427.000.000	-
Mua khác	7.136.657.537	-
Bán khác	24.096.824	127.831.144
	19.284.462.563	-
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ		
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen		
Trả lại hàng bán	1.587.397.915	897.455.836
Thu nhập từ cho thuê hoạt động	3.768.000.000	-
Bán khác	-	6.313.662.432
Mua khác	1.003.606.875	-
Trả lại hàng mua	56.115.632	4.010.927.659
Tiền vay nhận được	-	55.190.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen		
Mua khác	8.536.066.523	-
Chi phí lãi vay	218.583.333	-
Tiền vay trả trong năm	6.500.000.000	-
Tiền vay nhận được trong năm	8.500.000.000	1.500.000.000
vi) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Cố vấn và Ban Kiểm soát	958.000.000	1.072.200.000
Thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Cố vấn và Ban Kiểm soát	5.705.000.000	-
Lương cho Ban Tổng Giám đốc	7.474.632.000	6.358.681.967
Thưởng cho Ban Tổng Giám đốc	2.865.200.000	-

33 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Phải thu khách hàng (Thuyết minh 4)		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	617.103.340.689	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	337.110.927.786	289.635.970.616
	954.214.268.475	289.635.970.616
Trả trước cho người bán (Thuyết minh 5)		
Hoàng Đức Huy (Phó Tổng Giám đốc) - Ứng trước tiền mua đất	90.183.227.000	90.183.227.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	-	955.746
	90.183.227.000	90.184.182.746
Các khoản phải thu khác (Thuyết minh 6)		
<i>Phải thu lợi nhuận được chia từ các công ty con</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	58.460.323.352	52.213.284.884
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	54.978.258.214	11.487.184.884
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	1.327.444.838	1.485.791.618
<i>Phải thu khác</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	2.216.705.836	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	744.000	-
	116.983.476.240	65.186.261.386
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 14(b))		
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	8.500.000.000	-

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Vay dài hạn (Thuyết minh 14(b))		
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	-	6.500.000.000
Phải trả người bán (Thuyết minh 15)		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	6.000.000.000	10.655.332.192
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	4.494.067.854	1.746.493.870
	10.494.067.854	12.401.826.062
Phải trả khác (Thuyết minh 18)		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	383.850	-

34 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh tôn, thép và vật liệu xây dựng và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

35 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

(a) Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Dưới 1 năm	22.873.345.777	18.846.143.567
Từ 1 đến 5 năm	52.321.739.337	50.657.547.840
Trên 5 năm	176.131.828.498	148.336.057.822
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	251.326.913.612	217.839.749.229

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2013

35 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

(b) Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty nhận được mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Dưới 1 năm	106.680.000.000	-
Từ 1 đến 5 năm	423.120.000.000	-
Trên 5 năm	412.320.000.000	-
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	942.120.000.000	-

36 CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	615.558.105.177	186.444.843.145

Báo cáo tài chính riêng đã được Tổng Giám đốc duyệt ngày 3 tháng 12 năm 2013.



Nguyễn Thị Ngọc Lan
 Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
 Tổng Giám đốc
 Ngày 3 tháng 12 năm 2013



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2013**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo Kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 - DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 - DN/HN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 - DN/HN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 - DN/HN)	9



THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận Số 3700381324 ngày 21 tháng 6 năm 2012
Đăng ký Doanh nghiệp Đăng ký lần đầu ngày 8 tháng 8 năm 2001

Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3700381324 ngày 21 tháng 6 năm 2012. Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Chu	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên
Ông Lý Duy Hoàng	Thành viên
Ông Jean-Eric Jacquemin	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 6 tháng 3 năm 2013)
Ông Lê Phụng Hào	Thành viên (Thôi nhiệm ngày 6 tháng 3 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Ngọc Chu	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Khoa	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 1 năm 2013)
Ông Hồ Thanh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 1 năm 2013)
Ông Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2013)

Người đại diện theo pháp luật Ông Lê Phước Vũ Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trụ sở chính Số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Kiểm toán viên Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) ủy quyền cho Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của các báo cáo tài chính hợp nhất. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 42. Các báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 9 tháng 12 năm 2013



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) được Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 9 tháng 12 năm 2013. Các báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất để các báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính hợp nhất có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro sai phạm trọng yếu của các báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc sai sót. Khi đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.



Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.



Quách Thành Châu

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0875-2013-006-1
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Hoàng Nam

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2013-006-1

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM3844
Ngày 9 tháng 12 năm 2013

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính hợp nhất, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 9	
			2013 VNĐ	2012 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.214.832.811.102	2.606.071.890.530
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	177.312.594.189	67.431.992.847
111	Tiền		177.312.594.189	67.431.992.847
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	3.975.059.008
121	Đầu tư ngắn hạn		-	3.975.059.008
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		748.158.629.178	757.901.543.650
131	Phải thu khách hàng		548.362.562.681	607.105.628.000
132	Trả trước cho người bán	4	187.574.760.737	137.402.828.308
135	Các khoản phải thu khác	5	15.225.431.240	21.707.204.091
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.004.125.480)	(8.314.116.749)
140	Hàng tồn kho	6	3.019.573.646.607	1.539.822.107.871
141	Hàng tồn kho		3.020.464.536.423	1.541.607.709.143
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(890.889.816)	(1.785.601.272)
150	Tài sản ngắn hạn khác		269.787.941.128	236.941.187.154
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	7	79.882.282.268	37.748.239.662
152	Thuế GTGT được khấu trừ		169.583.730.029	190.977.572.774
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	8	3.821.219	856.983.479
158	Tài sản ngắn hạn khác	9	20.318.107.612	7.358.391.239
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		2.927.338.171.070	2.716.867.560.343
220	Tài sản cố định		2.789.679.562.937	2.585.419.833.744
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	2.235.719.440.684	2.199.542.140.363
222	Nguyên giá		3.304.809.510.491	3.002.603.873.975
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.069.090.069.807)	(803.061.733.612)
224	Tài sản thuê tài chính	10(b)	122.416.298.653	119.589.366.865
225	Nguyên giá		141.197.532.904	133.541.500.504
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(18.781.234.251)	(13.952.133.639)
227	Tài sản cố định vô hình	10(c)	234.454.547.464	240.284.444.612
228	Nguyên giá		253.522.432.543	255.669.692.921
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(19.067.885.079)	(15.385.248.309)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10(d)	197.089.276.136	26.003.881.904
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	59.456.331.634	59.456.331.634
252	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		44.456.331.634	44.456.331.634
258	Đầu tư dài hạn khác		15.000.000.000	15.000.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		78.202.276.499	71.991.394.965
261	Chi phí trả trước dài hạn	12	57.767.508.898	61.094.031.932
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	13	16.019.217.700	7.539.813.132
268	Tài sản dài hạn khác		4.415.549.901	3.357.549.901
270	TỔNG TÀI SẢN		7.142.170.982.172	5.322.939.450.873

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 9	
			2013 VNĐ	2012 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		4.931.735.187.568	3.304.412.330.536
310	Nợ ngắn hạn		4.338.668.254.238	2.693.075.577.757
311	Vay và nợ ngắn hạn	14(a)	2.814.413.724.769	2.039.925.750.068
312	Phải trả người bán		1.317.685.051.025	484.411.293.421
313	Người mua trả tiền trước		73.221.290.326	10.597.895.943
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	51.640.398.454	84.651.397.571
315	Phải trả người lao động		38.337.483.577	24.185.784.602
316	Chi phí phải trả	16	22.392.802.462	26.740.904.843
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	16.513.722.110	17.337.300.110
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	4.463.781.515	5.225.251.199
330	Nợ dài hạn		593.066.933.330	611.336.752.779
334	Vay và nợ dài hạn	14(b)	588.026.924.580	606.309.432.779
336	Dự phòng trợ cấp thôi việc		5.040.008.750	5.027.320.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.210.435.794.604	2.018.527.120.337
410	Vốn chủ sở hữu		2.210.435.794.604	2.018.527.120.337
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19, 20	1.007.907.900.000	1.007.907.900.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	20	451.543.290.363	451.543.290.363
414	Cổ phiếu quỹ	20	(81.035.546.498)	(56.716.723.982)
418	Quỹ dự phòng tài chính	20	8.525.313.060	8.525.313.060
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.007.734.351	2.148.326.909
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20	821.487.103.328	605.119.013.987
440	TỔNG NGUỒN VỐN		7.142.170.982.172	5.322.939.450.873

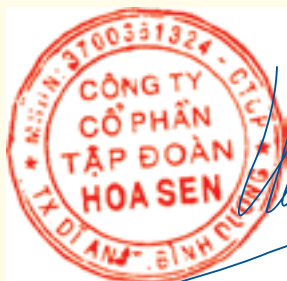
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm số ngoại tệ như sau:

	Tại ngày	
	30.9.2013	30.9.2012
Đô la Mỹ	3.915.198,11	137.559,19
Đồng Euro	223,83	221,58
Đô la Úc	84,78	84,78



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc
Ngày 9 tháng 12 năm 2013

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9	
		2013 VNĐ	2012 VNĐ
01	Doanh thu bán hàng	11.772.644.300.807	10.110.988.306.667
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(12.745.708.265)	(23.032.075.122)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	11.759.898.592.542	10.087.956.231.545
11	Giá vốn hàng bán	(10.052.386.178.283)	(8.682.822.005.970)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	1.707.512.414.259	1.405.134.225.575
21	Doanh thu hoạt động tài chính	39.687.232.366	48.591.843.754
22	Chi phí tài chính	(246.584.741.097)	(409.241.900.486)
23	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>(167.862.447.942)</i>	<i>(340.390.787.401)</i>
24	Chi phí bán hàng	(491.346.997.958)	(386.396.571.842)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(350.540.024.416)	(261.226.742.015)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	658.727.883.154	396.860.854.986
31	Thu nhập khác	37.177.802.534	31.785.941.720
32	Chi phí khác	(16.908.741.004)	(17.090.439.659)
40	Thu nhập khác (số thuần)	20.269.061.530	14.695.502.061
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	678.996.944.684	411.556.357.047
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(106.636.699.375)	(43.377.160.455)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	8.479.404.568	(75.828.704)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	580.839.649.877	368.103.367.888
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.941	3.761



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc
Ngày 9 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03 - DN/HN

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9

Mã số	Thuyết minh	2013 VNĐ	2012 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	678.996.944.684	411.556.357.047
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	290.579.709.448	273.954.782.521
03	Các khoản dự phòng	566.356.047	5.109.784.753
04	Lỗ/(lãi) do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.951.795.789	(4.119.532.487)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(2.777.208.102)	(3.402.049.696)
06	Chi phí lãi vay	167.862.447.942	340.390.787.401
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	1.141.180.045.808	1.023.490.129.539
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	22.278.890.459	(74.065.954.408)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(1.478.856.827.280)	474.052.545.190
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	863.895.232.096	(583.675.444.144)
12	Tăng chi phí trả trước	(30.435.599.644)	(3.359.473.874)
13	Lãi vay đã trả	(169.528.086.627)	(346.276.674.459)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(101.210.750.769)	(28.530.747.597)
16	Chi khác cho hoạt động kinh doanh	(26.422.339.778)	(9.336.896.699)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	220.900.564.265	452.297.483.548
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(492.271.535.137)	(63.186.091.525)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	7.248.031.779	3.248.224.565
27	Thu lãi tiền gửi	5.940.385.291	3.862.359.199
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(479.083.118.067)	(56.075.507.761)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Chi mua cổ phiếu quỹ	(24.318.822.516)	(28.128.541.137)
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	9.167.945.362.267	6.526.860.959.039
34	Chi trả nợ gốc vay	(8.408.050.209.722)	(6.822.779.336.715)
35	Chi trả thuê tài chính	(24.793.510.017)	(34.996.166.525)
36	Chi trả cổ tức	(337.811.193.325)	(96.593.160.025)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	372.971.626.687	(455.636.245.363)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	114.789.072.885	(59.414.269.576)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	67.431.992.847	128.408.998.636
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	(4.908.471.543)	(1.562.736.213)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	177.312.594.189	67.431.992.847

Các giao dịch phi tiền tệ chủ yếu trong năm b
21.351.032.400 đồng (năm tài chính kết thúc

ịnh thuế tài chính với giá trị là
12: 84.032.961.457 đồng).



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc
Ngày 9 tháng 12 năm 2013

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen - tên tiếng nước ngoài là Hoa Sen Group - (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 8 tháng 8 năm 2001 và điều chỉnh gần nhất ngày 21 tháng 6 năm 2012.

Ngày 5 tháng 12 năm 2008 cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Hoạt động chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm
- Sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại
- Sản xuất tấm trần PVC
- Sản xuất các loại vật liệu xây dựng
- Mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng
- Dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng
- Sản xuất thép cán nguội dạng cuộn

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, Công ty có những công ty con sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	% quyền sở hữu và quyền biểu quyết	
			30.9.2013	30.9.2012
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	Số 9 Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công Nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội	100	100
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây dựng Hoa Sen	Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép	100	100
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Số 9 Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công Nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ vận tải, sản xuất máy cán, máy cắt tôn và các máy móc, thiết bị công nghiệp	100	100

Các công ty con đều được thành lập ở Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, Công ty và các công ty con (gọi chung là: “Tập đoàn”) có 3.731 nhân viên (ngày 30 tháng 9 năm 2012: 2.949 nhân viên).

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn lập dựa theo qui ước giá gốc.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9.

2.3 Hợp nhất

Công ty soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 - *Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con*.

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Liên doanh và công ty liên kết

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.3 Hợp nhất (tiếp theo)

Liên doanh và công ty liên kết (tiếp theo)

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong liên doanh và các công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh và các công ty liên kết.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên doanh, liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.5 Sử dụng các ước tính kế toán

Việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi Tổng Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho niên độ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

2.6 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tập đoàn sử dụng đồng Việt Nam để hạch toán kế toán và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.8 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.10 Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn là những khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn ít hơn 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán và những khoản đầu tư được Tập đoàn nắm giữ với ý định sẽ bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư ngắn hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập đối với các chứng khoán vốn khi giá gốc cao hơn giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán này.

(b) Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết dự kiến sẽ được thanh lý trong tương lai gần (dưới 12 tháng) sẽ được trình bày theo phương pháp giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(c) Đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vốn dưới 20% quyền biểu quyết vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết được Tập đoàn nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư này.

2.11 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.11 Tài sản cố định (tiếp theo)

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa	5 - 30 năm
Máy móc thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	6 - 8 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 - 20 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian Tập đoàn được phép sử dụng đất theo quy định. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không tính khấu hao.

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.12 Thuê tài sản cố định

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỉ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn. Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.14 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm những chi phí phát sinh liên quan đến nhiều năm nhưng không thỏa mãn điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định. Những chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo thời gian hữu dụng ước tính.

2.15 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn một cách trọng yếu về khả năng thu về các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng hàng bị trả lại.

(b) Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận trong kỳ kế toán khi bên nhận đầu tư công bố chia cổ tức.

2.16 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm tài chính mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.17 Vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn chủ sở hữu bao gồm các cổ phần được phát hành. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành thêm cổ phần hoặc quyền chọn được trừ vào số tiền thu được do bán cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu của Tập đoàn đã phát hành và được Tập đoàn mua lại. Khoản tiền đã trả để mua cổ phiếu, bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp sau khi tính thuế, được ghi nhận và trình bày là một khoản trừ vào vốn chủ sở hữu. Số tiền thu do tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tái phát hành hay bán cổ phiếu quỹ được tính vào phần vốn chủ sở hữu.

2.18 Chia cổ tức

Lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tập đoàn.

Cổ tức giữa kỳ được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng Quản trị. Số cổ tức cuối kỳ được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông trong Đại hội thường niên.

Cổ tức của cổ đông của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của năm tài chính.

2.19 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả Tập đoàn mẹ, Tập đoàn con và Tập đoàn liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Tập đoàn liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ cũng được chú ý chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; chắc chắn có sự giảm sút về lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí lãi vay.

2.21 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Tập đoàn. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Tập đoàn phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho Tập đoàn. Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng trước ngày của bảng cân đối kế toán này.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Tiền mặt	14.705.019.494	23.431.416.059
Tiền gửi ngân hàng	107.927.629.097	43.100.528.271
Tiền đang chuyển	54.679.945.598	900.048.517
	<u>177.312.594.189</u>	<u>67.431.992.847</u>

4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Bên thứ ba	97.391.533.737	47.219.601.308
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	90.183.227.000	90.183.227.000
	<u>187.574.760.737</u>	<u>137.402.828.308</u>

5 PHẢI THU KHÁC

Khoản phải thu khác tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 bao gồm khoản phải thu 6.671.456.240 đồng từ Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH Một Thành Viên Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam từ việc nhập khẩu ủy thác dây chuyền cán ống thép.

Khoản phải thu khác tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 bao gồm 13.279.135.464 đồng phải thu từ việc thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư Dự án Chung cư cao tầng Phố Đông - Hoa Sen.

6 HÀNG TỒN KHO

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Hàng mua đang đi đường	999.031.492.810	340.678.259.856
Nguyên vật liệu	658.962.090.300	190.622.980.418
Công cụ, dụng cụ	219.682.548.931	221.482.551.071
Chi phí SXKD dở dang	-	56.468.240
Thành phẩm tồn kho	1.023.718.161.252	710.083.474.030
Hàng hóa (*)	119.070.243.130	78.683.975.528
	<u>3.020.464.536.423</u>	<u>1.541.607.709.143</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(890.889.816)	(1.785.601.272)
	<u>3.019.573.646.607</u>	<u>1.539.822.107.871</u>

(*) Bao gồm 15 căn hộ với giá trị 17.268.969.715 đồng có được từ việc cần trừ khoản phải thu khác khi thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư Dự án Chung cư cao tầng Phố Đông - Hoa Sen.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 hàng tồn kho có giá trị là 820.719.777.712 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2012: 1.070.169.056.955 đồng) được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Số dư đầu năm	37.748.239.662	34.577.517.459
Tăng trong năm	192.998.954.765	116.473.531.106
Tăng khác	-	43.958.876
Chuyển từ tài sản cố định (*)	2.590.784.552	-
Phân bổ trong năm	(153.455.696.711)	(113.346.767.779)
Số dư cuối năm	<u>79.882.282.268</u>	<u>37.748.239.662</u>

(*) Đây là khoản phân loại lại giá trị còn lại của TSCĐ có nguyên giá dưới 30 triệu đồng vào chi phí trả trước ngắn hạn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm chi phí quảng cáo, tiền thuê mặt bằng và công cụ dụng cụ.

8 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	20.797.918
Thuế và các khoản khác phải thu khác từ Nhà nước	3.821.219	836.185.561
	<u>3.821.219</u>	<u>856.983.479</u>

9 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Ký quỹ ngắn hạn (*)	15.962.822.128	2.486.311.258
Tạm ứng cho nhân viên	4.355.285.484	4.872.079.981
	<u>20.318.107.612</u>	<u>7.358.391.239</u>

(*) Ký quỹ ngắn hạn chủ yếu thể hiện khoản tiền ký quỹ để mở thư tín dụng nhập khẩu hàng hóa tại các ngân hàng thương mại.

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tài sản cố định hữu hình khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2012	656.158.901.412	2.251.141.612.453	73.886.365.528	5.551.884.827	15.865.109.755	3.002.603.873.975
Mua trong năm	1.064.814.719	25.287.242.439	10.540.790.853	434.756.772	5.389.194.569	42.716.799.352
Chuyển từ xây dựng cơ bản đờ đang	28.023.892.039	224.437.791.004	22.148.365.633	-	-	274.610.048.676
Chuyển từ tài sản cố định thuế tài chính (Thuyết minh 10(b))	-	13.705.000.000	-	-	-	13.705.000.000
Chuyển sang chi phí trả trước (*)	(167.602.341)	(4.982.972.019)	(3.271.868.767)	(836.612.962)	(134.931.385)	(9.393.987.474)
Thanh lý, nhượng bán	(500.000.000)	(17.919.216.769)	(209.438.040)	(41.019.100)	(42.857.142)	(18.712.531.051)
Giảm khác	(33.495.248)	(657.130.012)	(15.249.545)	-	(13.818.182)	(719.692.987)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	684.546.510.581	2.491.012.327.096	103.078.965.662	5.109.009.537	21.062.697.615	3.304.809.510.491
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2012	114.048.081.661	646.797.598.843	34.794.783.446	3.593.832.600	3.827.437.062	803.061.733.612
Khấu hao trong năm	37.608.818.733	225.645.226.609	9.018.075.734	569.790.894	2.722.492.957	275.564.404.927
Chuyển từ tài sản cố định thuế tài chính (Thuyết minh 10(b))	-	6.431.495.968	-	-	-	6.431.495.968
Chuyển sang chi phí trả trước (*)	(64.535.492)	(2.387.378.671)	(1.272.453.461)	(463.791.531)	(80.147.137)	(4.268.306.292)
Thanh lý, nhượng bán	(165.322.554)	(10.892.770.972)	(192.368.220)	(40.285.808)	(42.857.142)	(11.333.604.696)
Giảm khác	(24.656.218)	(318.493.858)	(8.685.454)	-	(13.818.182)	(365.653.712)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	151.402.386.130	865.275.677.919	42.339.352.045	3.659.546.155	6.413.107.558	1.069.090.069.807
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2012	542.110.819.751	1.604.344.013.610	39.091.582.082	1.958.052.227	12.037.672.693	2.199.542.140.363
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	533.144.124.451	1.625.736.649.177	60.739.613.617	1.449.463.382	14.649.590.057	2.235.719.440.684

(*) Đây là khoản phân loại lại các tài sản cố định có nguyên giá dưới 30 triệu đồng vào chi phí trả trước theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 65.035.423.772 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2012: 49.172.810.851 đồng) đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 1.415.732.334.554 đồng được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (ngày 30 tháng 9 năm 2012: 1.137.287.394.652 đồng).

(b) Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VNĐ
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2012	133.541.500.504
Thuê thêm trong năm	21.351.032.400
Tặng khác	10.000.000
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 10(a))	(13.705.000.000)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	<u>141.197.532.904</u>
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2012	13.952.133.639
Khấu hao trong năm	11.260.596.580
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 10(a))	(6.431.495.968)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	<u>18.781.234.251</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2012	119.589.366.865
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	<u>122.416.298.653</u>

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(c) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2012	253.762.224.817	1.907.468.104	255.669.692.921
Tăng trong năm	748.696.710	-	748.696.710
Chuyển sang chi phí trả trước (*)	-	(43.527.300)	(43.527.300)
Thanh lý, nhượng bán	(2.846.052.648)	-	(2.846.052.648)
Giảm khác	(6.377.140)	-	(6.377.140)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	251.658.491.739	1.863.940.804	253.522.432.543
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2012	14.129.847.457	1.255.400.852	15.385.248.309
Khấu hao trong năm	3.454.355.730	300.352.211	3.754.707.941
Chuyển sang chi phí trả trước (*)	-	(25.085.221)	(25.085.221)
Thanh lý, nhượng bán	(46.985.950)	-	(46.985.950)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	17.537.217.237	1.530.667.842	19.067.885.079
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2012	239.632.377.360	652.067.252	240.284.444.612
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	234.121.274.502	333.272.962	234.454.547.464

(*) Đây là khoản phân loại lại các tài sản cố định có nguyên giá dưới 30 triệu đồng vào chi phí trả trước theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 424.934.120 đồng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang được sử dụng (ngày 30 tháng 9 năm 2012: 280.361.120 đồng).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 179.608.001.028 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2012: 164.111.293.657 đồng) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

(d) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Số dư đầu năm	26.003.881.904	470.916.943.034
Tăng trong năm	448.796.039.075	48.855.722.581
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 12)	(3.100.596.167)	(4.923.653.232)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10(a))	(274.610.048.676)	(488.845.130.479)
Số dư cuối năm	197.089.276.136	26.003.881.904

Những dự án xây dựng cơ bản dở dang lớn:

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Mua sắm máy móc thiết bị tại Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	154.161.951.042	18.569.355.451
Công trình xây dựng Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	15.404.412.315	5.113.690.655

Chi phí lãi vay được vốn hóa trong tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 6.815.357.992 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012: 8.715.760.598 đồng).

11 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Công ty	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	% quyền sở hữu và quyền biểu quyết	Số tiền	
				30.9.2013 VND	30.9.2012 VND
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen - Gemadept (*)	Cung cấp các dịch vụ đại lý vận tải biển	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500751828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 20 tháng 6 năm 2006 và đăng ký thay đổi ngày 13 tháng 10 năm 2009	45	44.456.331.634	44.456.331.634
Đầu tư dài hạn khác					
Quý Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	Đầu tư vào các dự án và các Công ty Việt Nam niêm yết và chưa niêm yết trong lĩnh vực y tế.	08/TB-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 1 năm 2008	3	15.000.000.000	15.000.000.000
TỔNG CỘNG				59.456.331.634	59.456.331.634

(*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen - Gemadept đang chờ chuyển nhượng theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/NQ/ĐHĐCĐ/HSG/2011 ngày 16 tháng 6 năm 2011.

12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Số dư đầu năm	61.094.031.932	55.981.627.029
Tăng trong năm	38.681.223.302	37.971.342.489
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang sang (Thuyết minh 10(d))	3.100.596.167	4.923.653.232
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình (*)	2.553.338.709	-
Tăng khác	127.200.500	-
Phân bổ trong năm	(47.788.881.712)	(37.782.590.818)
Số dư cuối năm	57.767.508.898	61.094.031.932

(*) Đây là khoản phân loại lại giá trị còn lại của tài sản cố định có nguyên giá dưới 30 triệu đồng vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong vòng 3 năm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm công cụ dụng cụ, bảo hiểm, sửa chữa lớn tài sản cố định và chi phí thuê hoạt động trả trước.

13 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Biến động gộp của thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Số dư đầu năm	7.539.813.132	7.615.641.836
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8.479.404.568	(75.828.704)
Số dư cuối năm	16.019.217.700	7.539.813.132

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận chủ yếu từ chênh lệch tạm thời liên quan đến các khoản lợi nhuận chưa thực hiện từ doanh thu bán hàng nội bộ với các chi nhánh của Công ty, lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch giữa các công ty trong Tập đoàn, chi phí lãi vay và các khoản chi phí trích trước khác.

14 CÁC KHOẢN VAY

(a) Vay ngắn hạn

		30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (*)		2.468.854.540.949	1.874.783.164.492
Vay dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh 14(b))		298.642.575.600	144.621.141.648
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh 14(b))		20.616.608.220	20.521.443.928
Vay ngắn hạn khác (**)		26.300.000.000	-
		2.814.413.724.769	2.039.925.750.068

(*) Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

Khoản vay số	Tiền tệ	Lãi suất năm	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
1	USD	4% - 7,0%	211.410.740.800	397.349.294.200
2	VND	11% - 18,5%	-	66.800.000.000
3	USD	4,15% - 5,5%	317.842.593.447	132.506.031.645
4	VND	7% - 12,5%	130.280.111.484	10.007.000.000
5	USD	3,8% - 6%	441.089.851.000	256.450.792.619
6	VND	6,75% - 12%	158.246.647.827	184.210.428.571
7	USD	4,5% - 5,7%	-	115.637.056.000
8	USD	3,3% - 4%	227.817.968.103	99.490.344.783
9	VND	6,15% - 10%	150.360.360.683	28.390.000.000
10	USD	3,8% - 5%	59.957.213.921	39.573.200.000
11	USD	3,8% - 6%	56.013.170.601	13.954.760.000
12	USD	3,4% - 3,8%	15.154.363.000	-
13	USD	4,2%	25.443.265.372	-
14	USD	3,3% - 4,5%	118.899.619.612	183.498.218.052
15	VND	6,4% - 11,2%	28.700.000.000	29.400.000.000
16	USD	6,00%	-	28.364.976.082
17	USD	3,8% - 5,1%	145.515.382.898	57.818.528.000
18	USD	3,8% - 6,3%	184.507.457.516	231.332.534.540
19	VND	7% - 11,9%	12.540.583.701	-
20	USD	4,00%	34.004.044.702	-
21	USD	3,25%	48.722.541.665	-
22	USD	3,80%	102.348.624.617	-
			2.468.854.540.949	1.874.783.164.492

Tất cả các khoản vay ngắn hạn trên được bảo đảm bằng tài sản cố định và hàng tồn kho của Tập đoàn.

(**) Các khoản vay ngắn hạn khác là khoản vay 26.300.000.000 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2012: không có) từ một cá nhân, không có tài sản đảm bảo, chịu lãi suất 8%/năm và sẽ đến hạn trong tháng 12 năm 2013.

(b) Vay và nợ dài hạn

		30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Vay ngân hàng	(*)	789.545.123.372	638.262.330.949
Nợ thuê tài chính	(**)	73.614.825.028	74.922.199.406
Nợ dài hạn khác	(***)	44.126.160.000	58.267.488.000
		<u>907.286.108.400</u>	<u>771.452.018.355</u>
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 14(a))		(298.642.575.600)	(144.621.141.648)
Trừ: Nợ thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh 14(a))		(20.616.608.220)	(20.521.443.928)
		<u>588.026.924.580</u>	<u>606.309.432.779</u>

(*) Chi tiết các khoản vay như sau:

Khoản vay số	Tiền tệ	Thời hạn thanh toán	Lãi suất năm	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
1	VND	25/9/2017	10,5% - 15%	326.339.516.000	155.288.986.000
2	USD	16/7/2019	4,15%	58.081.311.390	-
3	VND	16/7/2019	10,00%	52.220.357.395	-
4	USD	15/9/2013	7,2%	-	1.564.516.048
5	VND	11/6/2016	9,7% - 15%	212.001.916.695	290.697.516.695
6	USD	8/9/2018	1,7%	80.621.411.392	96.581.300.106
7	VND	24/10/2015	7,8% - 8,4%	21.280.000.000	35.500.000.000
8	VND	16/7/2017	11% - 16%	39.000.610.500	49.400.122.100
9	VND	26/4/2015	13% - 14%	-	9.229.890.000
				<u>789.545.123.372</u>	<u>638.262.330.949</u>

Tất cả các khoản vay trên được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ những khoản vay này.

14 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(b) Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)

(**) Nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê tài chính không được hủy ngang như sau:

Các khoản nợ thuê tài chính

	30.9.2013		
	Tổng nợ thuê tài chính VNĐ	Chi phí lãi VNĐ	Nợ gốc VNĐ
Dưới 1 năm	27.224.643.135	6.608.034.915	20.616.608.220
Từ 1-5 năm	60.316.844.271	7.318.627.463	52.998.216.808
	<u>87.541.487.406</u>	<u>13.926.662.378</u>	<u>73.614.825.028</u>
	30.9.2012		
	Tổng nợ thuê tài chính VNĐ	Chi phí lãi VNĐ	Nợ gốc VNĐ
Dưới 1 năm	30.258.852.744	9.737.408.816	20.521.443.928
Từ 1-5 năm	67.908.490.149	13.507.734.671	54.400.755.478
	<u>98.167.342.893</u>	<u>23.245.143.487</u>	<u>74.922.199.406</u>

(***) Nợ dài hạn khác là khoản nợ 1.560.000 Euro tương đương 44.126.160.000 đồng (Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012: 2.144.000 Euro tương đương 58.267.488.000 đồng) từ nhà cung cấp liên quan đến việc mua tài sản cố định, chịu lãi suất 5,8%/năm và được hoàn trả theo phân kỳ 6 tháng đến tháng 5 năm 2016.

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	11.189.715.893	46.827.168.659
Thuế giá trị gia tăng	9.823.141.547	17.603.888.915
Thuế xuất nhập khẩu	94.673	76.358.503
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.104.924.169	19.678.975.563
Thuế khác	5.522.522.172	465.005.931
	<u>51.640.398.454</u>	<u>84.651.397.571</u>

16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Điện	117.193.240	3.855.747.726
Xây dựng cơ bản dở dang	334.545.454	1.623.564.318
Chi phí vận chuyển	582.558.457	1.981.006.445
Chi phí kiểm toán	711.496.656	785.454.544
Chi phí lương tháng 13	14.993.297.000	10.262.949.429
Chi phí lãi vay	2.227.290.276	3.892.928.961
Chi phí phải trả khác	3.426.421.379	4.339.253.420
	22.392.802.462	26.740.904.843

17 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Cổ tức phải trả	3.634.861.200	2.494.771.525
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, và kinh phí công đoàn	1.436.549.180	949.195.838
Nhận đặt cọc dự thầu	3.580.000.000	3.182.161.759
Phạt nộp chậm tiền thuế của công ty con đã giải thể	-	2.431.698.169
Phải trả khác	7.862.311.730	8.279.472.819
	16.513.722.110	17.337.300.110

18 QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

Quỹ này được lập từ việc trích lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn. Quỹ này được dùng để trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi của năm như sau:

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Số dư đầu năm	5.225.251.199	7.946.458.110
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	14.724.134.716	6.406.734.996
Sử dụng	(15.485.604.400)	(4.364.403.876)
Hoàn nhập vào lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 20)	-	(4.055.557.395)
Chuyển sang các quỹ khác (Thuyết minh 20)	-	(707.980.636)
Số dư cuối năm	4.463.781.515	5.225.251.199

19 SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU

	30.9.2013		30.9.2012	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	100.790.790	-	100.790.790	-
Cổ phiếu quỹ	(4.477.692)	-	(3.859.212)	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	96.313.098	-	96.931.578	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại cuộc họp cổ đông của Tập đoàn. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn công bố vào từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có quyền ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn. Các quyền lợi của các cổ phiếu được Tập đoàn mua lại đều được tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quý dự phòng tài chính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2011	1.007.907.900.000	451.543.290.363	343.337.080.796	-	(28.588.182.845)	8.525.313.060	1.782.725.401.374
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	368.103.367.888	-	-	-	368.103.367.888
Chi trả cổ tức	-	-	(97.557.418.000)	-	-	-	(97.557.418.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(28.128.541.137)	-	(28.128.541.137)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	(6.406.734.996)	-	-	-	(6.406.734.996)
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	(6.412.839.096)	6.412.839.096	-	-	-
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	(4.972.492.823)	-	-	(4.972.492.823)
Hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	4.055.557.395	-	-	-	4.055.557.395
Chuyển từ quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	-	707.980.636	-	-	707.980.636
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012	1.007.907.900.000	451.543.290.363	605.119.013.987	2.148.326.909	(56.716.723.982)	8.525.313.060	2.018.527.120.337
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	580.839.649.877	-	-	-	580.839.649.877
Chi trả cổ tức (*)	-	-	(338.951.283.000)	-	-	-	(338.951.283.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(24.318.822.516)	-	(24.318.822.516)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	(14.724.134.716)	-	-	-	(14.724.134.716)
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	(10.796.142.820)	10.796.142.820	-	-	-
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (**)	-	-	-	(10.936.735.378)	-	-	(10.936.735.378)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	1.007.907.900.000	451.543.290.363	821.487.103.328	2.007.734.351	(81.035.546.498)	8.525.313.060	2.210.435.794.604

(*) Căn cứ theo Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ/HSG/2012 ngày 22 tháng 3 năm 2012 và Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ/HSG/2013 ngày 6 tháng 3 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị ra Nghị quyết số 41/NQ/HĐQT/2012 ngày 17 tháng 8 năm 2012, Nghị quyết số 56/NQ/HĐQT/2012 ngày 29 tháng 10 năm 2012, Nghị nghị quyết số 11/NQ/HĐQT/2013 ngày 6 tháng 3 năm 2013, Nghị quyết số 41/NQ/HĐQT/2013 ngày 14 tháng 8 năm 2013 về việc chia cổ tức.

20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

- (**) Bao gồm khoản tiền 6.404.713.970 đồng Tập đoàn chi thường vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm tài chính cho các nhân sự quản lý chủ chốt căn cứ theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 10/BB/HĐQT/2012 ngày 17 tháng 10 năm 2012, Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 12/BB/HĐQT/2012 ngày 12 tháng 12 năm 2012; Quyết định số 206A ngày 29 tháng 10 năm 2012, Quyết định số 1316 ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Ban Tổng Giám đốc, và Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ/HSG/2013 ngày 6 tháng 3 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông.

21 DOANH THU

(a) Doanh thu thuần

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Doanh thu		
Bán thành phẩm	10.487.450.517.931	9.246.014.302.100
Bán hàng hóa	1.282.248.639.458	859.638.108.267
Cung cấp dịch vụ	2.945.143.418	5.335.896.300
	11.772.644.300.807	10.110.988.306.667
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	-	(109.570.991)
Hàng bán bị trả lại	(10.075.592.636)	(22.531.595.056)
Giảm giá hàng bán	(2.670.115.629)	(390.909.075)
	(12.745.708.265)	(23.032.075.122)
	11.759.898.592.542	10.087.956.231.545

(b) Doanh thu từ hoạt động tài chính

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Thu nhập lãi tiền gửi	5.940.385.291	3.862.359.199
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	33.746.847.075	44.729.484.555
	39.687.232.366	48.591.843.754

22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Thành phẩm	9.070.323.972.296	7.891.069.900.293
Hàng hóa	981.192.369.717	787.245.656.610
Dịch vụ	869.836.270	2.720.847.795
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	1.785.601.272
	<u>10.052.386.178.283</u>	<u>8.682.822.005.970</u>

23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Lãi vay	167.862.447.942	340.390.787.401
Lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái	78.722.293.155	69.978.053.765
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá đầu tư dài hạn	-	(1.126.940.680)
	<u>246.584.741.097</u>	<u>409.241.900.486</u>

24 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Chi phí nhân viên	112.379.881.503	96.577.676.057
Chi phí khấu hao	17.184.774.819	18.760.384.721
Chi phí vật liệu bao bì	2.009.817.580	1.907.889.808
Chi phí dịch vụ mua ngoài	347.696.396.232	249.883.446.862
Chi phí khác	12.076.127.824	19.267.174.394
	<u>491.346.997.958</u>	<u>386.396.571.842</u>

25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	162.745.207.547	122.823.603.993
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.683.523.403	4.632.842.779
Chi phí khấu hao	20.993.304.362	20.634.879.798
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.444.011.493	75.909.659.257
Chi phí khác	64.673.977.611	37.225.756.188
	350.540.024.416	261.226.742.015

26 THU NHẬP KHÁC

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Thu từ bán phế liệu	8.946.444.701	6.803.832.226
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	7.248.031.779	3.248.224.565
Thu nhập khác	20.983.326.054	21.733.884.929
	37.177.802.534	31.785.941.720

27 CHI PHÍ KHÁC

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	10.177.993.053	3.291.082.139
Chi phí khác	6.730.747.951	13.799.357.520
	16.908.741.004	17.090.439.659

28 THUẾ

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Theo Giấy Chứng nhận Ưu đãi Đầu tư số 108/CN-UB do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 29 tháng 10 năm 2001, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên lợi nhuận tính thuế. Cũng theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Ưu đãi Đầu tư, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2004) và được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo.

Hoạt động thương mại chịu thuế suất thu nhập 25% và không được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen

Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 12 năm kể từ năm hoạt động đầu tiên và 25% cho những năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép đầu tư cũng cho phép Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm có lợi nhuận tính thuế (2007) và giảm 50% thuế thu nhập trong 5 năm tiếp theo.

Các hoạt động kinh doanh khác chịu thuế suất 25% và không được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen

Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 12 năm kể từ năm hoạt động đầu tiên và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư cũng cho phép Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm có lợi nhuận tính thuế đầu tiên (2007) và được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập trong 5 năm tiếp theo.

Các hoạt động kinh doanh khác chịu thuế suất 25% và không được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

28 THUẾ (tiếp theo)

Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen

Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cho Nhà nước bằng 25% lợi nhuận tính thuế.

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo các mức thuế suất áp dụng cho các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	678.996.944.684	411.556.357.047
Thuế tính theo các mức thuế suất của Tập đoàn	169.749.236.171	69.433.661.677
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(7.365.965.578)	(13.755.469.574)
Chi phí không được khấu trừ	40.609.921.753	17.560.066.771
Dự phòng thiếu của những năm trước	884.768.556	8.556.039.864
Ảnh hưởng của thuế suất cao hơn	-	241.898.021
Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	(4.379.706.492)
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(91.737.371.901)	(29.408.100.515)
Thuế TNDN từ chuyển quyền sử dụng đất	986.723	-
Ảnh hưởng khác	(13.984.280.917)	(4.795.400.593)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	98.157.294.807	43.452.989.159
Trong đó:		
Thuế TNDN hiện hành	106.636.699.375	43.377.160.455
Thuế TNDN hoãn lại	(8.479.404.568)	75.828.704

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được tính dựa vào thu nhập tính thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

29 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Lợi nhuận thuần	580.839.649.877	368.103.367.888
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	97.766.865	97.872.861
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng)	5.941	3.761

30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	9.461.695.196.929	10.177.050.899.778
Chi phí nhân công	389.205.966.441	310.562.325.023
Chi phí khấu hao và phân bổ	203.258.305.042	260.224.527.337
Chi phí dịch vụ mua ngoài	991.408.749.441	644.786.710.718
Các chi phí khác	394.071.852.240	185.034.803.092
	11.439.640.070.093	11.577.659.265.948

31 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các yếu tố rủi ro tài chính

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn có thể chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro biến động lãi suất), rủi ro nợ phải thu và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện, đo lường rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro.

Bộ phận Tài chính của Tập đoàn đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Ban Tổng Giám đốc xem xét.

Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận được.

31 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro thị trường

(i) Rủi ro tỷ giá

Việc kinh doanh của Tập đoàn có thể chịu rủi ro biến động tỷ giá VND/USD và VND/EUR vì Tập đoàn có các giao dịch mua nguyên vật liệu (thép cuộn cán nóng, kẽm thỏi, hợp kim nhôm kẽm) và các khoản nợ bằng USD và EUR. Tập đoàn giảm thiểu rủi ro biến động tỷ giá bằng việc đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, tạo doanh thu bằng USD để bù đắp nhu cầu USD cho hoạt động nhập khẩu nguyên vật liệu. Ngoài ra, Tập đoàn thường xuyên căn cứ vào tình hình thị trường để dự đoán biến động tỷ giá nhằm có những chính sách phù hợp để giảm thiểu rủi ro.

Rủi ro tỷ giá được trình bày như sau:

	30.9.2013		Tổng cộng VND
	Số dư bằng USD Tương đương VND	Số dư bằng EUR Tương đương VND	
Tài sản tài chính			
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	82.515.498.837	6.331.255	82.521.830.092
Phải thu thương mại	235.670.832.907	-	235.670.832.907
Ứng trước cho người bán và ký quỹ	87.218.736.948	-	87.218.736.948
	405.405.068.692	6.331.255	405.411.399.947
Nợ tài chính			
Các khoản vay	(2.130.651.394.693)	(44.126.160.000)	(2.174.777.554.693)
Phải trả thương mại	(1.081.691.062.033)	-	(1.081.691.062.033)
Người mua trả tiền trước	(50.986.078.470)	-	(50.986.078.470)
	(3.263.328.535.196)	(44.126.160.000)	(3.307.454.695.196)
Mức độ rủi ro tỷ giá	(2.857.923.466.504)	(44.119.828.745)	(2.902.043.295.249)

	30.9.2013		
	Số dư bằng USD Tương đương VNĐ	Số dư bằng EUR Tương đương VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tài sản tài chính			
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	2.865.102.635	6.021.880	2.871.124.515
Phải thu thương mại	201.145.081.799	-	201.145.081.799
Ứng trước cho người bán và ký quỹ	37.532.010.178	39.699.997	37.571.710.175
	241.542.194.612	45.721.877	241.587.916.489
Nợ tài chính			
Các khoản vay	(1.654.121.552.075)	(58.267.488.000)	(1.712.389.040.075)
Phải trả thương mại	(335.204.971.804)	-	(335.204.971.804)
Phải trả khác	(2.054.807.729)	-	(2.054.807.729)
	(1.991.381.331.608)	(58.267.488.000)	(2.049.648.819.608)
Mức độ rủi ro tỷ giá	(1.749.839.136.996)	(58.221.766.123)	(1.808.060.903.119)

Mức độ rủi ro tỷ giá này thể hiện tổng giá trị thuần của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có gốc USD và EUR. Khi tỷ giá VND/USD và/hoặc VND/EUR biến động, giá trị kỳ vọng của khoản này và lợi nhuận của Tập đoàn sẽ thay đổi.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, nếu tỷ giá VND/USD tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn trong năm sẽ giảm/tăng một khoản là 25.006.830.332 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012: 16.164.238.728 đồng).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, nếu tỷ giá VND/EUR tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn trong năm sẽ giảm/tăng một khoản là 386.048.502 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012: 539.008.041 đồng).

(ii) *Rủi ro về giá*

Tập đoàn không phải chịu rủi ro giá chứng khoán vốn phát sinh từ các khoản đầu tư được phân loại sẵn sàng để bán bởi vì Tập đoàn không có các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết.

31 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(iii) Rủi ro biến động lãi suất

Tập đoàn có thể chịu rủi ro biến động lãi suất đối với các khoản vay của Tập đoàn. Tập đoàn đã và đang thực hiện định mức tồn kho nguyên vật liệu, thành phẩm và phụ tùng thay thế ở mức hợp lý để giảm thiểu nhu cầu vay ngắn hạn cũng như cân đối cơ cấu các khoản vay ngắn hạn giữa USD và VND linh hoạt, phù hợp với tình hình biến động của lãi suất và tỷ giá để đạt được chi phí lãi vay hợp lý. Tập đoàn có các khoản vay lãi suất biến thiên chủ yếu là bằng đồng VND và USD.

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013, nếu lãi suất đối với các khoản vay bằng VND tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn trong năm sẽ giảm/tăng một khoản là 9.231.138.166 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012: 13.264.531.271 đồng).

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013, nếu lãi suất đối với các khoản vay bằng USD tăng/giảm 0,5% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn trong năm sẽ giảm/tăng một khoản là 8.451.016.886 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012: 7.003.069.527 đồng).

(b) Rủi ro nợ phải thu

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro nợ phải thu thông qua các chính sách sau:

- Xây dựng định mức dư nợ và số ngày nợ tối đa cho từng khách hàng cụ thể cùng với việc lập báo cáo chi tiết theo dõi quá trình thanh toán hàng ngày để xem xét đánh giá lại định mức cũng như phân loại nợ và đôn đốc thu hồi nợ;
- Tính lãi vay trên công nợ và giao định mức tỷ lệ dư nợ bình quân hàng tháng cho các bộ phận kinh doanh và các chi nhánh phân phối-bán lẻ;
- Không bán chịu cho khách hàng mới hay khách hàng có nợ quá hạn trên 90 ngày, trừ các trường hợp đặc biệt do Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.
- Nhờ các cơ quan chức năng giải quyết khi cần thiết.

Các khoản nợ phải thu bao gồm như sau:

(i) Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Tập đoàn.

(ii) Các tài sản tài chính quá hạn và/hoặc giảm giá

Không có các nhóm tài sản tài chính khác quá hạn và/hoặc giảm giá ngoại trừ các khoản phải thu.

(c) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo Tập đoàn luôn có quỹ dự trữ tiền mặt để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	30.9.2013			
	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Phải trả thương mại	1.317.685.051.025	-	-	1.317.685.051.025
Vay ngắn hạn	2.495.154.540.949	-	-	2.495.154.540.949
Phải trả các khoản vay, nợ dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả	319.259.183.820	588.026.924.580	-	907.286.108.400
	<u>4.132.098.775.794</u>	<u>588.026.924.580</u>	<u>-</u>	<u>4.720.125.700.374</u>

	30.9.2012			
	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Phải trả thương mại	484.411.293.421	-	-	484.411.293.421
Vay ngắn hạn	1.874.783.164.492	-	-	1.874.783.164.492
Phải trả các khoản vay, nợ dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả	165.142.585.576	606.308.855.689	577.090	771.452.018.355
	<u>2.524.337.043.489</u>	<u>606.308.855.689</u>	<u>577.090</u>	<u>3.130.646.476.268</u>

32 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan chủ yếu bao gồm các công ty liên kết, các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và các nhân sự quản lý chủ chốt.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban cố vấn và Ban kiểm soát	958.000.000	1.072.200.000
Thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	5.705.000.000	-
Lương cho Ban Tổng Giám đốc	7.454.632.000	6.358.681.967
Thưởng cho Ban Tổng Giám đốc	2.865.200.000	-

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Trả trước cho người bán (Thuyết minh 4)		
Hoàng Đức Huy (Phó Tổng Giám đốc) Ứng trước tiền mua đất	90.183.227.000	90.183.227.000

33 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh vật liệu tôn, thép, vật liệu xây dựng và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

34 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Tập đoàn phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Dưới 1 năm	30.199.614.448	21.998.113.123
Từ 1 đến 5 năm	78.858.214.022	66.417.395.619
Trên 5 năm	285.475.419.963	246.047.114.053
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	394.533.248.433	334.462.622.795

35 CAM KẾT VỐN

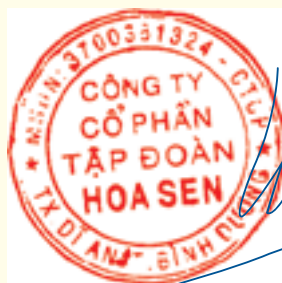
Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	615.558.105.177	186.444.843.145

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Tổng Giám đốc duyệt ngày 9 tháng 12 năm 2013.



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc
Ngày 9 tháng 12 năm 2013

HOA SEN GROUP

Số 9 Đại lộ Thống Nhất,
Khu công nghiệp Sóng Thần 2,
Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Bình Dương.

Website: www.hoasengroup.vn

Tel : (0650) 3790 955

Fax : (0650) 3790 888